

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HÙNG LÂM

**ĐIỀU TRA VỤ ÁN
LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HÙNG LÂM

ĐIỀU TRA VỤ ÁN
LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số : 838.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. ĐINH THỊ MAI

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Học viên

Nguyễn Hùng Lâm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN	6
1.1. Một số vấn đề lý luận về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	6
1.2. Nhận thức về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	15
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	29
2.1. Tình hình, đặc điểm có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng.....	29
2.2. Tổ chức lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	41
2.3. Hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng	44
2.4. Nhận xét và đánh giá về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua	60
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	68
3.1. Dự báo một số tình hình có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới	68
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng.....	72
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLDS	:	Bộ luật dân sự
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
CSĐT	:	Cảnh sát điều tra
ĐTV	:	Điều tra viên
KSV	:	Kiểm sát viên
LĐCĐTS	:	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
NXB	:	Nhà xuất bản
TAND	:	Tòa án nhân dân
TTHS	:	Tổ tụng hình sự
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
TPĐN	:	Thành phố Đà Nẵng
VKS	:	Viện Kiểm sát
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Số hiệu	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1.	Số bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	34
Bảng 2.2.	Những thủ đoạn che giấu hành vi phạm tội	38
Bảng 2.3.	Một số đặc điểm của đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản	40
Bảng 2.4.	Tình hình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm	44
Bảng 2.5.	Tình hình lấy lời khai người bị hại	47
Bảng 2.6.	Tình hình giải quyết TGTB về tội phạm	50
Bảng 2.7.	Số đối tượng bị khởi tố bị can	52

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, Đà Nẵng đã có những bước phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu đáng kể, điều này đã góp phần vào việc thu hút đầu tư từ địa phương khác và đặc biệt là đầu tư từ nước ngoài.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập quốc tế, thì tình trạng lao động nhập cư cũng có mức tăng đột biến làm cho tình hình an ninh trật tự xã hội bị tác động lớn, tình hình tội phạm nhóm xâm phạm sở hữu nói chung, đặc biệt là tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (CĐTS) nói riêng tại Thành phố Đà Nẵng (TPĐN) ngày càng gia tăng cả về số vụ và mức độ hành vi, gây thiệt hại lớn về tài sản của Nhà nước, cá nhân và tổ chức xã hội, làm cản trở sự phát triển của đất nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội của thành phố, tác động tiêu cực đến tư tưởng, đời sống, sinh hoạt của người dân thành phố.

Bên cạnh những tác động từ bên ngoài thì những nguyên nhân từ công tác điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của loại tội phạm này trong thực tiễn vẫn còn gặp nhiều khó khăn, bất cập thậm chí dẫn đến thiếu sót. Trong những năm gần đây, những vấn đề về xác định tội danh không chính xác hay vấn đề về "hình sự hóa" các quan hệ dân sự, quan hệ kinh tế và "phi hình sự hóa" trong đấu tranh chống tội phạm đã được khắc phục, tuy nhiên vẫn còn diễn ra, thậm chí có vụ dẫn đến oan, sai. Đây là lỗi của Cơ quan điều tra nói riêng, các Cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, chưa nhận thức một cách đúng đắn quy định của luật pháp về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chưa phân biệt được sự khác nhau và giống nhau giữa tội phạm này với các tội phạm xâm phạm sở hữu khác. Việc xác định tội danh không chính xác làm ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng điều tra. Vì thế, sót lọt tội phạm hay oan sai là vấn đề tất yếu có thể xảy ra. Điều này đặt ra cho Cơ quan điều tra nhiệm vụ là phải làm rõ về mặt lý luận, cũng như bản chất và ranh giới của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với các tội phạm xâm phạm sở hữu khác, xác định các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ gỡ tội và chứng cứ buộc tội, nhằm làm cơ sở cho nhận thức thống nhất về vấn đề này trong thực tiễn, tránh ảnh hưởng, xâm phạm đến quyền con người.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng, Nhà nước và toàn dân ta đang ra sức xây dựng một Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước do nhân dân làm chủ, thì công tác cải cách tư pháp cũng đang được chú trọng. Cải cách tư pháp phải được thực hiện theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020; bên cạnh việc sắp xếp, cơ cấu lại hệ thống Cơ quan tư pháp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn... thì việc tăng cường công tác điều tra đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng là một trong những nhiệm vụ cấp bách được đặt lên hàng đầu. Mọi hành vi phạm tội phải được kịp thời phát hiện, điều tra một cách thận trọng, khách quan và toàn diện, xử lý theo quy định của pháp luật hình sự, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm là quá trình khó khăn và lâu dài, đòi hỏi những người tham gia tiến hành tố tụng phải vận dụng một cách khéo léo, cân trọng các mô hình pháp lý được quy định trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự vào thực tiễn công tác điều tra, xử lý tội phạm.

Trước tình hình thực tế đó đã đặt ra nhu cầu cấp thiết cần nghiên cứu về mặt lý luận và đánh giá đúng đắn về thực trạng hoạt động điều tra vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra đối với loại tội phạm này. Từ những nhận thức về lý luận cũng như kinh nghiệm trong công tác điều tra chống tội phạm trong nhiều năm, tác giả chọn nghiên cứu đề tài: *"Điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng"* làm đề tài luận văn thạc sỹ luật học. Qua đó, bổ sung thêm phần kiến thức còn thiếu cũng như chia sẻ kinh nghiệm trong công tác điều tra các loại tội phạm nói chung, tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nói riêng.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một trong những đề tài được các nhà nghiên cứu về các tội xâm phạm sở hữu lựa chọn, đặc biệt là trong tình hình hiện nay, tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có chiều hướng tăng với tính chất, mức độ khá nguy hiểm. Một số công trình khoa học ở các cấp độ luận văn, luận án, bình luận khoa học, đề tài khoa

học các cấp và dưới dạng các bài báo khoa học đã đề cập trên các phương diện khác nhau thuộc các chuyên ngành Luật hình sự, Tổ tụng hình sự và cả tội phạm học, các nội dung liên quan đến tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng, các tội xâm phạm sở hữu nói chung, điển hình như: GS.TS. Võ Khánh Vinh có bài “Lý luận chung về định tội danh” (giáo trình sau đại học); luận án tiến sĩ của tác giả Đặng Quang Phúc về “Hoạt động của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; hay một số luận văn thạc sĩ, như luận văn của tác giả Trần Thị Phương Hiền về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Những vấn đề lý luận và thực tiễn”; luận văn của tác giả Dương Thị Ngọc Thuỷ về “Đấu tranh phòng chống tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. Ngoài ra, còn có một số bài viết đăng trên các tạp chí của Tòa án, Viện kiểm sát, như bài viết của tác giả Trần Công Phàn về “Phân biệt tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trong trường hợp liên quan đến vi phạm hợp đồng”... Qua nghiên cứu, nhìn chung các tác giả đã đề cập khá sâu sắc và toàn diện về các dấu hiệu pháp lý của loại tội phạm này, phân biệt rõ các trường hợp phạm tội này với một số tội phạm khác có chung đặc điểm là dấu hiệu gian dối, hay một số hoạt động điều tra về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách tổng quát về hoạt động điều tra tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng. Chính vì vậy, với cách tiếp cận của riêng mình, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài *"Điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật Tổ tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng"*, đây là đề tài có tính mới và rất cần thiết, có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn trong thời kì hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn hoạt động điều tra các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" mà lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng phát hiện và thụ lý, tác giả nêu ra một số vướng mắc, bất cập trong quá trình điều tra, đồng thời mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, khắc phục những vướng mắc, bất cập trong hoạt động điều tra vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, tác giả đã nêu ra những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Những vấn đề lý luận về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- Thực trạng hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng.
- Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn được xác định là: Hoạt động điều tra các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của lực lượng CSĐT Công an Thành phố Đà Nẵng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong phạm vi luận văn này được giới hạn hiểu theo nghĩa là hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS. Đề tài xác định hoạt động điều tra trong luận văn này không chỉ trong giai đoạn điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS mà bao gồm cả hoạt động điều tra ban đầu (khi tiếp nhận tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố) cho đến khi ban hành bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra quyết định đình chỉ điều tra.

- Nghiên cứu các quy định về điều tra vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Hình sự 1999 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Địa bàn nghiên cứu: Thành phố Đà Nẵng.

- Thời gian: từ năm 2013 đến năm 2017.

- Nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án (235 bị can) về tội Lừa đảo CĐTTS mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an hai cấp ở Công an TPĐN đã thụ lý từ năm 2013 đến 2017.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Về mặt lý luận, tác giả chủ yếu sử dụng phép duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước, phương pháp luận nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp luận của khoa học Luật Tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, tác giả có sử dụng một số thành tựu của các

lĩnh vực khoa học Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Tội phạm học...

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp: lý luận, phân tích, so sánh, chứng minh... để làm rõ những vấn đề lý luận chung về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với việc làm rõ các vấn đề thực trạng về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ thực tiễn Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng, tác giả đã sử dụng các phương pháp: nghiên cứu, lý luận, phân tích, hệ thống, đối chiếu, suy luận, logic. Đối với việc kiến nghị hoàn thiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì tác giả sử dụng phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phân tích, suy luận logic.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài góp phần bổ sung, hoàn thiện hơn về vấn đề lý luận trong điều tra vụ án hình sự nói chung, điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng, đồng thời góp phần hoàn thiện hơn pháp luật về điều tra vụ án hình sự.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng trong công tác giảng dạy hoặc sử dụng trong hoạt động thực tiễn điều tra, như: công tác chỉ đạo hoặc trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của lực lượng Cảnh sát điều tra nói chung, lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn có kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Chương 2. Thực trạng hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng.

Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

1.1. Một số vấn đề lý luận về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1.1.1. Khái niệm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Lừa đảo là thuật ngữ khoa học pháp lý xuất hiện từ nhiều thế kỷ qua và được mọi người sử dụng rộng rãi ở trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Người thực hiện hành vi lừa đảo có động cơ chính là nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác hoặc cũng có thể làm (có thể bằng lời nói hoặc bằng hành động) cho người có tài sản hiểu sai sự thật mà tin tưởng mình. Căn cứ ở góc độ pháp lý thì *“Lừa đảo là hành vi gian dối để làm người khác tin nhằm thực hiện những mục đích vụ lợi trái pháp luật”*. [50, tr.72]

Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản; tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai”*.

Như vậy, qua nghiên cứu các tài liệu pháp lý, chiếm đoạt tài sản được hiểu là hành vi cố ý chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản, quyền tài sản đang thuộc sự quản lý của chủ thể (nhà nước, tập thể hoặc cá nhân) thành tài sản của mình, hoặc cho một nhóm người hoặc cho người khác mà mình quan tâm”. [46]

Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 qui định: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm cho chủ sở hữu, người quản lý tài sản tin nhầm giao tài sản cho người phạm tội để chiếm đoạt tài sản đó. Như vậy, từ qui định trên, có thể hiểu tội Lừa đảo CĐTTS bao gồm hai hành vi: Hành vi gian dối là hành vi đưa ra thông tin giả (không đúng sự thật) nhưng làm cho người khác tin đó là thật và giao tài sản cho người phạm tội. Hành vi chiếm đoạt là hành vi cố ý làm dịch chuyển một cách phi pháp tài sản đang thuộc sự sở hữu, quản lý của chủ tài sản thành tài sản của mình, qua đó làm mất đi khả năng thực hiện các quyền năng chiếm hữu, sử dụng, định đoạt của chủ tài sản trên thực tế. Do đó, Lừa đảo CĐTTS là hành vi người phạm tội cố ý chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản đang thuộc quyền sở hữu của người khác thành tài sản của mình bằng cách đưa ra những thông tin không đúng sự thật làm cho người đang chiếm giữ tài sản tin mà giao, nhận nhầm hoặc không nhận tài sản.

Qua nghiên cứu lý luận cho thấy các dấu hiệu pháp lý trong cấu thành tội phạm có tính khái quát chung chung và việc nhận thức chưa đầy đủ về đặc điểm hành vi lừa đảo CĐTTS trong thực tiễn hoạt động điều tra, dẫn đến việc xác định tội danh gặp nhiều khó khăn. Để xác định, cần căn cứ vào “thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản” trong cấu thành tội Lừa đảo CĐTTS. Về hình thức thì người phạm tội phải đồng thời thực hiện hai hành vi là hành vi gian dối với nạn nhân và hành vi chiếm đoạt tài sản của nạn nhân.[46] Tuy nhiên, khi xem xét không thể tách biệt mà phải đảm bảo thống nhất trong cùng vụ việc. Người phạm tội chỉ có sử dụng thủ đoạn gian dối mới làm cho người bị hại trao nhầm tài sản. Có thể hiểu rằng, người phạm tội đã sử dụng mọi phương pháp để đưa ra những thông tin không đúng sự thật, như dùng lời nói dối trá; sử dụng giấy tờ giả mạo; giả danh người có chức vụ quyền hạn; giả danh các tổ chức để ký kết hợp đồng không ngay thẳng hoặc kết hợp tất cả các cách làm nói trên, để che giấu hành vi của mình. Với những thủ đoạn này người phạm tội làm cho người quản lý tài sản tin nhầm tưởng giả là thật, tưởng kẻ gian là người ngay mà “tự nguyện” trao tài sản cho họ. Như vậy, hành vi gian dối có những tính chất sau đây:

Thứ nhất, Hành vi gian dối phải có trước hoặc đi liền với hành vi chiếm đoạt, hai hành vi này có mối quan hệ nguyên nhân - kết quả một cách trực tiếp.

Thủ đoạn gian dối của người phạm tội là nguyên nhân, điều kiện trực tiếp của kết quả, mục đích chiếm đoạt, đó là tài sản được chuyển dịch từ người quản lý sang người phạm tội. Tức là, người phạm tội chỉ thực hiện hành vi gian dối mới có thể chiếm đoạt được tài sản hay nói cách khác, chỉ có thể chiếm đoạt được tài sản khi dùng thủ đoạn gian dối.

Như vậy, về mặt ý chí của người phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao giờ cũng nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trước, sau đó mới dùng thủ đoạn gian dối làm cho người quản lý tài sản tin, trao tài sản cho người phạm tội để chiếm đoạt tài sản. Đây là điểm phân biệt cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Đặc điểm của tội Lừa đảo CĐTTS là tội phạm đồng thời phải thực hiện hai hành vi là hành vi gian dối và hành vi chiếm đoạt. Xét về tính chất của hành vi chiếm đoạt tài sản: nếu tài sản đang thuộc sự chiếm hữu của chủ tài sản, thì hình thức chiếm đoạt là nhận tài sản từ người bị lừa dối; nếu tài sản đang thuộc sự chiếm hữu của người phạm tội, thì hình thức chiếm đoạt chính là giữ lại tài sản mà đáng ra phải giao cho người bị lừa dối. Chẳng hạn, do tin vào lời nói của người phạm tội nên người bị hại đã

nhận nhầm tài sản như: nhận thiếu, nhận sai loại tài sản đáng ra được nhận. Do đó hành vi gian dối phải luôn luôn gắn với hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản, sau một khoảng thời gian nhất định, nạn nhân mới biết mình bị lừa đảo.[52]

Cần phải hiểu rằng, không phải cứ có thủ đoạn gian dối khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì đều có thể xem là Lừa đảo CĐTTS, hiểu như thế là không chính xác. Bởi vì, tùy thuộc vào đặc điểm của thủ đoạn gian dối, có thể hành vi gian dối chỉ là thủ đoạn để nhằm tiếp cận tài sản sau đó mới thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Thứ hai, Thủ đoạn gian dối của người phạm tội là căn cứ để người bị hại “tự nguyện” trao tài sản.

Trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, việc chiếm đoạt tài sản phải được thể hiện dưới hình thức tự nguyện. Có nghĩa là, vì tin vào những thông tin sai sự thật của người phạm tội mà người bị hại đã “tự nguyện” trao tài sản cho người phạm tội, khác với trong tội Cướp hay Cướp giật, tài sản rơi vào tay người phạm tội, sự dịch chuyển tài sản từ người bị hại hoàn toàn là do hành vi vũ lực, cưỡng ép... của người phạm tội, hoàn toàn không xuất hiện yếu tố “tự nguyện” như trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.[33]

Trên thực tế có nhiều trường hợp, khi xác định tội danh rất hay nhầm lẫn tội Lừa đảo CĐTTS với tội Lừa đảo CĐTTS chuyển hóa thành tội Cướp tài sản. Để phân biệt, cần chú ý trong trường hợp chuyển hóa thì tội Lừa đảo CĐTTS phải hình thành và chưa kết thúc (hành vi phạm tội thực sự chấm dứt trên thực tế, người phạm tội nhận thấy không cần thực hiện thêm bất cứ một hành vi phạm tội nào khác. Ở đây, tội phạm chưa kết thúc là người phạm tội chưa đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản).

Từ những phân tích ở trên, khái niệm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có thể hiểu như sau: *“Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối, cung cấp thông tin sai sự thật làm cho chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản nhầm tưởng, tự nguyện trao tài sản cho người phạm tội”*.

1.1.2 Dấu hiệu pháp lý

1.1.2.1. Khách thể của tội phạm và đối tượng tác động của tội Lừa đảo CĐTTS

Thứ nhất, trong cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khách thể của tội phạm là những quan hệ sở hữu về tài sản, đây là quan hệ xã hội chủ yếu mà hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xâm hại.

Do đặc điểm của hành vi, nên tội này chỉ xâm hại đến một khách thể là quan hệ sở hữu tài sản. Đây là điểm khác nhau giữa tội Lừa đảo CĐTS với một số tội xâm phạm sở hữu khác, xâm hại đồng thời nhiều khách thể khác nhau như tội Cướp tài sản, Cướp giật tài sản, Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản..., đồng thời, đây cũng là cơ sở giúp cho việc định tội danh một cách chính xác. Vì vậy, để phân biệt được tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với các tội nêu trên, cần phải xác định khách thể của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là quan hệ sở hữu, còn đối với các tội Cướp tài sản, Cướp giật tài sản, Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản..., ngoài quan hệ sở hữu thì còn có khách thể quan trọng khác đó là quyền được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe của người bị hại.

Quan hệ sở hữu là quan hệ trong đó quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản được tôn trọng và bảo vệ. Quan hệ này bị tội phạm gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại thông qua làm biến đổi tình trạng bình thường của những đối tượng vật chất (tài sản) là một bộ phận của quan hệ sở hữu.

Như mọi hành vi phạm tội khác, hành vi xâm phạm sở hữu cũng có đối tượng tác động cụ thể đó là tài sản. Tài sản bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền về tài sản. Tài sản là đối tượng xâm hại của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phải được thể hiện dưới dạng vật chất, bởi vì những gì không thuộc về vật chất thì không thể là đối tượng của hành vi chiếm đoạt. Tài sản được thể hiện dưới bất cứ hình thức sở hữu nào và phải được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, trong một số trường hợp thì quyền về tài sản không phải là đối tượng tác động của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ví dụ: Quyền tác giả đối với một tác phẩm, bản di chúc về quyền thừa kế... không phải là đối tượng tác động của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, còn những giấy tờ như hóa đơn, giấy báo lĩnh hàng... có thể là đối tượng của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong những trường hợp nhất định. [23]

Tuy nhiên, trên thực tế, có một số tài sản không được coi là đối tượng của tội Lừa đảo CĐTS, mà là đối tượng của hành vi phạm tội khác, bởi vì những loại tài sản này là tài sản của quốc gia, là tài nguyên của đất nước, hoặc đã được qui định trong một chương riêng của BLHS. Ví dụ: tài nguyên rừng, công trình, phương tiện giao thông vận tải, thông tin liên lạc, các chất ma túy, các loại vũ khí quân dụng...

Pháp luật nói chung hay Pháp luật hình sự nói riêng qui định chỉ bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp, vì vậy tài sản được pháp luật bảo vệ cũng phải là tài sản hợp pháp. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động điều tra, có những hành vi xâm phạm tài sản bất hợp

pháp khác của công dân vẫn bị coi là trái pháp luật và có thể cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Thứ hai, Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có đối tượng tác động là tài sản nhưng không phải là mọi tài sản mà trước hết phải là tài sản có giá trị và giá trị sử dụng, tài sản đó phải thuộc về một chủ sở hữu cụ thể với các quy định có tính chất pháp lý bằng quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt, ngoài ra, nó còn phải có khả năng chuyển hóa được giữa các chủ sở hữu với nhau, có thể mua bán, trao đổi một cách hợp pháp. Tài sản đó cũng có thể bao gồm các loại giấy tờ mà nếu người phạm tội có nó thì họ có thể nhận được một số tiền hoặc tài sản nhất định...

Một số đặc điểm của đối tượng tác động (tài sản) trong tội Lừa đảo CĐTS

Một là, Tài sản phải được tồn tại dưới dạng vật chất, có giá trị và giá trị sử dụng, tài sản được tạo ra từ chính sức lao động của con người và phải thỏa mãn được nhu cầu cuộc sống của họ.

Hai là, Tài sản là đối tượng tác động của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải có chủ sở hữu cụ thể, về góc độ pháp lý, điều này có nghĩa là chủ sở hữu tài sản phải là những người có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản đó.

Ba là, Tài sản là đối tượng tác động của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, phải có khả năng chuyển hóa giữa các chủ sở hữu với nhau.

Bốn là, Tài sản là đối tượng tác động của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn được biểu hiện bằng các loại giấy tờ có giá.

Năm là, Tài sản là đối tượng tác động của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải là những tài sản thông thường, nếu là những tài sản đặc biệt sẽ không là đối tượng của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. [23]

Từ những đặc điểm trên thì những tài sản không là đối tượng của tác động của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đó là: vật không có giá trị và giá trị sử dụng; tài sản vô chủ; tài sản do tính chất và công dụng đặc biệt, là đối tượng tác động của các hành vi phạm tội khác. Ví dụ: những công trình (nhà ga, thủy điện...), phương tiện giao thông vận tải (máy bay, tàu hỏa...), thông tin liên lạc, các loại vũ khí quân dụng, tài nguyên rừng...; vật khi không còn là tài sản vì đã bị chủ tài sản hủy bỏ, ví dụ: gia súc mắc bệnh đã bị chôn, tiêu hủy, thuốc chữa bệnh đã bị hủy bỏ, hết thời hạn sử dụng; tài sản được chôn cùng với người chết.

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm:

Các dấu hiệu đặc trưng trong mặt khách quan của tội phạm Lừa đảo CĐTTS

- *Dấu hiệu hành vi nguy hiểm cho xã hội*

Theo qui định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi nguy hiểm cho xã hội được thể hiện ở các mặt như sau:

Thứ nhất, Hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội Lừa đảo CĐTTS được thể hiện dưới hai hành vi thực tế, đó là hành vi gian dối và hành vi chiếm đoạt tài sản.

Hành vi gian dối: là được hợp thành bởi hai yếu tố

Yếu tố thứ nhất, là hành vi đưa ra những thông tin gian dối. Hành vi này thể hiện là hành động có chủ đích của người phạm tội. Người phạm tội biết rõ đó là những thông tin giả nhưng mong muốn người khác tin đó là sự thật. Hành vi này có thể được thực hiện bằng lời nói, hành động hoặc những biểu hiện khác nhằm cung cấp thông tin sai lệch về sự việc như nói có thành không, ít thành nhiều, xấu thành tốt, giả thành thật...[25]

Yếu tố thứ hai, chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản đã tin tưởng vào những thông tin không đúng sự thật ấy mà trao tài sản cho người phạm tội. Khi giao tài sản cho người phạm tội, chủ tài sản không biết mình bị lừa dối. Họ có thể phát hiện ra ngay sau khi trao tài sản nhưng bản chất của hành vi chiếm đoạt vẫn dựa trên thủ đoạn lừa dối thì vẫn xử lý về tội này. Cũng cần lưu ý thêm rằng, nếu ngay sau khi trao tài sản, người quản lý tài sản phát hiện và đã thực hiện một số hành động để bắt giữ mà người phạm tội lại sử dụng các thủ đoạn khác (như dùng vũ lực) để chiếm đoạt tài sản cho bằng được thì sẽ xử lý về tội phạm khác. Đây là trường hợp chuyển hóa từ một số tội có tính chất chiếm đoạt sang tội Cướp tài sản.

Như vậy, trong trường hợp người phạm tội có hành vi gian dối nhưng chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản không bị nhầm lẫn, không tự nguyện trao tài sản, mà người phạm tội phải dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác để chiếm đoạt tài sản thì không cấu thành tội Lừa đảo CĐTTS mà sẽ cấu thành tội chiếm đoạt có hành vi tương ứng.

Cần lưu ý, thủ đoạn gian dối không phải chỉ có ở tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà còn được qui định ở một số tội phạm, điều khác biệt ở đây là hành vi gian dối trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được thực hiện là hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản, còn những hành vi lừa dối không hướng tới việc chiếm đoạt tài sản mà nhằm mục đích khác, dù mục đích này có tính tư lợi cũng không cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ví dụ: hành vi gian dối khi cân, đo, đong, đếm... cấu thành tội Lừa dối

khách hàng được quy định tại Điều 198 Bộ luật hình sự 2015

Hành vi chiếm đoạt cũng thể hiện dưới hai hình thức cụ thể

Hình thức thứ nhất, nếu tài sản bị chiếm đoạt đang trong sự chiếm hữu của chủ tài sản thì hình thức cụ thể của hành vi chiếm đoạt là hành vi nhận tài sản từ người bị lừa dối vì đã tin vào thông tin của người phạm tội. Kể từ khi người phạm tội nhận được tài sản từ chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản thì cũng là lúc người phạm tội đã làm chủ được tài sản đó trên thực tế, lúc này, tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được coi là hoàn thành.

Hình thức thứ hai, nếu tài sản bị chiếm đoạt đang ở trong sự chiếm hữu của người phạm tội thì hình thức thể hiện của hành vi chiếm đoạt là hành vi giữ tài sản đáng nhẽ phải giao cho người bị lừa dối. Bằng cách đưa ra những thông tin sai lệch, người phạm tội đã làm cho người bị lừa dối tin tưởng, và từ đó đã nhận nhầm hoặc không nhận tài sản mà đáng nhẽ phải được nhận. Đây cũng là lúc người phạm tội lừa đảo đã làm chủ được tài sản bị chiếm đoạt và người bị lừa dối đã mất tài sản. Lúc này, là thời điểm hoàn thành của tội Lừa đảo CDTs.

Mối quan hệ giữa hành vi gian dối và hành vi chiếm đoạt trong tội Lừa đảo CDTs luôn chặt chẽ với nhau. Hành vi gian dối là tiền đề, là điều kiện để hành vi chiếm đoạt được thực hiện một cách công khai, dễ dàng. Trong thực tế có những biểu hiện gian dối nhằm mục đích khác không phải là hành vi khách quan của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thủ đoạn gian dối luôn luôn có trước, sau đó mới diễn ra việc giao nhận tài sản giữa người bị hại và người phạm tội, nếu thủ đoạn gian dối có sau khi người phạm tội nhận được tài sản thì đó không phải là Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà tùy từng trường hợp cụ thể, được xem là hành vi phạm tội khác như tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hoặc có thể là hành vi che giấu tội phạm. Thông thường, hành vi chiếm đoạt tài sản xảy ra kế tiếp ngay sau hành vi gian dối, nhưng cũng có trường hợp giữa hai hành vi này lại có khoảng cách nhất định về thời gian. Như vậy, cần phải hiểu rằng tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chỉ coi là hoàn thành khi có hành vi chiếm đoạt xảy ra.

Như vậy, hành vi khách quan trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tương tự với hành vi khách quan của một số tội xâm phạm sở hữu khác. Vì vậy để định tội danh chính xác, cần phải nghiên cứu một cách toàn diện các yếu tố cấu thành tội phạm và

xem xét mối quan hệ giữa hành vi khách quan và các yếu tố có liên quan khác.

Hậu quả của tội phạm:

Lừa đảo CĐTTS là tội có cấu thành vật chất, nghĩa là trong cấu thành tội phạm có phản ánh dấu hiệu hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc đối với trường hợp những người có ý định chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn hoặc rất lớn như ô tô, xe máy, máy tính xách tay, đồng hồ hoặc tài sản khác có giá trị hàng chục triệu đồng trở lên. Mặc dù hậu quả chưa xảy ra nhưng vẫn có thể cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng là phạm tội trong trường hợp phạm tội chưa đạt hoặc chuẩn bị phạm tội tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 qui định Hậu quả của tội phạm là giá trị tài sản bị chiếm đoạt, nó được phản ánh trong cấu thành tội phạm, vì vậy, việc xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định trường hợp nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp nào chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, cũng như việc áp dụng đúng khung hình phạt, đây là dấu hiệu bắt buộc, là dấu hiệu định lượng để xác định cấu thành cơ bản hoặc cấu thành định khung tăng nặng của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Theo Khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 qui định giá trị tài sản bị chiếm đoạt ở mức hai triệu đồng là mức nguy hiểm đáng kể để xác định truy cứu trách nhiệm hình sự. [33]

Để xác định giá trị tài sản đối với tội Lừa đảo CĐTTS, cần lưu ý một số điểm sau đây

Giá trị tài sản bị chiếm đoạt được xác định căn cứ vào kết luận của Hội đồng định giá do Cơ quan tiến hành tố tụng kết luận. Trong trường hợp tài sản bị xâm phạm vì một lý do nào đó không còn nữa (tài sản chiếm đoạt được đã tiêu xài cá nhân hoặc được tẩu tán) thì Cơ quan điều tra cần lấy lời khai của những người biết về tài sản này để xác định lai lịch, giá trị của tài sản vào thời điểm tài sản bị xâm phạm... để có kết luận cuối cùng về giá trị tài sản bị xâm phạm.

Nếu có đủ căn cứ để xác định giá trị cụ thể của tài sản bị xâm phạm thì lấy giá trị tài sản đó để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi vi phạm. Ví dụ: hành vi chiếm đoạt tiền hoặc giấy tờ có giá, nếu người phạm tội có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không quan tâm đến giá trị của tài sản bị chiếm đoạt thì căn cứ vào giá trị thực của tài sản bị xâm phạm để xem xét việc truy cứu trách

nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Trường hợp một người thực hiện hành vi lừa đảo CĐTTS nhiều lần nhưng mỗi lần chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới hai triệu đồng và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Lừa đảo CĐTTS như: gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử phạt hành chính, đã bị kết án nhưng chưa xóa án tích... bên cạnh đó, trong các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã thực hiện chưa có lần nào bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính. Nếu tổng giá trị tài sản của các lần chiếm đoạt bằng hoặc trên mức hai triệu đồng thì người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm, nếu:

Một, về mặt thời gian, các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau;

Hai, việc thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản có tính chất chuyên nghiệp, lấy tài sản chiếm đoạt được làm nguồn sống chính;

Ba, người thực hiện hành vi gian dối nhằm mục đích là chiếm đoạt tài sản, nhưng do điều kiện khách quan phải thực hiện nhiều lần, vì vậy giá trị tài sản bị chiếm đoạt mỗi lần dưới hai triệu đồng.

Ngoài hậu quả “giá trị tài sản bị chiếm đoạt” là dấu hiệu định tội, trên thực tế tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn gây ra nhiều hậu quả nguy hiểm khác cho xã hội, đó là những thiệt hại về tài sản (*không phải là giá trị tài sản bị chiếm đoạt*), về thể chất (*sức khỏe, tinh thần...*) hoặc những hậu quả phi vật chất khác (*những ảnh hưởng xấu, gây cản trở đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây ảnh hưởng lớn đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*) ở nhiều cấp độ khác nhau. Những hậu quả phát sinh này, tùy từng vụ án, tình hình cụ thể mà các Cơ quan tiến hành tố tụng xác định đã gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. [23]

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả của tội phạm

- Hành vi gian dối phải được diễn ra trước hành vi chiếm đoạt;
- Hành vi gian dối là cơ sở quyết định, là điều kiện để thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản của người phạm tội.

Như đã phân tích ở trên, hành vi chiếm đoạt được tài sản của người phạm tội có

thể gây ra những hậu quả nguy hiểm khác cho xã hội, vì vậy, việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả không chỉ có ý nghĩa về mặt định tội mà còn có ý nghĩa trong quyết định hình phạt.

1.1.2.3. Chủ thể của tội phạm:

Chủ thể của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chủ thể thường, vì vậy, nó cũng giống những qui định chung về chủ thể của tội phạm, được qui định trong Bộ luật hình sự, bao gồm: *có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự* theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự 2015.

1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội phạm

Một là, Dấu hiệu lỗi: Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 qui định về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không nêu dấu hiệu lỗi của người phạm tội. Tuy nhiên, theo phân tích và đánh giá của các nhà làm luật, bản chất của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là “cố ý chiếm đoạt”. Như vậy, lỗi trong mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, và được biểu hiện như sau:

Về lý trí: Người phạm tội nhận thức được hành vi xâm phạm sở hữu của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội, những thông tin mà mình đưa ra là những thông tin là hoàn toàn không có thật, nhằm làm cho người khác tin đó là sự thật. Như vậy, hành vi gian dối của người phạm tội Lừa đảo CĐTTS là nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, có nghĩa là người phạm tội phải có ý thức chiếm đoạt tài sản từ trước, sau đó thực hiện hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Về ý chí: Người phạm tội mong muốn hành vi lừa dối của mình phải dẫn đến kết quả cuối cùng là chiếm đoạt được tài sản của người khác.

Hai là, Dấu hiệu động cơ, mục đích phạm tội:

Mục đích phạm tội: Mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Có những trường hợp, khi thực hiện hành vi gian dối, người phạm tội có những mục đích khác với mục đích chiếm đoạt, hoặc có thể họ chấp nhận mục đích chiếm đoạt của những người đồng phạm thì người phạm tội cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Động cơ phạm tội: dấu hiệu động cơ phạm tội trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản không có ý nghĩa với việc định tội danh mà chỉ có ý nghĩa trong quyết định hình phạt.

1.2. Nhận thức về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1.2.1. Khái niệm điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong phạm vi luận văn này được giới hạn hiểu theo nghĩa là hoạt động điều tra, và do đó, nó cũng có những đặc điểm chung của hoạt động điều tra tội phạm. Tuy nhiên, hoạt động điều tra tội Lừa đảo CĐTTS có đặc thù riêng do tập trung nhằm chứng minh các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo CĐTTS. Như vậy, từ những phân tích trên kết hợp với thực tiễn hoạt động điều tra, có thể hiểu: *"Điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là quá trình phát hiện, thu thập chứng cứ do Cơ quan điều tra tiến hành theo trình tự tố tụng hình sự để làm rõ hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được phát hiện nhằm chứng minh tội phạm trước pháp luật, phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội"*.

Trong đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện có thẩm quyền điều tra tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 còn Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thẩm quyền điều tra tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt quy định tại khoản 4, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.2.2. Cơ sở pháp lý của hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần phải căn cứ dựa trên các cơ sở pháp lý trực tiếp sau:

- Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017
- Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017
- Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015
- Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT& VKSNDTC hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
- Thông tư liên tịch 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP về việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
- Thông tư liên tịch 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và VKS có thẩm quyền kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam
- Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến bào chữa.
- Thông tư liên tịch 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can;

sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

- Thông tư 07/2018/TT-BCA về quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận tiền, đồ vật và liên lạc điện thoại với thân nhân.

- Nghị định 30/2018/NĐ-CP quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản.

1.2.3. Những vấn đề cần chứng minh trong điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS

Trong bất kỳ vụ án nào, mọi loại tội phạm đều có những đặc điểm, tính chất chung mà cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh để làm rõ hành vi phạm tội, như: Có tội phạm hay không, thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội, ai là người thực hiện hành vi phạm tội, có lỗi hay không có lỗi, mục đích, động cơ phạm tội, những tình tiết khác có liên quan... Tuy nhiên, đối với mỗi vụ án khác nhau, thì đối tượng và phạm vi yêu cầu chứng minh khác nhau. Cụ thể như đối với một vụ án Lừa đảo CĐTTS, ngoài việc phải chứng minh những vấn đề chung như đã nêu ở trên thì Cơ quan điều tra cũng cần căn cứ vào Điều 174 BLHS 2015, Điều 15 và Điều 85 Bộ luật TTHS 2015 để xác định những vấn đề cần phải chứng minh làm rõ, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Có xảy ra hay không có xảy ra việc:

+ Có hành vi gian dối, tức là đưa ra những thông tin không đúng sự thật, làm cho chủ tài sản hoặc người quản lý tài sản tin thật mà giao tài sản cho người phạm tội;

+ Hành vi chiếm đoạt được xảy ra ngay sau hành vi gian dối. Và người phạm tội phải có hành vi chiếm đoạt được tài sản mà họ đã có ý định chiếm đoạt ngay từ trước khi có hành vi gian dối.

Như vậy cần lưu ý, việc chuyển giao tài sản từ người bị hại sang người phạm tội xuất phát từ hành vi gian dối của người phạm tội, hay nói cách khác, trong cấu thành tội phạm Lừa đảo CĐTTS thì hành vi gian dối là xảy ra trước và hành vi chiếm đoạt được xảy ra sau hành vi gian dối.

Tội Lừa đảo CĐTTS cũng giống như các tội phạm xâm phạm sở hữu, chỉ hoàn thành khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản của người bị hại.

Thứ hai, Thời gian, địa điểm diễn ra hành vi lừa đảo CĐTTS và những tình tiết có ý nghĩa chứng minh tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Thứ ba, Thủ đoạn và diễn biến của hành vi lừa đảo CĐTTS như thế nào.

Thứ tư, Loại tài sản, nguồn gốc, đặc điểm, giá trị thực tế, giá trị sử dụng... của

tài sản bị chiếm đoạt tại thời điểm bị chiếm đoạt.

Thứ năm, Chứng minh về người phạm tội: Đặc điểm nhân thân, lai lịch, tiền án tiền sự của người phạm tội; có mối quan hệ thế nào với người bị hại; động cơ, mục đích phạm tội; lỗi của người phạm tội; năng lực chịu trách nhiệm hình sự của người phạm tội; diễn biến hành vi phạm tội; có đồng phạm hay không, nếu có thì làm rõ vai trò cụ thể của từng người; công cụ, phương tiện phạm tội; các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nguyên nhân và điều kiện phạm tội; có thuộc diện được loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không.

Thứ sáu, Chứng minh về người bị hại: Nhân thân, lai lịch của người bị hại; có mối quan hệ như thế nào với người phạm tội; nguyên nhân, lý do người giao tài sản cho người phạm tội; tài sản đó là gì, nguồn gốc, đặc điểm và giá trị của tài sản; thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội gây ra; biết việc bị chiếm đoạt từ thời điểm nào; có yêu cầu, kiến nghị gì.

Trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS, việc xác định chính xác những vấn đề cần chứng minh có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở để khởi tố vụ án, ĐTV có thể dựa vào kết quả của hoạt động này để lập kế hoạch điều tra một cách cụ thể; đề ra phương hướng hoạt động điều tra tiếp theo, thu thập tài liệu, chứng cứ một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan, nhanh chóng điều tra làm rõ vụ án.

1.2.4. Tổ chức và tiến hành các hoạt động điều tra

1.2.4.1. Giai đoạn điều tra ban đầu: Đây là giai đoạn quan trọng, giai đoạn mở đầu trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS

- Tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố về vụ việc Lừa đảo CĐTTS, đòi hỏi phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 146 Bộ luật TTHS năm 2015 và Thông tư 01/2017/TTLT-BCA-BQP- BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Viện kiểm sát nhân tối cao, về hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố (sau đây gọi là Thông tư 01). Chú ý những vấn đề sau:

+ Nguồn tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS: theo qui định, CQĐT có thể tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm từ rất nhiều nguồn, như: cá nhân, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội; thông tin, tài liệu về vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có thể có trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông qua hoạt động

nghệp vụ của lực lượng Cảnh sát nhân dân hay có thể người phạm tội ra tự thú khai nhận về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình. Tuy nhiên, trên thực tế, CQĐT tiếp nhận chủ yếu là từ nguồn tố giác của công dân mà cụ thể là người bị hại, bởi vì liên quan trực tiếp đến quyền lợi của họ.

+ Tiếp nhận và kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm: Tùy theo đặc điểm các nguồn tố giác, tin báo, cần nhanh chóng tiếp nhận và làm các thủ tục cần thiết nhằm xác định những nội dung về sự việc xảy ra, những công việc cần tiến hành đó là: Lập biên bản tiếp nhận thông tin, có chữ ký xác nhận của người tố giác; lấy lời khai người cung cấp tin và đề nghị họ viết bản tường trình; yêu cầu người báo tin cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trình tự thực hiện được quy định tại Điều 7 Thông tư 01.

Sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về Lừa đảo CĐTTS, cần phải xác minh, phân loại ban đầu, nội dung cụ thể như sau: xác minh về nhân thân, lai lịch của người báo tin; mối quan hệ với người bị hại, người phạm tội và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; thủ đoạn gây án, đặc điểm nhận dạng của người phạm tội; thời gian, địa điểm xảy ra vụ án; còn ai biết thông tin về vụ án; đặc điểm về tài sản bị chiếm đoạt, công cụ, phương tiện gây án; hậu quả; lý do biết tin...[34]

Sau khi phân loại, nếu thuộc thẩm quyền thì tổ chức tiến hành ngay các biện pháp kiểm tra, xác minh làm rõ tố giác, tin báo, cụ thể: cử cán bộ trực tiếp kiểm tra ở nơi có vụ việc xảy ra; phối hợp với công an, chính quyền địa phương (cảnh sát khu vực, công an xã, dân phòng...) vận động quần chúng cung cấp thông tin, tài liệu mới về vụ việc, phát hiện thêm người làm chứng mới; rà soát, nắm tình hình hoạt động của các đối tượng có khả năng liên quan đến vụ việc; trưng cầu giám định các giấy tờ, tài liệu, đồ vật, tài sản... theo quy định của pháp luật để có căn cứ đánh giá nội dung, bản chất của vụ việc.

Sau khi kiểm tra, xác minh, nếu thấy có dấu hiệu của tội phạm, ĐTV cần báo cáo Thủ trưởng CQĐT và xin ý kiến chỉ đạo:

Đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố sau khi tiếp nhận đã rõ về dấu hiệu của tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không phải ra Quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. [37]

Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm có dấu hiệu nghi vấn về hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì báo cáo Thủ trưởng CQĐT phân công Phó thủ trưởng và ĐTV trực tiếp thụ lý điều tra, ĐTV được phân công điều tra lập kế hoạch điều tra tiếp theo. Nội dung kế hoạch cần thể hiện rõ: phương pháp, lực lượng và thời gian tiến hành.

Đối với trường hợp xác định người có hành vi phạm tội nhưng có những căn cứ để tạm giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì phải ra ngay Quyết định tạm giữ khẩn cấp để áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản (nếu người bị buộc tội có tài sản chiếm đoạt trong tài khoản hoặc có số dư trong tài khoản ngân hàng).

- Lấy lời khai người bị hại, người làm chứng

- + Lấy lời khai người bị hại

Đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản là những người đã tìm hiểu rõ về nhân thân cũng như nhu cầu của bị hại hoặc cả hai đã có mối quan hệ từ trước. Do vậy, người bị hại có thể biết về thủ phạm và cũng có thể chứng kiến diễn biến của sự việc phạm tội xảy ra.

Để bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của người bị hại, Bộ luật TTHS năm 2015 qui định tại Điều 62 và Điều 188 về qui trình, thủ tục lấy lời khai của người bị hại, qua đó, cần phải xác định: lấy lời khai người bị hại phải được tiến hành ngay sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, nhằm để thu thập những tin tức, tài liệu về tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản một cách chính xác và kịp thời hoặc có phương án truy bắt thủ phạm theo dấu vết nóng; tổ chức các hoạt động điều tra, kịp thời phát hiện và bắt giữ các đối tượng gây án, thu giữ tài sản bị chiếm đoạt và ngăn chặn tội phạm không để tiếp diễn.

Lấy lời khai người bị hại trong vụ án Lừa đảo CĐTTS cần làm rõ những nội dung cơ bản như: đặc điểm nhân thân của người bị hại; thời gian, địa điểm, điều kiện, hoàn cảnh xảy ra vụ việc, ai biết về sự việc phạm tội; thông tin về người phạm tội: giới tính, họ tên, tuổi, đặc điểm nhận dạng, phương tiện đi lại; giấy tờ tài liệu, tài sản mang theo, nơi ẩn trốn có thể...; mối quan hệ giữa người bị hại với người phạm tội: có quen biết nhau không, quen từ khi nào; diễn biến của hành vi phạm tội; hậu quả, thiệt hại do tội phạm gây ra: nguồn gốc, đặc điểm, số lượng và giá trị tài sản bị chiếm đoạt, và những thiệt hại khác; những đề nghị và yêu cầu của người bị hại.

- + Lấy lời khai người làm chứng

Tương tự như trường hợp lấy lời khai người bị hại, để đảm bảo về quyền lợi và nghĩa vụ của người làm chứng, tại các Điều 66, Điều 127, Điều 185, Điều 186, Điều 187 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về việc triệu tập, dẫn giải, lấy lời khai người làm chứng. Trong vụ án Lừa đảo CĐTTS, người làm chứng có thể là người thân, bạn bè hoặc những người cùng lao động, học tập, buôn bán với người bị hại, đối tượng; cũng có thể là những người có mặt ở khu vực xảy ra vụ án; những người đã tham gia đuổi bắt thủ phạm hoặc chứng kiến diễn biến của sự việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra.

Lời khai của người làm chứng là một trong những mấu chốt quan trọng trong hoạt động điều tra vụ án lừa đảo CĐTTS. Vì vậy, cần phải nhanh chóng tiến hành lấy lời khai của họ để phục vụ cho hoạt động điều tra. Những nội dung cần làm rõ trong việc lấy lời khai người làm chứng là: Mối quan hệ với người bị hại hay với đối tượng; lý do biết việc; thời gian, địa điểm xảy ra vụ án; đặc điểm nhận dạng của đối tượng gây án; hành vi và phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà đối tượng đã thực hiện; tài sản bị chiếm đoạt (loại tài sản, đặc điểm, giá trị của tài sản); nguyên nhân xảy ra vụ án; những người làm chứng khác...

Do thủ đoạn gây án tinh vi của tội phạm Lừa đảo CĐTTS hoặc có thể do nhận thức của người làm chứng dẫn đến nhận xét một cách chủ quan nên họ chưa hiểu được bản chất của sự việc lừa đảo đã diễn ra. Vì vậy cần phải hết sức thận trọng và khách quan trong việc lấy lời khai người làm chứng, cần phải thẩm tra xác minh mọi lời khai trước khi sử dụng trong quá trình điều tra.

- Khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can: Qua xác minh ban đầu, nếu xét thấy đủ các yếu tố cấu thành của tội phạm Lừa đảo CĐTTS, ĐTV báo cáo Thủ trưởng CQĐT ra Quyết định khởi tố VAHS, Quyết định khởi tố bị can và các quyết định tố tụng cần thiết, đồng thời đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn các quyết định tố tụng. Đối với các vụ án CĐTTS nói chung và vụ án Lừa đảo CĐTTS nói riêng, ngoài việc củng cố chứng cứ đối với người phạm tội, việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt cũng là một yêu cầu cần thiết và quan trọng. Do vậy, việc ra các Quyết định này còn có ý nghĩa để nhanh chóng áp dụng được các biện pháp kê biên, phong tỏa tài khoản của người bị buộc tội (vì chỉ được áp dụng các biện pháp này đối với bị can, bị cáo, người bị buộc tội).

- Lập kế hoạch điều tra

Kế hoạch điều tra vụ án giúp Điều tra viên xác định mục đích, yêu cầu, biện pháp, phương tiện, lực lượng tiến hành hoạt động điều tra nhằm nhanh chóng khám

phá vụ án với chi phí thấp nhất và đảm bảo thời hạn điều tra theo quy định của pháp luật. Nội dung của bản kế hoạch điều tra gồm:

- + Mục đích, yêu cầu của cuộc điều tra;
- + Nội dung sơ lược của vụ việc;
- + Những giả thuyết điều tra được xây dựng;
- + Nội dung công việc phải làm;
- + Thời gian, địa điểm thực hiện;
- + Những người tiến hành điều tra;
- + Những biện pháp, phương pháp, chiến thuật điều tra sẽ thực hiện; những người tham gia, tham dự;
- + Cơ sở vật chất, phương tiện, tài chính phục vụ cho hoạt động điều tra;
- + Dự kiến tình huống đột xuất có thể xảy ra và biện pháp để khắc phục.

Quá trình điều tra vụ án sẽ có những vấn đề phát sinh, vì vậy, bản Kế hoạch điều tra phải được bổ sung và hoàn thiện nhằm đảm bảo tính hiệu quả, sát hợp cho hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong những giai đoạn tiếp theo.

Đối với các vụ án phức tạp, có nhiều đối tượng tham gia, xảy ra ở nhiều địa bàn... thì ĐTV cần lập kế hoạch điều tra chi tiết đối với từng địa bàn cụ thể, và xây dựng kế hoạch cho các biện pháp điều tra như: đối chất, nhận dạng, hỏi cung bị can, khám xét...

1.2.4.2. Giai đoạn điều tra tiếp theo

- Bắt, khám xét

+ Bắt: Là biện pháp ngăn chặn, do người có thẩm quyền quy định trong Bộ luật TTHS tiến hành, bắt ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, các quyền cơ bản của công dân, như: quyền tự do, quyền được bảo vệ sức khỏe...; bị can, bị cáo hoặc người đang bị truy nã là những đối tượng được áp dụng biện pháp bắt; đối với những vụ án chưa ra Quyết định khởi tố hình sự thì cũng áp dụng biện pháp bắt khẩn cấp hoặc bắt quả tang nhằm kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội của đối tượng, ngăn ngừa họ bỏ trốn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và đảm bảo thi hành án.

Căn cứ về bắt người được quy định tại các Điều 110, Điều 111, Điều 112, Điều 113, Điều 419 Bộ luật TTHS năm 2015. Việc bắt người phải được tiến hành một cách kiên quyết, nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật, đảm bảo an toàn đối với người thực hiện cũng như người bị bắt. Đối với những vụ án có tổ chức, có đồng phạm, hoặc

những vụ án mà đối tượng có tính chất manh động, liều lĩnh, ĐTV cần xây dựng kế hoạch cụ thể, xây dựng phương án bắt, đảm bảo các yêu cầu về chiến thuật, đảm bảo bắt được đầy đủ các đối tượng trong vụ án, tuyệt đối không để các đối tượng bỏ trốn, tẩu tán, tiêu hủy tài sản, vật chứng của vụ án, hoặc các đối tượng thông cung với nhau, gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Tùy vào tình huống cụ thể mà ĐTV có thể áp dụng chiến thuật bắt sao cho phù hợp, linh hoạt và hiệu quả.

+ Khám xét: Là một biện pháp điều tra được tiến hành ngay sau khi thực hiện lệnh bắt, mục đích của công tác khám xét là nhằm thu thập những đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án; công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết của tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm. Công tác khám xét được quy định tại Điều 192, Điều 193 Bộ luật TTHS năm 2015.

CQĐT có thể khám xét người, đồ vật, tài sản, nơi ở, nơi làm việc, thư tín, điện tín, bưu phẩm... của đối tượng phạm tội Lừa đảo CĐTTS. Trong điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS, biện pháp khám xét thường được thực hiện ngay sau khi bắt người phạm tội.

Trong các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khám xét là nhằm phát hiện các giấy tờ giả, các công cụ, phương tiện gây án, các đồ vật, tài sản mà người phạm tội đã chiếm đoạt được hoặc đã sử dụng để gây án. Qua công tác khám xét, có thể phát hiện và bắt giữ đối tượng gây án đang lẩn trốn.

- Ra Quyết định phong tỏa tài khoản hoặc kê biên tài sản.

- Hỏi cung bị can

Hỏi cung bị can là một biện pháp điều tra có ý nghĩa rất lớn đối với hoạt động điều tra, do những người theo quy định của Bộ luật TTHS tiến hành, hỏi cung bị can là nhằm để xác định sự thật khách quan của vụ án. Thông qua lời khai của bị can về vụ án, về những tài liệu, chứng cứ khác mà bị can biết, có thể xác định hành vi và đánh giá được mức độ phạm tội của bị can và những người đồng phạm, đây là một trong những biện pháp điều tra quan trọng đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và phòng ngừa tội phạm.

Ngay sau khi Quyết định khởi tố bị can được VKS cùng cấp phê chuẩn hoặc ngay sau khi bắt được bị can, Điều tra viên phải tiến hành hỏi cung bị can. Việc hỏi cung bị can phải tuyệt đối tuân thủ theo quy định tại các Điều 11, Điều 60, Điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015. Tại buổi hỏi cung đầu tiên, ĐTV phải hỏi bị can tự bào chữa hay nhờ người khác bào chữa. Nếu bị can nhờ người khác bào chữa, thì cho bị can tự

viết đơn yêu cầu luật sư bảo vệ quyền lợi (có thể bị can yêu cầu đích danh luật sư), đơn này được gửi tới gia đình bị can để gia đình liên hệ luật sư và làm các thủ tục theo qui định. Sau khi có luật sư, ĐTV phải hỏi lại bị can có thống nhất với luật sư do gia đình yêu cầu không, nếu bị can đồng ý thì mới phát hành thông báo cho luật sư.

Trong trường hợp bị can phạm tội mà BLHS qui định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình hoặc bị can có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi nếu bị can hoặc người đại diện thân thích của họ không mời người bào chữa, thì CQĐT phải chỉ định người bào chữa cho họ theo qui định tại khoản 1 điều 76 Bộ luật TTHS.

Nội dung hỏi cung bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao gồm:

- + Lý lịch, đặc điểm nhân thân, tiền án tiền sự của bị can;
- + Môi quan hệ giữa bị can với người bị hại, và những người đồng phạm (nếu có)
- + Làm rõ nội dung diễn biến của vụ án: Thời gian, địa điểm; thủ đoạn gây án; diễn biến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; thời điểm nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản; công cụ phương tiện gây án; đặc điểm, số lượng và giá trị của tài sản chiếm đoạt; đồng phạm trong vụ án, vai trò, vị trí của các đối tượng trong vụ án;
- + Tài sản chiếm đoạt được sử dụng vào mục đích gì, còn hay đã sử dụng hết;
- + Làm rõ những tài liệu thu được trong quá trình khám xét;
- + Những vụ án khác mà bị can đã tham gia hoặc biết.

Để cuộc hỏi cung được diễn ra nhanh chóng và đạt hiệu quả, trước khi hỏi cung bị can, Điều tra viên cần phải nghiên cứu kỹ về đặc điểm nhân thân, tâm lý của bị can, đặc biệt là tình hình sức khỏe, bệnh tật của bị can, nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, chứng cứ đã có về vụ án. Qua đó, có những đánh giá sơ bộ về diễn biến của vụ án, nhận định về lời khai của bị can, từ đó, vạch ra phương án để đối phó nếu bị can khai báo gian dối.

Mặc dù theo điều 15 Bộ luật TTHS không buộc bị can phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng cũng cần lưu ý trong quá trình hỏi cung, cũng cần hỏi bị can có chứng cứ tài liệu gì chứng minh là mình vô tội hay không.

Theo qui định tại điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015 qui định hỏi cung bị can được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can, nhưng theo điều 179 Bộ luật TTHS năm 2015 qui định sau khi CQĐT ra quyết định khởi tố bị can phải chuyển hồ sơ sang VKS để đề nghị VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, có những trường hợp còn đề nghị phê chuẩn lệnh bắt tạm giam, kê biên, phong tỏa tài khoản... Đây là

hoạt động đòi hỏi phải được đảm bảo tính bí mật, đề phòng bị can bỏ trốn. Nếu thực hiện đúng qui định thì phải hỏi cung ngay sau khi có quyết định khởi tố, chưa áp dụng được biện pháp ngăn chặn dẫn đến bị can bỏ trốn, tẩu tán tài sản, tiêu hủy chứng cứ.

- Trung cầu giám định:

Trung cầu giám định là một trong những biện pháp điều tra quan trọng, giúp cho hoạt động điều tra các vụ án hình sự nói chung và vụ án Lừa đảo CĐTTS nói riêng đạt hiệu quả cao. Điều 205, Điều 209, Điều 213 Bộ luật TTHS năm 2015 qui định công tác trung cầu giám định đối với những vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khi phát hiện những tình tiết mới trong vụ án, có ý nghĩa cho hoạt động điều tra, bằng những hoạt động bình thường không thể xác định được mà phải sử dụng kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành, chuyên môn mới xác định được, như: Giám định về tài liệu, con dấu, giấy tờ, chữ ký hoặc trung cầu giám định về tiền, ngoại tệ, vàng, kim khí quý, đá quý... thì CQĐT mới được áp dụng biện pháp Trung cầu giám định.

Để việc trung cầu giám định có hiệu quả, khi phát hiện những tài liệu, giấy tờ là công cụ, phương tiện phạm tội; những đồ vật liên quan đến vụ án Lừa đảo CĐTTS... Điều tra viên phải nhanh chóng thu thập những tài liệu đó để làm mẫu vật gửi đi giám định; lưu ý khi thu thập những tài liệu, đồ vật làm mẫu gửi giám định, ĐTV phải cẩn thận, không để hư hỏng, chấp vạ, làm ảnh hưởng đến kết quả giám định; ĐTV cần xác định đúng nội dung cần giám định, yêu cầu giám định phải chính xác, phù hợp; cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết về vụ án cũng như mẫu vật đem so sánh; bên cạnh đó, cần thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT với Cơ quan giám định, ĐTV với giám định viên nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động giám định...

- Đối chất, nhận dạng

+ *Đối chất*: Điều 189 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định chỉ tiến hành đối chất khi lời khai của các đối tượng có sự mâu thuẫn mà ĐTV đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn. Trong một vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có nhiều đối tượng tham gia, do đã có kế hoạch thực hiện hành vi ngay từ đầu nên các đối tượng thường có sự câu kết chặt chẽ với nhau, bàn bạc, thống nhất với nhau, khi bị bắt các đối tượng thường quanh co, che giấu hành vi phạm tội hoặc khai báo nhỏ giọt, không trung thực... thời gian gây án tuy không dài nhưng thời gian từ khi người bị hại phát hiện ra mình bị lừa cho tới khi khai báo với cơ quan công an thường kéo dài, gây ảnh hưởng đến sự khách quan trong lời khai, những thông tin từ

người bị hại, người làm chứng và bị can thường có sự mâu thuẫn với nhau, phạm tội nhiều lần... Vì vậy, đối chất là biện pháp hữu hiệu nhất mà các Điều tra viên tiến hành song song với các biện pháp điều tra khác. Tuy nhiên, cần phải hiểu thêm rằng, chỉ tiến hành đối chất giữa những người tham gia tố tụng mà những người đó đã được ĐTV lấy lời khai trước đó.

Trong quá trình đối chất vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Điều tra viên phải dự kiến được những tình huống có thể xảy ra và xây dựng phương án xử lý tình huống một cách kịp thời, phù hợp, đảm bảo giải quyết được yêu cầu đặt ra trong đối chất. Trong quá trình đối chất, ĐTV phải chủ động và nắm rõ về lai lịch, đặc điểm nhân thân của những người được đưa ra đối chất; nghiên cứu kỹ hồ sơ và hiểu rõ bản chất vụ án, những mâu thuẫn trong từng lời khai của những người sẽ đưa ra đối chất.

Để cuộc đối chất diễn ra nhanh chóng và đạt kết quả tốt, ĐTV cần nắm vững các quy định của Bộ luật TTHS về biện pháp đối chất; nắm vững yêu cầu về thủ thuật, chiến thuật đối chất trong những tình huống cụ thể.

Trước khi tiến hành đối chất, Điều tra viên cần xây dựng kế hoạch, có sự phê duyệt của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra; đồng thời phải thông báo cho Viện Kiểm sát cùng cấp biết và cùng tham gia.

+ *Nhận dạng*: Điều 190 Bộ luật TTHS năm 2015 qui định về biện pháp nhận dạng: Người làm chứng, bị hại hoặc bị can, người chứng kiến phải tham gia việc nhận dạng; khi cần thiết, ĐTV có thể đưa người, ảnh hoặc vật cho họ nhận dạng; số người, ảnh hoặc vật đưa ra để nhận dạng ít nhất phải là ba và phải có hình dạng bên ngoài tương tự nhau. Trong một vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mục đích của việc nhận dạng là nhằm xác định đối tượng gây án, vật chứng và người bị hại của vụ án. Vì vậy, đây là biện pháp quan trọng, có ý nghĩa trong hoạt động điều tra vụ án. Có các loại nhận dạng sau: *thứ nhất*, người bị hại, người làm chứng nhận dạng những đối tượng nghi vấn để xác định đối tượng gây án; *thứ hai*, người bị hại nhận dạng đồ vật, tài liệu, công cụ, phương tiện gây án, tài sản bị chiếm đoạt; *thứ ba*, đối tượng gây án nhận dạng để xác định người bị hại, nhận dạng tài liệu đồ vật để xác định công cụ, phương tiện gây án.

Trước khi tiến hành nhận dạng, Điều tra viên cần phải xây dựng kế hoạch, có sự phê duyệt của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra, đặc biệt, dự kiến những tình huống phức tạp có thể xảy ra và có phương án giải quyết tình huống đó. Trong quá trình nhận dạng, ĐTV cần thông báo cho VKS cùng cấp biết và

cùng tham gia, phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục tiến hành nhận dạng được quy định tại Bộ luật TTHS, hoặc những quy định khác về người chứng kiến, về đối tượng tương tự trong hoạt động nhận dạng... Ngoài ra, Điều tra viên cũng cần phải tuân thủ những yêu cầu nghiệp vụ về chiến thuật nhận dạng, nhằm đảm bảo được chính xác, khách quan và an toàn.

Khi đánh giá kết quả nhận dạng, Điều tra viên phải rất thận trọng và khách quan; cần phải so sánh, đối chiếu kết quả nhận dạng với kết quả của các hoạt động điều tra đã được tiến hành trong quá trình điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Hiện nay Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung thêm biện pháp điều tra nhận biết giọng nói, quy định qui định tại Điều 191. Thực tế đã chứng minh, ở mỗi vùng miền trong một quốc gia có cùng tiếng nói hoặc nhiều quốc gia sử dụng chung một tiếng nói thường có sự khác nhau về âm điệu rất rõ nét, nên việc nhận biết giọng nói sẽ góp phần giúp cho công tác điều tra xác định được vùng, miền của đối tượng gây án.

1.2.4.3. Giai đoạn kết thúc

Bộ luật TTHS năm 2015 quy định tại các Điều 232, Điều 233, Điều 234: kết thúc điều tra các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có hai hình thức: *Một là*, CQĐT ban hành bản kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp truy tố; *Hai là*, CQĐT ban hành bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra.

Trong vụ án Lừa đảo CĐT, nếu hết thời hạn điều tra nhưng không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm hoặc trong quá trình điều tra mà bị can đã chết thì CQĐT ra Quyết định đình chỉ điều tra đồng thời có văn bản đề nghị VKS cùng cấp thống nhất. Đối với có nhiều bị can tham gia, nếu căn cứ để đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể đình chỉ điều tra đối với từng bị can với căn cứ khác nhau. Nếu trong quá trình điều tra mà bị can bị bệnh hiểm nghèo, bị tâm thần hoặc khi hết thời hạn điều tra mà không biết rõ bị can đang ở đâu thì Tạm đình chỉ điều tra, đồng thời ra Quyết định truy nã bị can. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra phải phục hồi để tiếp tục điều tra. CQĐT có thể đề nghị VKS cùng cấp gia hạn thời hạn điều tra đối với những vụ án có nhiều tình tiết phức tạp theo qui định tại Điều 172, 173 Bộ luật TTHS năm 2015.

Nếu CQĐT có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội thì ban hành bản Kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp truy tố, được quy định tại Điều 232, Điều 233 Bộ luật TTHS năm 2015.

Để kết thúc điều tra vụ án, chuyển hồ sơ sang VKS cùng cấp đề nghị truy tố, Điều

tra viên phải: hệ thống lại toàn bộ tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra; báo cáo Thủ trưởng, hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT kết quả điều tra, đồng thời dự thảo Bản kết luận điều tra vụ án, trình đồng chí Thủ trưởng, hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT cho ý kiến. Sau khi bản kết luận điều tra được ký duyệt thì ban hành; bản kết luận điều tra phải thể hiện rõ lai lịch của bị can, thời gian, diễn biến của hành vi phạm tội, chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội, thủ đoạn, động cơ, mục đích, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, lý do và căn cứ đề nghị truy tố, tội danh, điều khoản, điểm của Bộ luật TTHS áp dụng...; bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra kết luận, họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận điều tra. Sắp xếp hoàn chỉnh hồ sơ truy tố: Kiểm tra nội dung tài liệu, chứng cứ, thủ tục của từng văn bản, đánh bút lục, làm bản thông kê tài liệu trong hồ sơ và vật chứng trong vụ án; thông kê việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Cuối cùng, ĐTV phải tổng đạt bản Kết luận điều tra vụ án hình sự cho bị can, giao nhận bản Kết luận điều tra cho Luật sư đối với những vụ án có sự tham gia của Luật sư, bàn giao hồ sơ vụ án, vật chứng sang VKSND cùng cấp để đề nghị truy tố bị can theo pháp luật.

Tiểu kết chương

Trong chương 1, với những nghiên cứu về mặt lý luận, tác giả đã hệ thống, phân tích một cách tương đối những vấn đề lý luận chung về tội phạm Lừa đảo CĐTTS, bao gồm: Khái niệm tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Các dấu hiệu pháp lý của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ những vấn đề trên, tác giả cũng đã đi sâu, phân tích kỹ hơn về nhận thức về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó có: Khái niệm về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Cơ sở pháp lý của hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Những vấn đề cần chứng minh trong điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tổ chức và tiến hành các hoạt động điều tra... Những phân tích chỉ dựa trên cơ sở lý luận, chưa đi sâu vào nghiên cứu về thực tiễn hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS cụ thể nên chưa đánh giá được một cách toàn diện, tuy nhiên kết quả nghiên cứu của Chương 1 sẽ tạo cơ sở lý luận cho việc đánh giá những nội dung, quy định cụ thể trong việc áp dụng các biện pháp điều tra đối với vụ án Lừa đảo CĐTTS theo qui định của pháp luật, cũng như thực trạng áp dụng chúng và qua đó tạo cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp, kiến nghị ở Chương 3.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Tình hình, đặc điểm có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng

2.1.1. Đặc điểm địa lý, dân cư, kinh tế, xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng có điều kiện thiên nhiên ưu đãi, phía Đông của thành phố được bao bọc bởi bờ biển được xếp vào loại đẹp nhất hành tinh. Phía Bắc chắn bởi đèo Hải Vân, phía Tây giáp với dãy Trường Sơn và đây cũng là nguồn lực phát triển tài nguyên rừng. Phía Nam giáp với tỉnh Quảng Nam, với đồng bằng trù phú. Cảng biển của Đà Nẵng rộng và thuận lợi cho tàu thuyền vào neo đậu. Ngoài ra, Đà Nẵng còn có hệ thống giao thông, thông tin thuận lợi, có nhiều cây cầu bắc qua sông Hàn và có Cảng hàng không quốc tế, bến xe, nhà ga tàu hỏa cách nhau không xa. Tất cả những điều kiện thuận lợi đó đã thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch, dịch vụ của thành phố và thu hút rất nhiều du khách cả trong nước và trên Thế giới. [13]

Bên cạnh đó, mật độ dân cư tập trung đông, nhất là ở các quận nội thành Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Sơn Trà. Dân cư tập trung đông nhất là các khu công nghiệp Hòa Khánh, Hòa Cầm, An Đông... Quá trình tập trung và gia tăng dân số ở đô thị cũng là điều dễ hiểu và tất yếu của sự đô thị hóa. Việc người dân ở các địa phương tập trung về Đà Nẵng để tìm kiếm việc làm, các nhà đầu tư về đầu tư kinh doanh bất động sản, việc giải tỏa đền bù, bố trí tái định cư và nhà chung cư cho các hộ tái định cư, kèm theo chính sách an sinh của thành phố 5 không, 3 có cũng là những môi trường phát sinh tội phạm lừa đảo.

Trong những năm qua, Đà Nẵng được xếp vào thành phố phát triển nhanh nhất với tổng giá sản phẩm trên địa bàn đạt 52.600 tỷ, tổng thu ngân sách trên địa bàn 11.587 tỷ đồng. [12]

Các đặc điểm về vị trí địa lý và tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng đã có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua.

2.1.2. Khái quát tình hình điều tra tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

2.1.2.1. Tình hình tội phạm hình sự

Theo các báo cáo tổng kết công tác của Công an TPĐN, từ năm 2013 đến năm 2017, tình hình thụ lý án hình sự ở Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp tại CATP Đà Nẵng như sau:

- Năm 2013 thụ lý 708 vụ án (giảm 46 vụ so với năm 2012). Trong đó:
 - + Tội phạm về kinh tế và chức vụ: 06 vụ;
 - + Tội phạm về trật tự, an toàn xã hội: 223 vụ;
 - + Tội phạm về ma túy: 98 vụ;
 - + Tội phạm xâm phạm Sở hữu: 381 vụ (trong đó: 54 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm 14,17%).
- Năm 2014 thụ lý 739 vụ án (tăng 31 vụ so với năm 2013). Trong đó:
 - + Tội phạm về kinh tế và chức vụ: 06 vụ;
 - + Tội phạm về trật tự, an toàn xã hội: 208 vụ;
 - + Tội phạm về ma túy: 116 vụ;
 - + Tội phạm xâm phạm Sở hữu: 409 vụ (trong đó: 53 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm 12,96%);
- Năm 2015 thụ lý 705 vụ án (giảm 34 vụ so với năm 2014). Trong đó:
 - + Tội phạm về kinh tế và chức vụ: 9 vụ;
 - + Tội phạm về trật tự, an toàn xã hội: 214 vụ;
 - + Tội phạm về ma túy: 120 vụ;
 - + Tội phạm xâm phạm Sở hữu: 362 vụ (trong đó: 38 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm 10,5%).
- Năm 2016 khởi tố 699 vụ án (giảm 06 vụ so với năm 2015). Trong đó:
 - + Tội phạm về kinh tế và chức vụ: 10 vụ;
 - + Tội phạm về trật tự, an toàn xã hội: 198 vụ;
 - + Tội phạm về ma túy: 144 vụ;
 - + Tội phạm xâm phạm Sở hữu: 347 vụ (trong đó: 29 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm 6,36%).
- Năm 2017 thụ lý 779 vụ án (tăng 80 vụ so với năm 2016). Trong đó:
 - + Tội phạm về kinh tế và chức vụ: 06 vụ;
 - + Tội phạm về trật tự, an toàn xã hội: 231 vụ;

- + Tội phạm về ma túy: 178 vụ;
- + Tội phạm xâm phạm Sở hữu: 364 vụ (trong đó: 38 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm 10,44%).

Năm	Tổng số vụ	Tổng số bị can	Ma túy	Kinh tế, chức vụ	Sở hữu		Trật tự xã hội	Hoạt động Tư Pháp
					Tổng số	LĐCĐTS		
2013	708	1219	98	6	381	54	223	00
2014	739	1198	116	6	409	53	208	00
2015	705	1131	120	9	362	38	214	00
2016	699	1102	144	10	347	29	198	00
2017	779	1172	178	6	364	38	231	00
Tổng cộng	3630	5822	656	37	1863	212	1074	00

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Dựa vào bảng thống kê cũng như qua nghiên cứu các báo cáo tổng kết công tác từ năm 2013-2017, có thể thấy, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm hình sự diễn biến phức tạp, không ổn định về số vụ, với tính chất mức độ của hành vi phạm tội có chiều hướng ngày càng nghiêm trọng. Chiếm số lượng lớn và gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản là nhóm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn xã hội (1074 vụ) và tội phạm xâm phạm sở hữu (1863 vụ). Trong thời gian qua, được sự chỉ đạo của lãnh đạo thành phố, các cơ quan chức năng, các ngành, các cấp đã tập trung lực lượng đấu tranh, triệt phá làm rõ nhiều vụ án lớn, khởi tố nhiều đối tượng, thu hồi được nhiều tài sản. Tuy nhiên, hiện nay, cùng với sự phát triển của thành phố thì tình hình tội phạm hình sự trên địa bàn TPĐN diễn biến ngày càng phức tạp với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi.

2.1.2.2. Tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu

Qua nghiên cứu các báo cáo tổng kết công tác của Công an TPĐN, từ năm 2013 đến năm 2017, tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu ở Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp tại CATP Đà Nẵng như sau:

- Năm 2013, xảy ra 381 vụ, so với năm 2012 tăng 5 vụ, tỷ lệ tăng 1,01%. Trong đó: Cướp tài sản 15 vụ, so với năm 2012 tăng 1 vụ, tỷ lệ 1,07%; Cướp giật tài sản 25 vụ, so với năm 2012 giảm 03 vụ, tỷ lệ 0,89%; Cường đoạt tài sản 09 vụ, so với năm 2012 tăng 02 vụ, tỷ lệ 1,29%; Trộm cắp tài sản 250 vụ, so với năm 2012 tăng 8 vụ, tỷ lệ

1,03%; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 54 vụ, so với năm 2012 tăng 12 vụ, tỷ lệ 1,29%; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 18 vụ, so với năm 2012 giảm 13 vụ, tỷ lệ 0,58%; Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản 8 vụ, so với năm 2012 giảm 2 vụ, tỷ lệ 0,8%; Công nhiên chiếm đoạt tài sản 02 vụ. Đã khởi tố hình sự 545 bị can để điều tra.

- Năm 2014, xảy ra 409 vụ, so với năm 2013 tăng 28 vụ, tỷ lệ tăng 7,35%. Trong đó: Cướp tài sản 17 vụ, so với năm 2013 tăng 02 vụ, tỷ lệ 13,33%; Cướp giật tài sản 20 vụ, so với năm 2013 giảm 05 vụ, tỷ lệ 0,8%; Cường đoạt tài sản 06 vụ, so với năm 2013 giảm 03 vụ, tỷ lệ 0,67%; Trộm cắp tài sản 281 vụ, so với năm 2013 tăng 31 vụ, tỷ lệ 1,12%; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 53 vụ, so với năm 2013 giảm 01 vụ, tỷ lệ 0,98%; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 21 vụ, so với năm 2013 tăng 03 vụ, tỷ lệ 1,17%; Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản 10 vụ, so với năm 2013 tăng 02 vụ, tỷ lệ 1,25%; Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản 01 vụ. Đã khởi tố hình sự 554 bị can để điều tra.

- Năm 2015, xảy ra 362 vụ, so với năm 2014 giảm 47 vụ, tỷ lệ 0,89%. Trong đó: Cướp tài sản 07 vụ, so với năm 2014 giảm 10 vụ, tỷ lệ 0,41%; Cướp giật tài sản 35 vụ, so với năm 2014 tăng 15 vụ, tỷ lệ 1,75%; Cường đoạt tài sản 07 vụ, so với năm 2014 tăng 01 vụ, tỷ lệ 1,17%; Trộm cắp tài sản 246 vụ, so với năm 2014 giảm 35 vụ, tỷ lệ 0,88%; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 38 vụ, so với năm 2014 giảm 15 vụ, tỷ lệ 0,72%; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 13 vụ, so với năm 2014 giảm 08 vụ, tỷ lệ 0,62%; Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản 12 vụ, so với năm 2014 tăng 02 vụ, tỷ lệ 1,2%; Chiếm giữ tài sản trái phép 01 vụ; Công nhiên chiếm đoạt tài sản 03 vụ. Đã khởi tố hình sự 521 bị can để điều tra.

- Năm 2016, xảy ra 347 vụ, so với năm 2015 giảm 15 vụ, tỷ lệ 0,96%. Trong đó: Cướp tài sản 10 vụ, so với năm 2015 tăng 03 vụ, tỷ lệ 1,43%; Cướp giật tài sản 25 vụ, so với năm 2015 giảm 10 vụ, tỷ lệ 0,71%; Cường đoạt tài sản 07 vụ, so với năm 2015 không tăng không giảm; Trộm cắp tài sản 240 vụ, so với năm 2015 giảm 06 vụ, tỷ lệ 0,96%; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 29 vụ, so với năm 2015 giảm 09 vụ, tỷ lệ 0,76%; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 23 vụ, so với năm 2015 tăng 10 vụ, tỷ lệ 1,77%; Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản 10 vụ, so với năm 2015 giảm 02 vụ, tỷ lệ 0,83%; Công nhiên chiếm đoạt tài sản 01 vụ, giảm 02 vụ so với năm 2015, tỷ lệ giảm 0,33%; Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản 02 vụ. Đã khởi tố hình sự 452 bị can để điều tra.

- Năm 2017, xảy ra 364 vụ, so với năm 2016 tăng 17 vụ, tỷ lệ tăng 1,05%. Trong đó:

Cướp tài sản 10 vụ, so với năm 2016 không tăng không giảm; Cướp giật tài sản 29 vụ, so với năm 2016 tăng 04 vụ, tỷ lệ 1,16%; Cường đoạt tài sản 10 vụ, so với năm 2016 tăng 03 vụ, tỷ lệ tăng 1,43%; Trộm cắp tài sản 246 vụ, so với năm 2016 tăng 06 vụ, tỷ lệ 1,025%; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 38 vụ, so với năm 2016 tăng 09 vụ, tỷ lệ 1,31%; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 8 vụ, so với năm 2016 giảm 15 vụ, tỷ lệ 0,35%; Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản 23 vụ, so với năm 2016 tăng 13 vụ, tỷ lệ 2,3%. Đã khởi tố hình sự 471 bị can để điều tra.

Năm	Tổng số vụ	Tổng số bị can	Cướp tài sản	Cướp giật tài sản	Trộm cắp tài sản	Lừa đảo CĐTTS	Lạm dụng tín nhiệm CĐTTS	Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	Cường đoạt tài sản	Chiếm giữ tài sản trái phép	Công nhiên CĐTTS	Bất cóc nhằm CĐTTS
2013	381	545	15	25	250	54	18	8	9		2	
2014	409	554	17	20	281	53	21	10	6			1
2015	362	521	7	35	246	38	13	12	7	1	3	
2016	347	452	10	25	240	29	23	10	7		1	2
2017	364	471	10	29	246	38	8	23	10			
Tổng cộng	1863	2543	59	134	1263	212	83	63	39	1	6	3

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Từ thực trạng trên có thể thấy tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng hiện đang diễn biến rất phức tạp, xảy ra tại nhiều nơi, tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, đời sống của người dân, gây thiệt hại cả về người và tài sản, gây mất an ninh trật tự tại các địa phương. Để góp phần làm giảm thiểu về số lượng cũng như tính chất của các loại tội phạm trên địa bàn thành phố thì yêu cầu được đặt ra cho lực lượng Cảnh sát điều tra hình sự là phải thường xuyên phối hợp với các lực lượng nghiệp vụ khác trong công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm ngay từ ban đầu, nâng cao công tác tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia vào công tác phòng ngừa, đấu tranh chống các loại tội phạm. Đồng thời, lực lượng CSĐT hình sự cần phải chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm trong thời gian tới.

2.1.2.3. Tình hình tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Bảng 2.1. Số bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Năm	Bị can phạm tội xâm phạm sở hữu	Bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2013	545	59
2014	554	61
2015	521	45
2016	452	33
2017	471	37
Tổng cộng	2.543	235

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Qua những số liệu trên, chúng ta nhận thấy từ năm 2013 đến năm 2017, trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng xảy ra 212 vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với 235 bị can, tội phạm này có xu hướng giảm cả về số vụ lẫn số bị can, cao nhất là thời điểm năm 2014 xảy ra 53 vụ với 61 bị can, thấp nhất là thời điểm 2016 xảy ra 29 vụ với 33 bị can. Tuy nhiên, qua nghiên cứu 212 hồ sơ về tội phạm Lừa đảo CĐTTS do lực lượng điều tra hình sự CATP Đà Nẵng thụ lý trong thời gian qua thì tội phạm Lừa đảo CĐTTS vẫn chiếm tỷ lệ tương đối cao, với thủ đoạn ngày càng tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp.

Trong những năm qua, nhờ làm tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài ngành trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nên ý thức cảnh giác của đa số người dân cũng tăng cao. Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động, đồng thời đưa ra những phương thức, thủ đoạn của đối tượng để người dân có trách nhiệm trong việc quản lý tài sản của mình. Vì vậy, số vụ án Lừa đảo CĐTTS xảy ra có chiều hướng giảm.

2.1.3. Đặc điểm hình sự của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến năm 2017

Trong những năm gần đây, tội phạm Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN có biểu hiện đa dạng, thủ đoạn ngày càng tinh vi. Người phạm tội lợi dụng triệt để những sơ hở của chính sách pháp luật, chính sách quản lý kinh tế, nhằm vào tâm lý và nhu cầu của người bị hại, lợi dụng sự tha hóa về đạo đức của một số cán bộ nhà nước, để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Một số thủ đoạn mà kẻ phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thường sử dụng trong thời gian gần đây là:

- Phổ biến nhất là hình thức lừa bán nhà chung cư, nhà ở xã hội với nhiều thủ đoạn khác nhau như: đưa thông tin giả là mình có quan hệ với các cấp lãnh đạo, giả chữ ký, con dấu của cơ quan tổ chức, hứa góp vốn để đầu tư xây dựng nhà ở chung cư, nhà ở xã hội, khu dân cư... xin căn hộ chung cư, nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp. Đơn cử như vụ án Hồ Bích Nga Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Phòng Cảnh sát Kinh tế, Công an TPĐN khởi tố năm 2013, nội dung cụ thể: Nga là nhân viên kinh doanh bất động sản tại Sàn giao dịch bất động sản Đà Nẵng (DANAREES) từ ngày 24/5/2011. Từ 20/7/2011, Nga được bổ nhiệm làm Trưởng nhóm kinh doanh dự án nhà ở xã hội Bluehouse. Đơn vị giao cho Nga 02 quyển phiếu thu, mỗi quyển 60 tờ, dùng để thu tiền bán hồ sơ mua nhà ở xã hội, mỗi bộ hồ sơ theo qui định là 10.000đ, trong đó liên 2 có đóng dấu treo của Sàn giao dịch bất động sản Đà Nẵng dùng để giao cho khách hàng mua hồ sơ. Ngày 10/8/2011, Sàn giao dịch bất động sản Đà Nẵng có quyết định thôi chức Trưởng nhóm đối với Nga và qui định rõ Nga có nghĩa vụ bàn giao công việc, hồ sơ, sổ sách, tài sản mà mình phụ trách theo qui định của Công ty. Sau khi bị bãi nhiệm, Nga tiếp tục làm tại phòng giao dịch, chỉ giao trả 01 quyển phiếu thu, còn một quyển tiếp tục giữ lại. Để có tiền tiêu xài cá nhân, Nga nảy sinh ý định lừa đảo CDTTS của người khác. Qua mối quan hệ quen biết với Trương Thị Kim Khuê và ông Ngô Văn Trọng, Nga nói mình quen biết với người làm ở Văn phòng Ủy ban nhân dân TPĐN, có mối làm thủ tục thuê căn hộ chung cư thuộc diện chính sách xã hội tại Phường Hòa Hiệp Nam. Để tạo lòng tin, Nga sẽ viết phiếu thu (có đóng dấu treo của Sàn giao dịch bất động sản Đà Nẵng), viết giấy tay nhận tiền hoặc lập hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất đưa lại cho người nộp tiền cọc. Đồng thời Nga đưa cho Khuê và ông Trọng bộ hồ sơ gồm: Đơn xin thuê căn hộ chung cư và đơn xin xác nhận không có nhà ở ổn định để photo lại đưa cho người đứng tên xin thuê chung cư làm thủ tục. Thông qua bà Khuê, ông Trọng môi giới cho bà con hoặc những người quen đặt cọc tiền với tổng số tiền lừa đảo 1.933.500.000đ; vụ án với 70 nạn nhân bị lừa đảo, có thể nói đây là vụ án lừa đảo tuy không lớn về tài sản chiếm đoạt, nhưng số lượng bị hại lớn nhất từ trước đến thời điểm này, phần lớn người bị hại chủ yếu là người nghèo, do vậy đã gây tình hình bất ổn tại địa phương.

- Thông qua hình thức lấy danh nghĩa các công ty “ma” hoặc thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn để huy động, vay tiền của cá nhân rồi chiếm đoạt luôn. Đây là thủ đoạn được sử dụng trong nhiều vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn,

gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của nhân dân.

- Hình thức lừa đảo chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng. Lợi dụng chính sách hoàn thuế giá trị gia tăng của nhà nước, đối tượng đã lập hồ sơ khống khai báo thuế nhằm mục đích chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng của nhà nước. Thủ đoạn này thường được những người làm việc trong lĩnh vực thương mại sử dụng.

- Một hình thức rất phổ biến trong thời gian vừa qua và cũng được đưa tin nhiều từ các phương tiện thông tin đại chúng đó là hình thức lừa đảo đưa ra lãi suất cao hơn so với lãi suất ngân hàng để thu hút vốn nhàn rỗi của nhân dân và trả lãi suất ngay sau khi nhận tiền. Sau khi thu được một số vốn lớn thì chủ vay cao chạy xa bay. Nạn nhân của những vụ lừa đảo này thường là những người nhẹ dạ cả tin, thậm chí có máu tham tiền nên đã bị kẻ phạm tội lợi dụng nhược điểm đó để lừa đảo.

- Thông qua hình thức môi giới lao động như hứa hoặc cam kết xin việc cho người xin việc vào các cơ quan doanh nghiệp, hoặc thông qua hình thức tuyển dụng xuất khẩu lao động đi nước ngoài để thu tiền rồi chiếm đoạt số tiền đó. Điển hình như vụ: Bùi Thị Thu H. thông qua hình thức xin việc làm, lừa đảo chiếm đoạt 4,715 tỷ đồng. Cụ thể: Sau khi li hôn chồng, H. từ Phú Thọ vào Đà Nẵng sinh sống. Được người quen giới thiệu, H. đã nhờ Nguyễn Thị Phương T. thuê giúp phòng trọ và mở một tài khoản mang tên Nguyễn Thị Phương T. tại Ngân hàng Agribank để gia đình gửi tiền vào cho mình. Thời gian này, H. dạy hợp đồng tại các trung tâm ngoại ngữ trên địa bàn thành phố. Qua tiếp xúc với nhiều người có nhu cầu xin việc làm và số học sinh tốt nghiệp cấp 3 chưa tìm được việc làm, muốn thi vào trường Hàng không, xin vào ngành Công an... H. đã lên mạng Internet tìm hiểu và được biết Học viện Hàng không có đào tạo trung cấp nghề, lệ phí xét tuyển 30.000đ, học phí 02 năm là 10.000.000đ; sau khi học xong, học viên tự tìm việc làm. Nhận thấy học sinh và người nhà không tìm hiểu kỹ các thông tin đã đăng tải trên mạng, H. đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền để tiêu xài. Để thực hiện, H. đã thông tin cho nạn nhân biết mình là giảng viên trường Đại học Đà Nẵng, có mối quan hệ với Giám đốc Học viện Hàng không, có khả năng “chạy” vào trường nhưng không cần qua xét tuyển, với mức giá dao động từ 100 triệu đến 250 triệu đồng. Để tạo niềm tin, H. đã liên hệ Học viện Hàng không mua nhiều bộ hồ sơ rồi đưa cho những người này kê khai, sau đó đưa lại cho H. để nộp vào trường qua dịch vụ bưu điện. Đối với hồ sơ xin việc vào ngành Công an, H. đã xin được một bộ hồ sơ của một người quen, sao ra thành nhiều

bản và đưa cho bị hại kê khai, sau đó dẫn họ qua bệnh viện 199 Bộ Công an để khám sức khỏe. Quá trình giao dịch, H. đã che giấu nhân thân của mình bằng cách sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Thị Phương T., Nguyễn Phương H., Nguyễn Hà P., Nguyễn Huyền T... Bằng thủ đoạn này, Bùi Thị Thu H. đã chiếm đoạt của 08 bị hại với số tiền 4,715 tỷ đồng.

- Kẻ phạm tội làm ra các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho những lô đất có diện tích lớn, giá trị cao, sau đó đưa ra thông tin đất này do mình được mua với giá ưu đãi, bán lại với giá rẻ hơn giá thị trường, để đánh vào lòng tham của một số người nhẹ dạ. Sau đó chúng nhận tiền đặt cọc của người mua và chiếm đoạt luôn. Điển hình là vụ án Đặng Huy B. Lừa đảo CĐTTS: Tháng 5/2017, B. làm quen với Lê Minh H., Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần bất động sản Phương T., B. giới thiệu mình là chủ của nhiều lô đất tại dự án Royal Eral 1 tại Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TPĐN và cho H. xem những giấy tờ mình đã làm giả. Sau đó, H. đã ký hợp đồng với B. đồng ý mua 29 lô đất tại dự án này với giá 839,84 tỷ đồng và đặt cọc trước 1,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, do không có đủ khả năng về tài chính, H. đã đề nghị hủy hợp đồng và xin rút lại tiền cọc. Để chiếm đoạt số tiền cọc trên, B. đã sử dụng H. tìm người mua các lô đất mà B. đã làm giả giấy tờ. Như vậy, tổng cộng H. đã thực hiện 09 cuộc giao dịch và nhận của khách hàng 32,5145 tỷ đồng, giao cho B. 9,25 tỷ, còn H. giữ 24,7645 tỷ đồng.

- Thông qua hình thức đánh bạc, đồ đen lừa đảo khác. Đây là trường hợp người phạm tội có sự chuẩn bị trước những quân bài có đánh dấu hay những thủ thuật khác để kiểm soát cuộc chơi... Những hành vi gian dối đó quyết định việc thắng thua theo ý muốn của họ. Đối với thủ đoạn này thì tùy trường hợp sẽ bị xử lý về hành vi đánh bạc hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Có thể nói rằng, ngoài các phương thức và thủ đoạn trên, thì trong thực tế bọn tội phạm sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn khác để chiếm đoạt tài sản. Trong thực tế đấu tranh phòng chống tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã chỉ ra rằng: thủ đoạn của bọn tội phạm rất đa dạng và luôn luôn thay đổi, chúng luôn đưa người bị hại vào tình trạng không thể ngờ được. Người phạm tội luôn nghiên cứu, tìm hiểu các trạng thái tâm lý khác nhau của chủ tài sản để đưa ra các phương thức, thủ đoạn gian dối khác nhau, làm cho người chủ tài sản tin giả là thật, từ đó tự nguyện giao tài sản cho người phạm tội và sau đó chiếm đoạt tài sản luôn.

Bảng 2.2. Những thủ đoạn che giấu hành vi phạm tội

Năm	Bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Bỏ trốn	Tiêu hủy tài liệu, chứng cứ	Tẩu tán tài sản chiếm đoạt được (Bán, thế chấp, trao đổi...)
2013	59	4	21	34
2014	61	7	20	34
2015	45	2	15	28
2016	33	2	10	21
2017	37	1	16	20
Tổng cộng	235	16	82	137

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Trên cơ sở nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS xảy ra trên địa bàn TPĐN cùng số liệu nêu trên, nhận thấy sau khi gây án đối tượng phạm tội luôn tìm mọi cách để che giấu hành vi lừa đảo của mình, với các thủ đoạn như sau:

+ Đối tượng bỏ trốn sau khi gây án hoặc tìm đến chỗ bạn bè, người thân, hoặc trốn trong các nhà trọ, nhà nghỉ, che giấu nhân thân lai lịch của mình, xảy ra 16/235 bị can, chiếm 6,81%;

+ Đối tượng phạm tội tiêu hủy, cất giấu công cụ, phương tiện phạm tội như: giấy tờ, tài liệu, đồ vật, sửa chữa, thay đổi kết cấu, hình thức bên ngoài của tài sản có liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, có 82/235 bị can, chiếm 34,89%;

+ Đối tượng phạm tội tìm cách tẩu tán, tiêu thụ tài sản đã chiếm đoạt được bằng nhiều cách như: nếu tài sản chiếm đoạt được là tiền thì sử dụng vào mục đích cá nhân hoặc gửi vào ngân hàng, mua tài sản có giá trị và nhờ người quen đứng tên, đối tượng có thể chia nhỏ số tiền đã chiếm đoạt được và sử dụng vào hoạt động kinh doanh; nếu tài sản là đồ vật thì bán cho những người không quen biết, đổi cho người khác hoặc đổi sang loại tài sản khác. Để tránh bị kê biên tài sản trong trường hợp bị Cơ quan điều tra phát hiện và bắt giữ, sau khi chiếm đoạt được tài sản, đối tượng phạm tội lập tức chuyển quyền sở hữu tài sản cho người khác, những người này thường là người thân trong gia đình hoặc người quen. Thủ đoạn này xảy ra với 137/235 bị can chiếm 58,3%, đây là thủ đoạn chủ yếu trong các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trong thời gian qua trên địa bàn TPĐN.

- Địa bàn và thời gian gây án

+ Địa bàn gây án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, cho thấy địa bàn phạm tội của tội

phạm Lừa đảo CĐTTS thường không cố định, không theo một tuyến hay địa bàn nhất định; hành vi lừa đảo CĐTTS có thể diễn ra ở bất cứ đâu và bất cứ chỗ nào, và đó cũng là địa bàn hoạt động của tội phạm này. Những địa bàn tập trung nhiều của cải, vật chất là nơi mà các đối tượng thường hay nhắm tới. Địa điểm mà các đối tượng thực hiện hành vi lừa đảo CĐTTS phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm đối tượng bị chiếm đoạt tài sản, nếu đối tượng bị chiếm đoạt là cá nhân thì người phạm tội thực hiện hành vi tại nhà riêng, trên đường đi, các tụ điểm sinh hoạt, vui chơi, nơi công cộng, nhà hàng, khách sạn, quán cà phê..., nếu đối tượng bị chiếm đoạt là hay cơ quan, tổ chức thì người phạm tội thực hiện hành vi tại trụ sở cơ quan, tổ chức đó. Như vậy, tùy vào từng loại đối tượng cụ thể mà người phạm tội lựa chọn địa điểm thực hiện hành vi để thuận lợi cho việc tiếp cận, làm quen, gây lòng tin, cũng như che giấu hành vi phạm tội xảy ra.

+ Thời gian gây án: Trong một vụ án Lừa đảo CĐTTS, thời gian gây án thường được tính từ lúc đối tượng phạm tội nảy sinh ý định cho đến khi đối tượng chiếm đoạt được tài sản từ người bị hại một cách hợp pháp. Thời gian gây án kéo dài hay ngắn phụ thuộc vào sự lựa chọn đối tượng bị chiếm đoạt, mối quan hệ của đối tượng với người có tài sản, cách tiếp cận đối tượng bị chiếm đoạt, động cơ, mục đích, trình độ, khả năng... của đối tượng.

Khi nghiên cứu các vụ án Lừa đảo CĐTTS xảy ra trên địa bàn TPĐN trong thời gian từ năm 2013-2017, cho thấy phần lớn thời gian gây án của các đối tượng trong việc chiếm đoạt tài sản diễn ra nhanh chóng, giữa ban ngày. Tuy nhiên do đối tượng phạm tội tìm mọi cách để lẩn tránh (hứa hẹn) việc trả lại tài sản cho người bị hại, sau thời gian dài, khi biết không thể nhận lại được tài sản thì người bị hại mới trình báo với cơ quan Công an nên thời gian vụ án xảy ra đến khi Cơ quan Công an tiếp nhận thụ lý là khá dài, đây là thời gian thuận lợi để đối tượng bỏ trốn hoặc tẩu tán tài sản đã chiếm đoạt được.

- Đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt: Qua nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ năm 2013-2017 do Cơ quan CSĐT hai cấp Công an TPĐN thụ lý, có thể nhận thấy tài sản bị chiếm đoạt rất đa dạng về chủng loại, như: Tiền, vàng, ngoại tệ, xe ô tô, điện thoại di động thông minh và các loại tài sản khác như tiền, vàng, đất đai, giấy tờ có giá trị khác. Thời gian gần đây, tài sản bị chiếm đoạt trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng chủ yếu tập trung vào đất đai và giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đặc điểm về đối tượng gây án: Qua khảo sát thì đối tượng phạm tội trong các vụ án Lừa đảo CĐTTS đa số là nam giới, những người có kinh nghiệm sống, từng trải, có

sự hiểu biết xã hội với khả năng quan hệ giao tiếp tốt, một số đối tượng có trình độ khá cao. Đối tượng phạm tội thường có lối sống dối trá, hay tự giới thiệu với mọi người là mình có điều kiện kinh tế khá giả, kinh doanh thuận lợi, có nhiều mối quan hệ với quan chức...khi bị phát hiện thì dùng lời lẽ để ngụy biện cho hành vi của mình hoặc nhanh chóng tìm các thủ đoạn che giấu hành vi phạm tội, rồi bỏ trốn.

Tiến hành nghiên cứu đặc điểm nhân thân của 235 bị can trong 212 vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra ở Thành phố Đà Nẵng, cho thấy như sau:

+ Giới tính: Có 174/235 bị can là nam giới, chiếm tỷ lệ 74,04% và 61/235 bị can là nữ chiếm tỷ lệ 25,96%. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy đối tượng phạm tội là nữ chiếm tỷ lệ thấp hơn so với nam giới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, số bị can là nữ giới có xu hướng ngày càng gia tăng, nguyên nhân chính là do nhu cầu về lợi ích bản thân, họ lợi dụng ưu thế của bản thân là nữ, có lời nói nhẹ nhàng, có thể làm cho người khác tin vào lời nói, hành vi của mình mà tự nguyện giao tài sản.

Bảng 2.3. Một số đặc điểm của đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Năm	Tổng số bị can	Giới tính		Độ tuổi		Nghề nghiệp		Học vấn		Tiền án, tiền sự	
		Nam	Nữ	Trên 30	Dưới 30	Có nghề ổn định	Không nghề hoặc không ổn định	Trên 12	Dưới 12	Có	Chưa
2013	59	47	12	29	30	25	34	32	27	7	52
2014	61	48	13	39	22	32	29	37	24	10	51
2015	45	28	17	24	21	20	25	29	16	7	38
2016	33	20	13	19	14	18	15	20	13	6	27
2017	37	31	6	16	21	20	17	20	17	5	32
Tổng cộng	235	174	61	127	108	115	120	138	97	35	200

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

+ Độ tuổi: Qua nghiên cứu cho thấy đối tượng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản rơi vào nhiều độ tuổi khác nhau. Trong số 235 bị can Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tập trung nhiều ở độ tuổi từ 30 tuổi trở lên, có 127/235 bị can (chiếm 54,04%); độ tuổi dưới 30 có 108/235 bị can chiếm (45,96%). Như vậy qua số liệu có thể thấy rằng đối tượng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở nhiều độ tuổi khác nhau.

+ Tiền án, tiền sự: Kết quả nghiên cứu nhận thấy đối tượng phạm tội trong các vụ

án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác với một số tội phạm có tính chất chiếm đoạt khác. Đối với các tội Trộm cắp tài sản, Cướp tài sản, Cướp giật tài sản...thì tỷ lệ các đối tượng phạm tội có tiền án, tiền sự thường chiếm khá cao. Nhưng trong các vụ án Lừa đảo CĐTS xảy ra ở TPĐN thì đối tượng phạm tội có tiền án, tiền sự chỉ có 35/235 bị can (chiếm 14,89%), đối tượng thuộc loại chưa có tiền án, tiền sự có 200/235 bị can (chiếm 85,11%). Số đối tượng đã có tiền án, tiền sự hầu hết là các tội liên quan đến tội phạm về xâm phạm sở hữu như: Lạm dụng tín nhiệm CĐTS, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản...

+ Nghề nghiệp: Số đối tượng Lừa đảo CĐTS đa dạng về ngành nghề, có thể đối tượng có nghề nghiệp ổn định hoặc có thể không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Điều đó cho thấy, tội phạm Lừa đảo CĐTS có thể xảy ra ở bất cứ lĩnh vực nào, và cũng không hẳn là do đối tượng khó khăn về tài chính.

+ Trình độ học vấn: Tiến hành nghiên cứu 235 bị can phạm tội Lừa đảo CĐTS, thấy rằng bị can có trình độ học vấn khác nhau, cụ thể: Học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông có 138/235 bị can (chiếm 58,72%), học vấn chưa tốt nghiệp trung học phổ thông có 97/235 bị can (chiếm 41,28%).

+ Đặc điểm nơi cư trú: Thực tế điều tra cho thấy đa số các đối tượng phạm tội có địa chỉ thường trú trên địa bàn thành phố, thường là những đối tượng có hộ khẩu tại TPĐN hoặc những đối tượng ở các tỉnh thành khác đến làm ăn sinh sống tại Đà Nẵng.

- Đặc điểm nhân thân người bị hại

Người bị hại trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản rất đa dạng về thành phần, độ tuổi, nghề nghiệp cũng như hoàn cảnh sống. Qua nghiên cứu thấy rằng, đặc điểm nhân thân của họ có các đặc điểm chủ yếu như: Là những người ít từng trải, kiến thức hiểu biết về xã hội thấp, dễ tin người, thường có lòng tham, muốn nhanh chóng làm giàu, không hiểu biết pháp luật, dễ đối tượng phạm tội dễ tiếp cận, từ đó dễ bị các đối tượng phạm tội lừa phỉnh, thực hiện hành vi lừa đảo CĐTS mà chính bản thân họ không hề biết.

2.2. Tổ chức lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

2.2.1. Tổ chức lực lượng

Cơ cấu bộ máy, tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

Cơ cấu bộ máy, tổ chức các Cơ quan điều tra thuộc lực lượng Cảnh sát - Bộ Công an hiện nay cần phải tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện, vì tổ chức cơ quan Cảnh sát

điều tra còn nhiều đầu mối và chưa tập trung, tinh gọn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có 05 đầu mối: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, xâm phạm sở hữu trí tuệ.

Tại Công an cấp tỉnh, tổ chức cơ quan CSĐT cũng tương tự, chỉ có một điều khác là bộ phận điều tra tội phạm buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, xâm phạm sở hữu trí tuệ không lập phòng mà lập đội trực thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ.

Căn cứ vào tình hình thực tế ở cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh thành lập các đội Cảnh sát điều tra. Hiện có 1.629 các đội Cảnh sát điều tra, tuy nhiên số lượng Đội Cảnh sát điều tra ở Công an các huyện không giống nhau (có 114 Công an cấp huyện lập 04 đội Điều tra; 398 Công an cấp huyện lập 03 đội Điều tra; còn lại tùy nơi lập từ 01 đến 02 đội điều tra).

- Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Công an Thành phố Đà Nẵng, gồm:

+ Cấp Thành phố có: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra (có 03 đội); Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (có 06 đội); Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và buôn lậu (có 06 đội, trong đó có 01 đội điều tra tổ tụng); Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (có 05 đội).

+ Cấp huyện: Hiện nay 07 Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc 07 Công an quận, huyện, mỗi Cơ quan Cảnh sát điều tra có 04 đội điều tra, gồm: Đội Điều tra tổng hợp, Đội CSĐT tội phạm hình sự, Đội CSĐT tội phạm ma túy và Đội CSĐT tội phạm kinh tế và môi trường.

- Về tình hình Điều tra viên

Lực lượng điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra toàn TPĐN (bao gồm 04 phòng và 07 quận huyện) hiện nay là: 179 ĐTV. Trong đó ĐTV cao cấp có: 24 người, ĐTV trung cấp có: 81 người, ĐTV sơ cấp có: 74 người. Trình độ cao học có: 23 ĐTV, trình độ đại học có: 153 ĐTV (gồm đại học Cảnh sát, đại học luật và đại học khác), trình độ cao đẳng: 03 ĐTV. Trung bình một năm, một ĐTV thụ lý số lượng vụ án như sau: Hệ tội phạm về hình sự: 5,5 vụ; hệ tội phạm về kinh tế, chức vụ: 0,75 vụ;

hệ tội phạm về ma túy: 1,25 vụ.

Từ phân tích trên cho thấy lực lượng ĐTV vẫn thiếu về số lượng, chưa đủ đáp ứng với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

2.2.2. Mối quan hệ phối hợp trong quá trình điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng

Cơ quan Cảnh sát điều tra với VKS nhân dân cùng cấp đã thực hiện tốt qui chế phối hợp ngay từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, đảm bảo việc khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hoặc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đúng qui định; chấn chỉnh, khắc phục việc đình chỉ điều tra không đúng quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 25 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003. Giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, nhất là khiếu nại về quyết định tố tụng và hành vi tố tụng; tập trung rà soát, kiểm tra giải quyết các trường hợp khiếu nại cho rằng bị oan trong các trường hợp đình chỉ không đúng các khoản 1 và 2 Điều 25 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003. Đối với những vụ việc có tính chất phức tạp hoặc có nhiều quan điểm giữa các cơ quan tố tụng có khác nhau trong việc đánh giá chứng cứ, xác định hành vi có tội hoặc không có tội, giữa tội này và tội khác..., thì CQĐT tổ chức họp liên ngành với VKS và TAND để phân tích và đi đến thống nhất xác định tội danh, đánh giá chứng cứ theo đúng qui định của Bộ luật hình sự.

Từ năm 2013 đến năm 2017, trong quá trình điều tra vụ án hình sự mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan THTT rất được chú trọng. Ngay từ khi tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm đã có sự tham gia kiểm sát của VKS cùng cấp, tránh để xảy ra trường hợp sót lọt tội phạm cũng như dẫn tới oan sai. Từ thực tiễn cho thấy còn một bộ phận ĐTV, Kiểm sát viên, Thẩm phán chưa nghiêm túc trong việc chấp hành các qui định pháp luật, nhất là pháp luật TTHS; có trường hợp yếu kém về năng lực chuyên môn, trình độ nghiệp vụ; chưa thường xuyên, kịp thời cập nhật kiến thức pháp luật; có nơi, có lúc còn mắc bệnh thành tích, nôn nóng trong giải quyết vụ án, quá tin vào lời nhận tội của bị can, bị cáo; không quán triệt nguyên tắc trọng chứng hơn trọng cung; việc thu thập, đánh giá chứng cứ chưa thật đầy đủ, khách quan, toàn diện; chưa bảo đảm đúng nguyên tắc "suy đoán vô tội"; thiếu bản lĩnh, bị kẻ xấu lợi dụng mua chuộc, làm tha hóa, biến chất, dung túng, tiếp tay cho tội phạm.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự ở Thành phố Đà Nẵng được

thành lập ở cấp thành phố do Phó Giám đốc Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng, ở cấp quận, huyện do Phó Chủ tịch UBND quận, phụ trách tài chính là Chủ tịch Hội đồng: Hầu hết các vụ án Lừa đảo CĐTTS đều phải định giá tài sản bị chiếm đoạt, làm căn cứ để khởi tố vụ án, bị can và định khung hình phạt. Vì vậy, khi cần thiết phải định giá một tài sản, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được phân công ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản kèm theo các tài liệu có liên quan làm cơ sở cho việc định giá như biên bản lấy lời khai của người bị hại và các hóa đơn mua hàng (nếu có), phiếu báo giá của một số cơ sở bán mặt hàng cùng loại với tài sản định giá, gửi đến Hội đồng định giá để tiến hành định giá theo đúng quy định tại Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/3/2005 của Chính phủ về hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (Điều 215, Điều 216, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 220, Điều 221, Điều 222 Bộ luật TTHS năm 2015). Sau khi đã định được giá trị tài sản, Hội đồng định giá sẽ ban hành Kết luận gửi cho CQĐT. Tuy nhiên, đối với tài sản định giá phức tạp, cần phải có sự tham gia của cơ quan chuyên môn, chuyên ngành, thì phải mất thời gian rất lâu Cơ quan điều tra mới nhận được kết quả. Điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ điều tra của Cơ quan điều tra.

2.3. Hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng

2.3.1. Giai đoạn điều tra ban đầu

2.3.1.1. Tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo

Bảng 2.4. Tình hình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm

Năm	CQĐT cấp huyện	CQĐT cấp Thành phố	Cộng
2013	32	25	57
2014	37	18	55
2015	42	21	63
2016	52	38	90
2017	96	47	143
Tổng cộng	259	149	408

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Tiến hành nghiên cứu hồ sơ liên quan 408 tin báo tố giác về hành vi lừa đảo CĐTTS từ năm 2013 đến năm 2017, thấy rằng việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS từ nhiều nguồn khác nhau, cụ thể:

- Cơ quan điều tra cấp huyện tiếp nhận

+ Do Công an xã, phường trực tiếp nhận: Các tổ giác, tin báo về tội Lừa đảo CĐTTS được người bị hại hoặc quần chúng nhân tố cáo, thông báo trực tiếp đến Công an phường, xã ở Thành phố Đà Nẵng (45 phường, 11 xã) hoặc gửi đơn theo đường bưu điện...

Khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS, Công an xã, phường lập biên bản về việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, nghiên cứu về thẩm quyền điều tra và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra cấp huyện. Trong các trường hợp bắt quả tang đối tượng Lừa đảo CĐTTS thì tiến hành thu giữ, tạm giữ vật chứng và bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan, lập biên bản bắt giữ người, lấy lời khai ban đầu và giải ngay người bị bắt đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp quận, huyện tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, vật chứng, đối tượng theo đúng trình tự. Sau đó nghiên cứu hồ sơ, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra, xin ý kiến chỉ đạo để tiến hành các biện pháp điều tra, áp dụng các biện pháp ngăn chặn tiếp theo đúng quy định của Bộ luật TTHS.

+ Do Cơ quan điều tra cấp huyện trực tiếp nhận: Qua báo cáo tổng kết từ năm 2013-2017, số tin báo tố giác và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra cấp huyện tiếp nhận là 259/408 (chiếm 63,48%), trong đó bao gồm cả số do Công an xã, phường chuyển đến. Thực tế hiện nay, do khi tiếp nhận tin báo tố giác về hành vi lừa đảo, Công an xã phường lập hồ sơ tiếp nhận và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra cấp huyện chứ không tiến hành các hoạt động điều tra, nên không thống kê được số tin báo tố giác do Công an cấp xã phường tiếp nhận.

- Cơ quan CSĐT Công an TPĐN từ năm 2013-2017 đã tiếp nhận 149 tin báo tố giác và kiến nghị khởi tố về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chiếm 36,52%).

Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS do người bị hại hoặc quần chúng nhân dân trực tiếp đến trình báo thì Trục ban hình sự Công an Thành phố lập biên bản tiếp nhận và ghi vào sổ tiếp nhận. [41] Nếu tố giác, tin báo về tội phạm được gửi qua bưu chính, điện thoại hoặc qua thư điện tử thì cán bộ tiếp nhận ghi vào sổ tiếp nhận.

Đối với trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu có liên

quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì tiến hành đề xuất ra quyết định phân công giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và tổ chức xác minh theo quy định tại Điều 103 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 145, Điều 146, Điều 147 Bộ luật TTHS năm 2015).

Với những tố giác, tin báo về tội phạm do các đơn vị nghiệp vụ, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội chuyển thì Trục ban hình sự tiến hành các thủ tục giao nhận hồ sơ, tài liệu, vật chứng theo quy định của pháp luật.[44] Đặc biệt cần chú ý yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản cung cấp các giấy tờ, tài liệu chứng minh được quyền sở hữu về tài sản mà họ đã bị lừa đảo chiếm đoạt như: Giấy chứng minh nhân dân, các giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hóa đơn, chứng từ hoặc các giấy tờ khác có liên quan...

2.3.1.2 Phát hiện vụ án Lừa đảo CĐTTS từ các hoạt động nghiệp vụ khác, qua mở rộng các vụ án khác.

Qua nghiên cứu các báo cáo tổng kết từ năm 2013-2017 và thực tế điều tra các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Cơ quan điều tra hai cấp ở Công an TPĐN, thì hầu hết, Cơ quan điều tra chỉ phát hiện tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua tin báo, tố giác về tội phạm. Các hoạt động nghiệp vụ khác chỉ giúp Cơ quan điều tra làm rõ các mối quan hệ của người phạm tội, những nơi có khả năng cất giấu tài liệu, vật chứng hoặc tài sản chiếm đoạt được... chứ chưa trực tiếp phát hiện ra vụ án Lừa đảo CĐTTS.

Ngoài ra CQĐT còn có thể tiếp nhận thông tin về tội phạm Lừa đảo CĐTTS thông qua việc người phạm tội ra đầu thú do người bị hại gây áp lực, đe dọa đến tính mạng hoặc hành vi phạm tội bị phát hiện, thấy không có khả năng trốn thoát và trả lại tài sản, Tuy nhiên, trên thực tế tại Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp ở Công an TPĐN thời gian từ 2013 đến năm 2017 chưa tiếp nhận trường hợp nào đối tượng ra đầu thú.

2.3.1.3. Lấy lời khai người bị hại, người làm chứng

- Lấy lời khai người bị hại:

Lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp ở Công an TPĐN chỉ đạo Điều tra viên thực hiện lấy lời khai người bị hại phải kịp thời, để thuận lợi cho việc nhanh chóng xác định đối tượng và triển khai các biện pháp cấp bách, các hoạt động điều tra tiếp theo như: Truy bắt thủ phạm theo dấu vết nóng, truy tìm tài sản bị chiếm đoạt, thu giữ đồ vật, tài liệu, chứng cứ có liên quan...

Mặc dầu vậy, vẫn còn một số trường hợp chưa kịp thời tiến hành lấy lời khai người bị hại. Nguyên nhân chủ yếu là do cần phải truy nã ngay đối tượng phạm tội, thu hồi tài sản, nên Điều tra viên chỉ hỏi qua người bị hại mà chưa tiến hành lấy lời khai, ghi biên bản. Có trường hợp khi vụ việc xảy ra, người bị hại, cơ quan, tổ chức không báo ngay cho CQĐT, mà để tự thỏa thuận giải quyết, sau khi không thể tự giải quyết được mới làm đơn tố giác. Hoặc có trường hợp phải mất một thời gian dài người bị hại mới biết mình đã bị đối tượng lừa đảo, cũng có nhiều trường hợp người bị hại do hám lợi nên mới bị lừa, họ ngại người thân biết nên không dám viết đơn tố cáo. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến quá trình khai báo của người bị hại và thiếu sự chính xác do thời gian tiếp nhận tin báo khá lâu.

Bảng 2.5 Tình hình lấy lời khai người bị hại

Năm	Số vụ án Lừa đảo CĐTTS	Số người bị hại	Số lần lấy lời khai
2013	54	62	124
2014	53	61	122
2015	38	52	109
2016	29	46	97
2017	38	55	110
Tổng cộng	212	276	562

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Qua nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS mà Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp ở Công an TPĐN đã thụ lý điều tra thì có 276 người bị hại, Điều tra viên đã thực hiện 562 lần lấy lời khai người bị hại, người lấy lời khai ít nhất 02 lần và nhiều nhất 04 lần. Việc tiến hành lấy lời khai và ghi biên bản lấy lời khai, thực hiện đúng các quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 95 và Điều 137 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 133, Điều 188 Bộ luật TTHS năm 2015). Nội dung lấy lời khai cần tập trung làm rõ là:

- + Nội dung, diễn biến, thời gian và địa điểm xảy ra vụ án Lừa đảo CĐTTS; thủ đoạn đối tượng phạm tội sử dụng để lừa đảo CĐTTS;
- + Mối quan hệ với đối tượng phạm tội (biết nhau trong trường hợp nào?). Đặc điểm của đối tượng phạm tội Lừa đảo CĐTTS, hiện đối tượng phạm tội ở đâu (nếu biết);
- + Đặc điểm phương tiện đối tượng sử dụng đi gây án; đặc điểm, nguồn gốc, số lượng, giá trị tài sản bị chiếm đoạt;

- + Việc bị lừa đảo CĐTTS có những ai biết;
- + Có yêu cầu, kiến nghị gì trong việc giải quyết vụ án, kể cả yêu cầu về đền bù dân sự.

Quá trình lấy lời khai người bị hại, ĐTV cần lưu ý đến tâm lý của người bị hại, một là có người vì sợ bị lộ thông tin về nguồn tài sản riêng trong gia đình, nên họ không muốn tố cáo hoặc trình bày với CQĐT. Hai là vì lòng tham nên đã bị lừa, nên họ có tâm lý xấu hổ không muốn khai báo. Có trường hợp người bị hại muốn khai tăng thêm mức độ bị thiệt hại về tài sản. Một số người bị hại thì nôn nóng trong việc giải quyết vụ án, mong muốn nhanh chóng bắt giữ người phạm tội và thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt mà trong quá trình khai báo họ đưa ra những nhận định, suy luận mang tính chủ quan, thiếu chính xác. Do đó ĐTV cần nắm vững tâm lý này, qua đó xác minh lại tính chính xác của lời khai để làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp điều tra và có phương pháp tác động để họ khai báo khách quan và trung thực nhất.

- Lấy lời khai người làm chứng

Trong thực tiễn việc lấy lời khai người làm chứng của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN cho thấy, người làm chứng hầu hết là những người có quen biết từ trước, hoặc là với người bị hại, hoặc là với đối tượng phạm tội, họ đi cùng với người bị hại, hoặc người phạm tội, họ biết được sự việc xảy ra, cũng có trường hợp họ có mặt tại hiện trường nơi đối tượng thực hiện hành vi Lừa đảo CĐTTS của người bị hại. Ngoài ra còn một số trường hợp người làm chứng là người đã tham gia phát hiện, bắt giữ đối tượng phạm tội, cũng có thể là người không có mối quen biết với người bị hại, người phạm tội.

Qua nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS do Cơ quan CSĐT các cấp ở Công an TPĐN thụ lý điều tra cho thấy, việc lấy lời khai người làm chứng đều được tiến hành kịp thời sau khi vụ án xảy ra. Trong số 212 vụ án, các ĐTV đã lấy lời khai của người làm chứng 387 lần, trong đó lấy lời khai đối với một người ít nhất là 01 lần và nhiều nhất là 03 lần. Còn lại thì vụ án không có người làm chứng hoặc có người làm chứng nhưng lời khai không đem lại hiệu quả cao, nhất là các vụ Lừa đảo CĐTTS mà đối tượng phạm tội thực hiện với thủ đoạn tinh vi khép kín, ít người qua lại, chỉ có bị hại và người phạm tội.

Những nội dung phải đạt được khi lấy lời khai bao gồm:

- + Mối quan hệ giữa người làm chứng với người bị hại và đối tượng;

- + Vì sao họ biết được các tình tiết về vụ án. (nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh nào)
- + Nội dung diễn biến, thời gian, địa điểm xảy ra vụ án Lừa đảo CĐT;
- + Đối tượng Lừa đảo CĐT là ai, số lượng, đặc điểm đối tượng, đặc điểm công cụ, phương tiện sử dụng; hướng bỏ trốn sau khi thực hiện hành vi lừa đảo CĐT;
- + Số lượng, đặc điểm, giá trị tài sản bị chiếm đoạt;
- + Những hiểu biết khác có liên quan đến vụ Lừa đảo CĐT mà họ cần cung cấp cho Cơ quan điều tra, có ai cùng chứng kiến sự việc xảy ra nữa không.

Trong thực tiễn hoạt động điều tra vụ án hình sự nói chung, vụ án Lừa đảo CĐT nói riêng thì một số trường hợp người làm chứng có tâm lý sợ bị trả thù, sợ liên lụy, sợ ảnh hưởng thời gian làm việc của họ... Do đó họ không muốn tiếp xúc, có xu hướng tránh né khi CQĐT mời làm việc. Có trường hợp khi hỏi thì họ trình bày, nhưng không đồng ý cho ĐTV ghi biên bản và họ cũng không đồng ý ký biên bản lấy lời khai. Do đó, Điều tra viên cần có biện pháp bảo vệ người làm chứng, đồng thời phải tính toán tác động tâm lý phù hợp, chọn địa điểm lấy lời khai thích hợp, để người làm chứng hỗ trợ, giúp đỡ cho CQĐT trong quá trình điều tra, nhanh chóng làm rõ vụ án.

Trên thực tế, trong quá trình tiến hành giải quyết tin báo tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố, phát hiện người bị tố cáo có tài sản nhưng không tiến hành các biện pháp như kê biên, phong tỏa tài khoản được, dẫn đến người phạm tội nhanh chóng tẩu tán tài sản. Ví dụ vụ Đặng Huy B., trú tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Đà Nẵng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền trên 25 tỷ đồng. Khi tiếp nhận đơn tố cáo của người bị hại, xác định lúc này B. còn hơn 10 tỷ đồng trong tài khoản, nhưng CQĐT không thể ra Quyết định phong tỏa tài khoản được (vì lúc này B. chưa phải là người bị buộc tội). Đến khi củng cố đủ chứng cứ để ra Quyết định khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với B. thì lúc này số tiền trong tài khoản chỉ còn vài trăm triệu đồng... Luật TTHS cũng không qui định có biện pháp phong tỏa tài sản (việc phong tỏa tài sản cũng chỉ được qui định trong Bộ luật Tố tụng dân sự) dẫn đến việc tẩu tán tài sản tất yếu xảy ra mà CQĐT không có biện pháp ngăn chặn.[01]

2.3.1.3. Khởi tố vụ án, khởi tố bị can

- Khởi tố vụ án

Bảng 2.6. Tình hình giải quyết TGTB về tội phạm

Năm	Nguồn TBTG	Số vụ đã khởi tố VAHS	Số vụ Không khởi tố VAHS	Số vụ chưa có căn cứ xử lý
2013	57	54	3	0
2014	55	53	2	0
2015	63	38	22	3
2016	90	29	49	12
2017	143	38	76	29
Tổng cộng	408	212	152	44

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Theo báo cáo của Công an TPĐN thì từ năm 2013 - 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp ở Công an TPĐN đã phát hiện 408 vụ việc về lừa đảo CĐTTS, trong đó có 212/408 vụ đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (chiếm 51,96%), còn lại 196 vụ (chiếm 48,04%) ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc chưa có căn cứ xử lý. Trong đó, ra Quyết định Không khởi tố 152 trường hợp (chiếm 77,55%), chưa có cơ sở xử lý 44 trường hợp (chiếm 22,45%), nguyên nhân là do đã hết thời hạn điều tra theo qui định nhưng không chứng minh được đối tượng phạm tội, hoặc không tìm ra được đối tượng. Đối với những trường hợp chưa có cơ sở xử lý, Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN ra Quyết định tạm dừng điều tra theo Quyết định 1319/QĐ-BCA-C41 ngày 20/3/2015 của Bộ Công an. Từ số liệu trên cho thấy, số vụ việc lừa đảo CĐTTS xảy ra với số lượng khá nhiều, nhưng những vụ việc có đủ các dấu hiệu về tội phạm chỉ chiếm 51,96%, nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của người dân về tội phạm, khi bị mất tài sản, họ đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan công an, tuy nhiên nhiều sự việc chỉ là quan hệ dân sự, hoặc sau khi tiếp nhận tin báo tố giác, qua xác minh sơ bộ ban đầu, đối tượng cam kết trả lại tài sản cho người bị hại, vì vậy CQĐT kết thúc hồ sơ và tạo điều kiện cho người bị hại nhận lại tài sản. Thời gian qua, hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT hai cấp của Công an TPĐN gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Đặc biệt là sự không thống nhất quan điểm xử lý giữa VKS và CQĐT, làm ảnh hưởng đến thời hạn điều tra, hay cũng có khi để sót lọt tội phạm. Ví dụ: vụ án Lê Thiện Chân P., bị CQĐT khởi tố về tội Lừa đảo CĐTTS. Sau khi tiếp nhận tố giác tội phạm của người bị hại, xác định P. đã có hành vi thuê Tô Thị M. (hành nghề dịch vụ vi tính văn phòng và dịch vụ du học tại số 168

đường Đồng Đa, TP Đà Nẵng) làm cho P. 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, trong đó có giấy chứng nhận căn nhà 90 Hoàng Hoa Thám, TP Đà Nẵng (đây là nhà của cha mẹ P.). Có được những giấy tờ này, P. đã đem bán cho bà Huỳnh Thị Cẩm T. căn nhà 90 Hoàng Hoa Thám (được văn phòng công chứng S công chứng), chiếm đoạt của bà T. 04 tỷ đồng. Các giấy tờ còn lại, P. đem cầm cố, thế chấp cho các cá nhân khác chiếm đoạt hơn 5 tỷ đồng. Trong quá trình điều tra, quan điểm của CQĐT và VKS cho rằng hành vi nhờ M. làm giấy tờ giả để đem ra giao dịch (bán, cầm cố) của P. chỉ được xem là phương thức, thủ đoạn của hành vi lừa đảo CĐTS, nhưng khi vụ án chuyển sang Tòa án, thì Tòa án lại cho rằng hành vi thuê M. làm giấy tờ giả của P., để sử dụng lừa đảo cấu thành tội độc lập “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điều 341 BLHS năm 2015. [01]

Khởi tố vụ án hình sự là một hoạt động rất quan trọng trong TTHS, việc thống nhất quan điểm về chứng cứ làm căn cứ để khởi tố vụ án là rất quan trọng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, sau khi xác định có dấu hiệu tội phạm, CQĐT đề nghị khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì VKS không thống nhất do không đủ căn cứ hoặc có trường hợp VKS xem hành vi Lừa đảo CĐTS là quan hệ dân sự, vi phạm hợp đồng hoặc cho rằng hành vi cấu thành tội phạm khác mà không phải tội Lừa đảo CĐTS.

Việc bất đồng quan điểm này là do những nguyên nhân sau đây:

+ Trong phần qui định của BLHS ở một số tội, đặc điểm pháp lý cũng như dấu hiệu pháp lý của tội Lừa đảo CĐTS có những đặc điểm và dấu hiệu giống với một số tội phạm khác như: Lạm dụng tín nhiệm CĐTS, tội Lừa dối khách hàng, tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản...

+ Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo CĐTS bị phát hiện, đối tượng đã tự nguyện trả lại, bồi thường thiệt hại tài sản cho người bị hại. ĐTV tiến hành cho người bị hại và đối tượng thỏa thuận với nhau, nên dẫn đến các quan điểm khác nhau giữa hình sự và dân sự.

+ Đối tượng phạm tội có am hiểu pháp luật hoặc được tư vấn pháp lý, do đó quá trình điều tra gặp nhiều khó khăn, đối tượng có thể khai báo quanh co nhằm che giấu hành vi phạm tội, không thừa nhận có ý thức gian dối từ trước, né tránh sang hành vi dân sự hoặc quan hệ kinh tế thông thường.

Bên cạnh đó, xuất phát từ nhận thức pháp luật, quan điểm đánh giá chứng cứ

giữa CQĐT với VKS nhiều khi không đồng nhất, điều này cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra làm rõ vụ án Lừa đảo CĐTTS.

- Khởi tố bị can

Khi xác định một người thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo CĐTTS đủ 4 yếu tố cấu thành tội phạm thì CQĐT ra Quyết định khởi tố bị can. Việc khởi tố bị can Lừa đảo CĐTTS được quy định tại Điều 104, Điều 126 và Điều 127 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 143, Điều 179, Điều 180 Bộ luật TTHS năm 2015). Quyết định khởi tố bị can cùng hồ sơ tài liệu có liên quan được chuyển đến VKS cùng cấp đề nghị ra Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can. Lúc này, Quyết định khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT mới có hiệu lực.

Bảng 2.7. Số đối tượng bị khởi tố bị can

Năm	Tổng số vụ việc Lừa đảo CĐTTS	Số vụ đã khởi tố vụ án hình sự	Số bị can	Số đối tượng không bị khởi tố
2013	57	54	59	3
2014	55	53	61	2
2015	63	38	45	27
2016	90	29	33	63
2017	143	38	37	109
Tổng cộng	408	212	235	204

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Theo báo cáo tổng kết của Công an TPĐN từ năm 2013 đến năm 2017, có 212/408 vụ Lừa đảo CĐTTS khởi tố vụ án (chiếm 51,96%), có 235/439 đối tượng bị khởi tố bị can về tội Lừa đảo CĐTTS (chiếm 53,53%), còn lại 204/435 đối tượng không bị khởi tố hoặc chỉ là hành vi dân sự (chiếm 46,47%).

CQĐT ra Quyết định khởi tố bị can là có căn cứ, không có trường hợp nào ra Quyết định khởi tố bị can khi chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Khi có đủ căn cứ cho thấy có dấu hiệu của tội phạm Lừa đảo CĐTTS thì ĐTV đề xuất Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT (trong trường hợp Phó thủ trưởng đã được phân công giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm) ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự. Khi có đầy đủ tài liệu chứng cứ xác định đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo CĐTTS thì ra quyết định khởi tố bị can. Từ đó có cơ sở pháp lý để tiến hành mọi biện pháp điều tra theo qui định của Bộ luật TTHS.

2.3.1.4. Lập kế hoạch điều tra

Trong quá trình điều tra vụ án nói chung và điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS nói riêng, lập kế hoạch điều tra vụ án có ý nghĩa quan trọng giúp cho hoạt động điều tra vụ án của ĐTV tiến hành có phương hướng, dự báo được các tình huống có thể xảy ra, tránh được các thiếu sót.

Qua khảo sát tại Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN, thấy trong 212 vụ án Lừa đảo CĐTTS đã thụ lý điều tra thì có 25/212 vụ ĐTV không lập kế hoạch điều tra (chiếm 11,79%); có 187/212 vụ ĐTV lập kế hoạch điều tra (chiếm 88,21%). Trong 187 vụ được lập kế hoạch điều tra thì có 67 vụ được lập kế hoạch điều tra cụ thể, nêu lên được các biện pháp điều tra được áp dụng (chiếm 35,83%), còn lại 120/187 vụ (chiếm 64,17%) được lập kế hoạch điều tra nhưng mang tính chung chung, không đề cập đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, chỉ mang tính hình thức. Do đó, hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả cao nhất.

Thực tiễn hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT các cấp ở Công an TPĐN cho thấy, việc lập kế hoạch điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS mà thể hiện đầy đủ các nội dung như: mục đích yêu cầu, các biện pháp điều tra được tiến hành, lực lượng tham gia, thời gian tiến hành, kinh phí...thì hiệu quả điều tra vụ án đạt được như mong muốn, rút ngắn được thời hạn điều tra. Vì vậy trong quá trình điều tra vụ án, ĐTV cần thiết lập kế hoạch điều tra phải đầy đủ, chi tiết.

2.3.2. Thực trạng điều tra

2.3.2.1. Bắt, khám xét

- Công tác bắt: Theo các báo cáo của Công an TPĐN, thời gian từ năm 2013 - 2017 có 151 đối tượng bị bắt giữ về tội Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn, với các biện pháp bắt bị can để tạm giam, bắt khẩn cấp, bắt truy nã, bắt quả tang, cụ thể:

+ Bắt bị can để tạm giam: có 102/151 đối tượng (chiếm 67,55%). Đây là đặc thù của vụ án Lừa đảo CĐTTS, đối tượng sau khi thực hiện hành vi lừa đảo CĐTTS một thời gian tương đối dài, người bị hại mới phát hiện và trình báo Cơ quan Công an. Vì vậy, khi CQĐT tiếp nhận và thu thập chứng cứ, quá trình thu thập nếu có đủ cơ sở thì sẽ ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

+ Bắt người trong trường hợp khẩn cấp: 23/151 đối tượng (chiếm 15,23%). Trong thực tiễn nghiên cứu nhận thấy, đối với các đối tượng phạm tội Lừa đảo CĐTTS

có nhiều trường hợp sau khi gây án thì bỏ trốn, gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Người bị hại hoặc những người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm được cho nhận dạng đối tượng xác định đúng là người đã thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo CĐTTS hoặc khi phát hiện, thu giữ được vật chứng của vụ án có liên quan trực tiếp đến đối tượng, làm cơ sở để ra lệnh bắt khẩn cấp đối tượng (Bộ luật TTHS 2015 qui định giữ khẩn cấp).

+ Bắt đối tượng truy nã: 18/151 đối tượng (chiếm 11,92%)

+ Bắt quả tang: 08/151 đối tượng (chiếm 5,3%).

Năm	Tổng số đối tượng bị bắt	Bắt tạm giam	Bắt khẩn cấp	Bắt truy nã	Bắt quả tang
2013	36	22	5	6	3
2014	39	25	5	7	2
2015	27	18	4	4	1
2016	21	18	1	0	2
2017	28	19	8	1	0
Tổng cộng	151	102	23	18	8

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

Việc tiến hành các biện pháp bắt nhìn chung đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 79, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 110, Điều 112, Điều 113, Điều 114, Điều 115, Điều 116 Bộ luật TTHS năm 2015). Trước khi tiến hành bắt, ĐTV đều lập kế hoạch bắt với nội dung, phương pháp bắt, lực lượng, thời gian tiến hành cụ thể, vì vậy, việc bắt trong các trường hợp đều đạt kết quả tốt, sự hỗ trợ, phối hợp của các đơn vị Công an cơ sở cũng nhịp nhàng, tạo điều kiện tối đa, phục vụ công tác điều tra đạt hiệu quả cao.

- Công tác khám xét: Nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS do Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp ở Công an TPĐN điều tra thấy rằng: có 173/212 vụ án (chiếm 81,6%), CQĐT tiến hành khám xét chỗ ở hoặc khám nơi làm việc của đối tượng. Hầu hết các tài liệu được thu giữ trong quá trình khám xét đã hỗ trợ trong quá trình điều tra như hỏi cung bị can, đồng thời đó là nguồn vật chứng để củng cố hồ sơ, làm rõ toàn bộ vụ án.

Phần lớn các vụ án Lừa đảo CĐTTS do Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN tiến hành bắt và khám xét được tiến hành cùng một thời điểm. Công tác khám xét được thực hiện chủ yếu ở nơi ở, nơi làm việc của đối tượng; việc thi hành lệnh bắt, khám xét đã đảm bảo được các yêu cầu yếu tố bí mật, bất ngờ, nhanh chóng không để

cho đối tượng kịp thời tẩu tán vật chứng cũng như tài sản chiếm đoạt. Để đảm tính bí mật, Điều tra viên tiến hành triệu tập đối tượng đến CQĐT làm việc như những lần làm việc trước đây, không đề đối tượng nghi ngờ, sau đó đưa đối tượng về nơi cần khám xét công bố Lệnh giữ khẩn cấp hoặc Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam và Lệnh khám xét đồng thời tiến hành khám xét theo đúng trình tự Bộ luật TTHS qui định.

Nếu ngoài việc khám xét mà có Lệnh kê biên tài sản thì việc kê biên tài sản cũng được tiến hành đồng thời. Tuy nhiên biện pháp này chỉ được áp dụng trong trường hợp sau khi có Quyết định khởi tố bị can. CQĐT sau khi ra Lệnh kê biên tài sản phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành theo quy định tại Điều 146 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 128 Bộ luật TTHS năm 2015). Trong giai đoạn này, nếu không làm kịp thời, đối tượng sẽ nhanh chóng tẩu tán tài sản. Trong số 212 vụ án đã khởi tố điều tra chỉ có 9/212 vụ tiến hành kê biên tài sản (chiếm 4,25%), còn lại 203/212 vụ (chiếm 95,75%) không tiến hành kê biên tài sản. Tài sản kê biên thường là: Nhà, đất, tiền, xe ô tô...

2.3.2.2. *Hỏi cung bị can*

- Chuẩn bị hỏi cung: Trước buổi hỏi cung đầu tiên, ĐTV cần nghiên cứu kỹ về nhân thân lai lịch của bị can. Trước mỗi cuộc hỏi cung, ĐTV cần nghiên cứu kỹ hồ sơ, tài liệu để nắm bắt hết các tình tiết của vụ án, nghiên cứu chuẩn bị về phương pháp, chiến thuật hỏi cung, sử dụng chứng cứ, lời khai của người bị hại, người làm chứng...bộc bị can phải nhận tội. Ngoài ra còn khai thác mở rộng vụ án. Hiện nay, Cơ quan CSĐT Công an TPĐN và Cơ quan CSĐT quận huyện đều có phòng hỏi cung bị can, các phòng hỏi cung phần lớn được xây dựng đã lâu, không đầy đủ các điều kiện theo qui định, để đảm bảo cho công tác hỏi cung bị can. Tại phòng hỏi cung của Trại tạm giam Công an Thành phố Đà Nẵng hiện nay chưa được trang bị máy móc, thiết bị phục vụ cho việc ghi âm, ghi hình.

- Lập kế hoạch hỏi cung bị can: Qua trao đổi, nghiên cứu được biết thực tế trước các buổi hỏi cung, các ĐTV có lập kế hoạch hỏi cung, nhưng việc lập kế hoạch hỏi cung còn sơ sài, nhất là các vụ án Lừa đảo CĐTTS có thiệt hại không lớn, bị can là người không có trình độ, học thức, dễ đối phó. Đây là việc làm chủ quan của Điều tra viên. Lập kế hoạch hỏi cung bị can là hoạt động rất quan trọng, nội dung của kế hoạch cần phải chi tiết, thể hiện rõ từng câu hỏi mà ĐTV muốn hỏi, điều này giúp ích rất nhiều cho công tác điều tra làm rõ vụ án sau này. Việc lựa chọn phương pháp và chiến

thuật hỏi cung hợp lý cũng giúp cho công tác hỏi cung bị can luôn đạt chất lượng, hiệu quả, khai thác được những thông tin cần thiết, quan trọng.

Theo khảo sát tại Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN, cho thấy trong số 212/408 vụ đã khởi tố, 235 bị can, trước khi tiến hành hỏi cung bị can Điều tra viên tiến hành lập kế hoạch hỏi cung có 167/212 vụ (chiếm 78,77%), còn lại 45/212 vụ (chiếm 21,23%) không lập kế hoạch hỏi cung bị can, mà chỉ chuẩn bị sẵn một số câu hỏi trước khi tiến hành hỏi cung.

- Tiến hành hỏi cung bị can: Do có sự chuẩn bị về mọi mặt nên công tác hỏi cung của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN đạt hiệu quả khá cao. Qua nghiên cứu hồ sơ các vụ án Lừa đảo CĐTTS do Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN tiến hành điều tra, nhận thấy khi tiến hành hỏi cung 235 bị can có kết quả như sau:

- + Bị can thành khẩn khai báo, có 196/235 bị can (chiếm 83,4%);
- + Bị can từ chối khai báo, có 07/235 bị can (chiếm 3%);
- + Bị can khai báo gian dối, có 32/235 bị can (chiếm 13,6%).

Bình quân mỗi vụ án ĐTV thường tiến hành hỏi cung 03 đến 05 lần một bị can, những bị can phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo thì chỉ cần 03 lần hỏi cung là ĐTV có thể kết luận điều tra. Đối với các bị can có thủ đoạn khai báo quanh co, gian dối, Điều tra viên cần lập kế hoạch hỏi cung chi tiết, chuẩn bị, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, nghiên cứu về tâm lý bị can. Chính vì vậy, qua công tác hỏi cung, đã chứng minh được hành vi phạm tội của bị can, buộc bị can khai báo đúng sự thật.

Tùy vào từng bị can, tùy vào chứng cứ đã thu thập được trong những vụ án cụ thể mà ĐTV sử dụng các phương pháp, chiến thuật hỏi cung cho phù hợp với mỗi tình huống nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong hỏi cung bị can. Qua trao đổi với các ĐTV trực tiếp điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS, nhận thấy khi hỏi cung bị can ĐTV sử dụng các chiến thuật hỏi cung như:

- + Đối với bị can thành khẩn khai báo, thì cho bị can viết bản tự khai về hành vi phạm tội Lừa đảo CĐTTS, sau đó tiến hành hỏi cung bằng cách sử dụng câu hỏi thẳng, câu hỏi gợi nhớ, gợi ý hỏi sâu thêm. Qua nghiên cứu hồ sơ, khi hỏi cung bị can Điều tra viên đã áp dụng chiến thuật này đối với 196 bị can;
- + Đối với bị can khai báo gian dối, ĐTV sẽ áp dụng thủ thuật sử dụng mâu thuẫn trong lời khai, kết hợp sử dụng chứng cứ để đấu tranh, buộc bị can khai nhận hành vi phạm tội. Điều tra viên đã áp dụng chiến thuật này đối với 32 bị can;
- + Đối với bị can từ chối khai báo, Điều tra viên áp dụng chiến thuật tác động

tâm lý, giáo dục thuyết phục, đồng thời sử dụng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để đấu tranh buộc bị can phải khai nhận hành vi lừa đảo CĐTTS do mình thực hiện. Các Điều tra viên áp dụng Chiến thuật này đối với 07 bị can.

+ Đối với một số bị can khai báo không thành khẩn, thường có ý định phản cung, thì trong quá trình hỏi cung ĐTV còn mời KSV cùng tham gia. Ngoài việc ghi biên bản hỏi cung chặt chẽ, ĐTV còn yêu cầu bị can viết bản tường trình, tường thuật.

Thực tế cũng cho thấy vẫn còn một số ĐTV chưa sử dụng thành thạo chiến thuật hỏi cung bị can, nhiều khi sử dụng tràn lan theo cảm tính, gập gù hỏi nấy, không tính toán đến chiến thuật, sử dụng chứng cứ để đấu tranh không đúng lúc, nên chưa phát huy hết hiệu quả, để bị can khai báo quanh co, nhỏ giọt. Hầu hết trong các biên bản hỏi cung các câu hỏi được đặt ra là câu hỏi thẳng. Nhưng thực tiễn trao đổi với các ĐTV đã áp dụng các chiến thuật hỏi cung, với các loại câu hỏi khác nhau để đấu tranh với bị can nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra, các loại câu hỏi như: Câu hỏi bổ sung lời khai, câu hỏi củng cố lời khai, câu hỏi gợi nhớ, hỏi vòng quanh... Thường là gần cuối buổi hỏi cung, khi bị can nhận tội thì ĐTV mới tiến hành ghi lời khai, câu hỏi ghi trong biên bản được đặt ra dưới dạng những câu hỏi thẳng.

Cá biệt còn có trường hợp ĐTV tiến hành hỏi cung bị can, nhưng bị can không nhận tội hoặc bị can khai báo có nhiều nội dung mâu thuẫn, nhưng ĐTV không ghi biên bản và cho rằng bị can không khai nhận nên không ghi biên bản. Như vậy, đã vi phạm vào Khoản 1 Điều 184 Bộ luật TTHS năm 2015, qui định mỗi lần hỏi cung bị can đều phải lập biên bản. Việc vi phạm trong trường hợp không phổ biến nhưng thực tế vẫn có xảy ra.

Qua nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS do Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN tiến hành điều tra, nhận thấy các bản cung được lập đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Nhưng vẫn còn thói quen như: không gạch bỏ những phần còn trống trong bản cung; ĐTV và bị can chỉ ký vào trang cuối biên bản chứ không ký vào từng trang của biên bản; thậm chí có trường hợp ĐTV hỏi bị can và nắm những nội dung cơ bản sau đó về viết lại, sau đó cho bị can đọc lại và ký tên vào biên bản hỏi cung có sẵn...

Từ việc khảo sát thực tiễn công tác hỏi cung cho thấy trong quá trình điều tra vụ án lừa đảo CĐTTS, hỏi cung bị can có hiệu quả thiết thực và đóng một vai trò quan trọng trong điều tra vụ án, thông qua kết quả công tác hỏi cung, ĐTV tiếp tục có định hướng để củng cố chứng cứ. Song vẫn còn những hạn chế nhất định của ĐTV khi hỏi

cung bị can, do vậy thời gian tới cần khắc phục để công tác hỏi cung vừa đảm bảo đúng trình tự, vừa có ý nghĩa pháp lý chứng minh tội phạm, nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong cả quá trình điều tra vụ án lừa đảo CĐTTS.

2.3.2.3. Trung cầu giám định

Qua nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS cho thấy có 165/212 vụ Lừa đảo CĐTTS xảy ra trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng tiến hành trung cầu giám định (chiếm 77,83%), hầu hết đối tượng trung cầu giám định là tài liệu, chữ ký, tự dạng và con dấu; trung cầu định giá tài sản có 36/212 vụ (chiếm 16,98%).

Việc trung cầu giám định bổ sung, giám định lại rất ít thực hiện, trong tổng số 165/212 vụ án có hoạt động trung cầu giám định thì chỉ có 17 vụ (chiếm 10,3%) phải trung cầu giám định bổ sung, không có trường hợp nào trung cầu giám định lại. Việc tiến hành trung cầu giám định thường gặp một số vấn đề khó khăn đó là tài liệu CQĐT thu giữ được thường không đủ mẫu, mẫu so sánh (tài liệu là chữ ký, chữ viết) không đúng với thời điểm trên tài liệu cần giám định, thời gian trả lời Kết luận giám định còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu điều tra. Vì một số trường hợp VKS luôn yêu cầu phải có kết quả giám định hoặc kết quả định giá mới chấp nhận việc phê chuẩn lệnh giữ khẩn cấp hoặc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can.

2.3.2.4. Đối chất, nhận dạng

- Đối chất: Theo trao đổi với Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN, được biết biện pháp đối chất cũng thường được sử dụng trong quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS. Vì thực tế có nhiều trường hợp sự việc xảy ra chỉ có người bị hại và đối tượng biết về sự việc, cũng không có người làm chứng và các chứng cứ khác không đủ cơ sở để xác định lời khai nào là đúng, do vậy cần phải tiến hành đối chất.

Nghiên cứu các hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS xảy ra trên địa bàn TPĐN từ năm 2013-2017, thì có 97/212 vụ án có áp dụng biện pháp điều tra đối chất (chiếm 45,75%), còn lại 115/212 vụ không áp dụng đối chất (chiếm 54,25%), trong 97 vụ có:

- + Đối chất giữa người bị hại với bị can: 84 trường hợp;
- + Đối chất giữa bị can với bị can: 05 trường hợp;
- + Đối chất giữa bị can với người làm chứng: 08 trường hợp.

Ngoài ra không có trường hợp nào đối chất giữa người làm chứng với người bị hại hay giữa những người bị hại với nhau. Qua trao đổi với các ĐTV tại Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN, được biết hầu hết các trường hợp đối chất trên đạt kết quả không cao, cụ thể: Có 86/97 trường hợp (chiếm 88,66%) đối chất không giải

quyết được mâu thuẫn trong lời khai, vì các bên tham gia đều khẳng định lời khai của mình là đúng, gây khó khăn cho quá trình điều tra; có 11/97 trường hợp (chiếm 11,34%) đạt được kết quả, xác định được sự thật của vụ án.

Trên thực tiễn, hầu hết trước khi tiến hành đối chất, ĐTV đều lập kế hoạch trình Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót như: một số vụ, trước khi tiến hành đối chất ĐTV chưa lập kế hoạch đối chất cụ thể, chưa chuẩn bị tốt tâm lý cho người làm chứng, người bị hại về buổi đối chất, không cách ly những đối tượng cùng một vụ án trước khi đối chất, dễ dẫn đến việc các đối tượng thống nhất lời khai, nhất là đối với các vụ án có tổ chức, tính chất phức tạp, đối tượng có tiền án, tiền sự, có thủ đoạn trong khai báo.

- Nhận dạng: Công tác nhận dạng trong các vụ án Lừa đảo CĐTTS được các ĐTV của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN áp dụng là nhận dạng đồ vật, tài liệu nhằm xác định vật chứng của vụ án; việc nhận dạng người có tiến hành nhưng cũng ít thực hiện (chỉ có một số trường hợp người bị hại tiếp xúc với người phạm tội lần đầu, do mới quen biết, không rõ lai lịch, hoặc do người khác cũng là bị hại giới thiệu với người phạm tội) còn lại hầu hết do đặc thù của tội Lừa đảo CĐTTS thì người bị hại đều biết rõ đặc điểm, nhân thân, địa chỉ nơi công tác và nơi cư trú của người phạm tội.

Qua nghiên cứu 212 hồ sơ vụ án, có khoảng 37 vụ (chiếm 17,45%) tiến hành nhận dạng bằng hình thức trực tiếp các đồ vật, tài liệu để xác định vật chứng của vụ án. Khi nhận dạng cho kết quả chính xác vật chứng của vụ án, đó chính là một trong những cơ sở pháp lý cho phép ĐTV đề xuất khởi tố vụ án, đề xuất ra lệnh giữ khẩn cấp... Có 28 vụ (chiếm 13,21%) nhận dạng trực tiếp người hoặc nhận dạng qua bản ảnh. Sau khi người bị hại nhận dạng đúng người đã thực hiện hành phạm tội, có căn cứ để ra lệnh giữ khẩn cấp (ví dụ: vụ Tổng Thị Hòa giả danh cán bộ Bộ Kế hoạch và đầu tư vào Đà Nẵng để lừa một số công ty xây dựng đang cần dự án để thi công. Hòa đưa ra thông tin giả sẽ giao dự án cho họ và yêu cầu phải trích hoa hồng cho Hòa trên tỷ lệ nguồn vốn đầu tư của dự án, sau đó chiếm đoạt tiền của các Công ty, trong lúc Hòa đang ở sân bay quốc tế Đà Nẵng định bỏ trốn, CQĐT phát hiện Hòa, và tổ chức cho người bị hại nhận dạng. Từ kết quả nhận dạng, CQĐT đã ra lệnh bắt khẩn cấp Hòa)

Qua tìm hiểu thực tế, khi các Điều tra viên tiến hành biện pháp nhận dạng, nhìn chung thực hiện đúng trình tự thủ tục về nhận dạng quy định tại Điều 139 Bộ luật TTHS. Bên cạnh đó vẫn còn những vấn đề cần khắc phục như: Khi tiến hành cho người bị hại, người làm chứng nhận dạng trực tiếp, Điều tra viên không chọn được đối tượng

tương tự, phù hợp về các đặc điểm, hình dạng, chủng loại, màu sắc,... Chưa chuẩn bị tốt tâm lý cho người nhận dạng khi họ có tâm lý sợ trả thù, sợ phiền hà, ảnh hưởng đến ngày công lao động...Do đó chưa đảm bảo được tính khách quan về nhận dạng.

2.3.3. Kết quả điều tra, xử lý các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng

Sau khi đã tiến hành các hoạt động và áp dụng các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ, chứng minh sự thật một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ hành vi phạm tội của bị can cũng như những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự thì tiến hành kết thúc điều tra theo quy định tại Điều 162, Bộ luật TTHS.

Qua nghiên cứu thực tế kết quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN từ năm 2013-2017, đã tiến hành khởi tố 212/408 (chiếm 51,96%) vụ Lừa đảo CĐTTS, trong đó có 212 vụ kết thúc điều tra, trong đó, chuyển VKS nhân dân cùng cấp đề nghị truy tố 203/212 vụ (chiếm 95,75%), tạm đình chỉ điều tra 08 vụ (chiếm 3,78%), hiện nay đã phục hồi điều tra và đề nghị truy tố 06 vụ (chiếm 75% số tạm đình chỉ), còn lại 02 vụ ra Quyết định truy nã đối tượng, đình chỉ điều tra 01 vụ (chiếm 0,47%).

Qua trao đổi với các ĐTV được biết nguyên nhân của việc tạm đình chỉ điều tra hầu hết là do khi hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can, hoặc sau khi khởi tố bị can mà bị can bỏ trốn, không biết rõ bị can đang ở đâu. Về đình chỉ điều tra có 01 trường hợp là do khi hết thời hạn điều tra mà CQĐT không có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh bị can đã thực hiện hành vi phạm tội (Theo Khoản 2, Điểm b, Điều 164 Bộ luật TTHS năm 2003).

Như vậy, từ kết quả điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN cho chúng ta thấy trong vòng 05 năm trên địa bàn TPĐN, CQĐT đã khởi tố 212 vụ án Lừa đảo CĐTTS, trong đó, đã kết thúc chuyển VKS đề nghị truy tố tổng cộng: 203 vụ chiếm tỷ lệ cao đạt 95,75%. Có được kết quả trên là nhờ sự nỗ lực của tập thể Lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra, của từng Điều tra viên và Cán bộ điều tra. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, thiếu sót dẫn đến việc tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án không xử lý được đối tượng do những nguyên nhân khác nhau, trong đó có cả những nguyên nhân chủ quan, đây là điểm cần khắc phục trong thời gian tới.

2.4. Nhận xét và đánh giá về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua

2.4.1. Ưu điểm

- Trong quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS, Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sát sao và đúng đắn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT nên ĐTV, Cán bộ điều tra luôn có sự đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng trong khi tiến hành các hoạt động điều tra, áp dụng các biện pháp điều tra linh hoạt, đúng đắn. Từ đó đã đưa ra được những định hướng điều tra chính xác, những sáng kiến hay để hoàn thiện áp dụng các biện pháp điều tra nhằm khám phá tội phạm nhanh chóng nhất.

- Trong quá trình tiến hành hoạt động điều tra, ĐTV và cán bộ điều tra luôn giữ vững được lập trường, tư tưởng vững vàng, thái độ chuẩn mực, công minh chính trực, tuân thủ đúng qui định về trình tự, thủ tục, đúng với thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình tiến hành hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN, Cơ quan CSĐT hai cấp luôn nhận được sự ủng hộ và hợp tác nhiệt tình của quần chúng nhân dân, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan VKS, Tòa án, sự hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong việc phát hiện, truy bắt đối tượng. Quần chúng đã cung cấp nhiều thông tin có giá trị, liên quan đến tội phạm Lừa đảo CĐTTS góp phần to lớn trong việc phát hiện và điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS đối với Cơ quan điều tra.

- Quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS, Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN đã có sự đánh giá, sơ kết, tổng kết, rút ra được những ưu điểm, hạn chế và những bài học kinh nghiệm. Từ đó phát huy những ưu điểm, khắc phục hạn chế, tồn tại nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức pháp luật, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần hạn chế tội phạm Lừa đảo CĐTTS và đấu tranh khám phá các vụ án Lừa đảo CĐTTS đạt hiệu quả tốt hơn trong thời gian tới.

2.4.2. Những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và nguyên nhân

2.4.2.1. Những hạn chế, thiếu sót

- Công tác tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS: Thời gian từ năm 2013-2017, Cơ quan CSĐT hai cấp của Công an TPĐN tiếp nhận tổng cộng 408 tin báo tố giác về hành vi lừa đảo CĐTTS. Tuy nhiên, nhiều tin báo tố giác nội dung không rõ ràng, gây khó khăn cho ĐTV trong việc phân loại, xử lý. Bên cạnh đó, lực lượng được phân công giải quyết tố giác, tin báo ít, đã gây nên khó khăn trong công tác xác minh và xử lý tin báo, nhất là về thời hạn xác minh xử lý ban đầu theo qui định. Một số trường hợp ĐTV đứng tên trên Quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo nhưng giao cho cán bộ điều tra hoặc cán bộ không có chức danh tư pháp trực

tiếp giải quyết.

- Khi tiến hành điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS, ĐTV lập kế hoạch điều tra nội dung còn không cụ thể, chi tiết, chỉ dừng lại ở việc xác định các nội dung cần tiến hành, dự kiến các tình huống có thể xảy ra trong quá trình điều tra, chưa xác định cụ thể các bước trong quá trình điều tra và các biện pháp cần tiến hành đối với từng bị can. Chính vì vậy, việc triển khai các hoạt động điều tra trong quá trình điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS không chủ động, chưa khoa học, một số vụ án ĐTV không lập kế hoạch điều tra. Đây là một nguyên nhân dẫn đến hiệu quả điều tra vụ án chưa cao.

- Điều tra viên vì áp lực thời hạn điều tra, nên chỉ tập trung củng cố chứng cứ những vụ đã rõ, không chú tâm và không có thời gian để mở rộng điều tra vụ án đối với những vụ nghi vấn do cùng bị can thực hiện.

- Quan điểm đánh giá chứng cứ, nhận thức pháp luật và xử lý tội phạm Lừa đảo CĐTTS giữa VKS với CQĐT ở một số vụ án cụ thể chưa được thống nhất, điều này gây ảnh hưởng đến quá trình điều tra giải quyết vụ án. Mặt khác, giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát có lúc chưa thống nhất trong việc định tội danh, nhất là các hành vi có giống nhau, như: lừa đảo CĐTTS, lạm dụng tín nhiệm CĐTTS, gian lận trong tổ chức đánh bạc...

- Sự phối kết hợp giữa các lực lượng trong điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS chưa thống nhất, đồng bộ, cụ thể như:

- + Công tác tiếp nhận tố giác, tin báo, hồ sơ ban đầu của lực lượng Công an phường còn nhiều thiếu sót, có trường hợp lập biên bản tiếp nhận không đúng mẫu theo qui định, nên khi chuyển giao cho Cơ quan điều tra để điều tra theo thẩm quyền gây nhiều khó khăn trong việc điều tra giải quyết vụ án;

- + Đối với các lực lượng khác trong ngành như: Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, bộ phận quản lý xuất nhập cảnh cũng chưa có sự phối hợp nhịp nhàng, giải quyết các yêu cầu xác minh còn chậm, không hỗ trợ được nhiều và kịp thời trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm lừa đảo CĐTTS nói riêng.

- Công tác lấy lời khai người bị hại và người làm chứng nhiều khi còn chưa được thuận lợi, do không ít trường hợp ĐTV lấy lời khai nhưng không giải thích cho người bị hại và người làm chứng cặn kẽ, có trường hợp còn đặt vấn đề nghi vấn, vạo họ, gây nên tâm lý thiếu hợp tác, dẫn đến lời khai không được đầy đủ, chính xác, thậm chí còn có trường hợp người bị hại hiểu nhầm ĐTV làm việc không khách quan, bảo vệ cho người bị tố cáo.

- Khi tiến hành hỏi cung, nhiều ĐTV chưa lập kế hoạch hỏi cung bằng văn bản để trình Lãnh đạo CQĐT phê duyệt, nhiều buổi hỏi cung tiến hành không kịp thời, để cho bị can có thời gian suy nghĩ, tìm cách đối phó với CQĐT. Mặt khác, do hạn chế về mặt thời gian, các vụ Lừa đảo CĐTTS xảy ra với quy mô khá lớn, nhiều người bị hại, xảy ra trên nhiều địa phương, nhiều khi chưa được nghiên cứu kỹ để phục vụ công tác điều tra mở rộng án.

2.4.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót nêu trên

Qua nghiên cứu thực trạng hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp ở Công an Thành phố Đà Nẵng, thấy rằng việc tồn tại những hạn chế trên là xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Số lượng ĐTV ở Cơ quan CSĐT hai cấp còn thiếu, đặc biệt là cấp huyện, cán bộ điều tra với tuổi đời trẻ, tuy năng nổ, nhiệt tình trong công tác đấu tranh tội phạm, nhưng trình độ, năng lực, kinh nghiệm còn hạn chế, đối tượng phạm tội lại có nhiều kinh nghiệm đối phó, do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra trong đấu tranh phòng chống tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Bên cạnh đó còn có một số ít cán bộ tốt nghiệp ngành ngoài, chưa được đào tạo nghiệp vụ điều tra, kinh nghiệm thực tiễn chưa có nên việc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ, các chiến thuật, thủ thuật điều tra còn thiếu linh hoạt, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS vốn đã rất phức tạp.

- Một số vụ án Lừa đảo CĐTTS xảy ra thường chỉ có người bị hại và đối tượng nên việc xác định người làm chứng rất khó khăn, dấu vết tội phạm để lại ít. Với đặc trưng của loại tội phạm này nhiều khi không để lại dấu vết của tội phạm, nên quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với việc thu thập chữ ký, tự dạng của người bị tố cáo, bị can tại thời điểm xảy ra sự việc đã lâu gặp nhiều khó khăn.

- Về cơ sở vật chất, công cụ, phương tiện để đáp ứng phục vụ cho quá trình điều tra, khám phá tội phạm Lừa đảo CĐTTS còn thiếu, chưa đảm bảo, gây trở ngại trong đấu tranh, điều tra khám phá loại tội phạm này. Đa số ĐTV phải vận dụng những kinh nghiệm thực tiễn, truyền thống để áp dụng trong hoạt động điều tra vụ án, do đó hiệu quả công tác điều tra chưa cao.

- Quan điểm tiếp cận, xác định tội phạm Lừa đảo CĐTTS giữa VKS và CQĐT chưa thống nhất. Việc định tội của VKS còn có dựa vào thực tế hoạt động xét xử qua các vụ án tương tự trước đây. Còn phía CQĐT, các ĐTV dựa vào chứng cứ thu thập được cũng như kinh nghiệm điều tra của mình để xác định tội danh. Sự không thống

nhất trong quan điểm giữa hai cơ quan đã gây khó khăn cho quá trình điều tra vụ án.

- Một số vụ án Lừa đảo CĐTTS xảy ra với quy mô khá lớn, trên địa bàn rộng, quá trình gây án kéo dài, với phương thức thủ đoạn tinh vi, phức tạp. Nhưng qui định thời hạn điều tra còn ít, chưa đủ để ĐTV thu thập chứng cứ điều tra làm rõ toàn bộ vụ án.

- Sự phối kết hợp giữa các lực lượng trong và ngoài ngành thực tiễn mới chỉ dựa trên những quy định mang tính chất nội bộ, chứ chưa được quy định thành một cơ chế cụ thể, có hiệu lực liên ngành, mà trong đó cần xác định rõ trách nhiệm của từng lực lượng tham gia quan hệ phối hợp cũng như công tác chỉ đạo phối hợp, hình thức phối hợp. Chẳng hạn như theo qui định về định giá tài sản cũng như trưng cầu giám định theo điều 156 Bộ luật TTHS năm 2003, không qui định thời hạn các cơ quan được trưng cầu phải trả lời kết quả giám định, do đó việc CQĐT nhận được kết quả thường bị kéo dài mà không có qui định pháp lý ràng buộc. Từ khi thực hiện Bộ luật TTHS năm 2015, đã có qui định tại Điều 208 để khắc phục tình trạng trên.

- Trong công tác tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, một bộ phận nhỏ cán bộ Công an các phường, xã vẫn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, nội dung cần nắm. Việc lập hồ sơ ban đầu còn hời hợt, nhiều thiếu sót, làm ảnh hưởng cho quá trình điều tra sau này của CQĐT. Bên cạnh đó, còn có một số ĐTV do tâm lý chủ quan, chưa chuẩn bị chu đáo cho việc tiến hành các biện pháp điều tra như: Lấy lời khai, hỏi cung bị can, không lập kế hoạch cụ thể...có khi chỉ căn cứ vào lời khai của người phạm tội mà không thu thập chứng cứ khác để chứng minh nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra.

- Công tác tuyên truyền cho nhân dân về thủ đoạn hoạt động của tội phạm Lừa đảo CĐTTS và công tác huy động sự đóng góp tố giác tội phạm cũng như trách nhiệm công dân (người làm chứng) tham gia vào đấu tranh phòng ngừa tội phạm Lừa đảo CĐTTS còn nhiều hạn chế.

2.4.3. Những vướng mắc, bất cập trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS

Định tội danh là việc xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện hội đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của tội nào đó trong số các tội phạm đã được qui định trong Bộ luật Hình sự.

Từ cơ sở lý luận trên kết hợp với qui định của BLHS về tội Lừa đảo CĐTTS, có thể định nghĩa về định tội danh đối với tội Lừa đảo CĐTTS “*Là hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật Hình sự, pháp luật TTHS của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và*

người có thẩm quyền. Được tiến hành trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được để xác định có hay không có sự phù hợp giữa hành vi chiếm đoạt tài sản đã xảy ra với các dấu hiệu cấu thành của tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, việc định tội danh có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở cho việc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt một cách công minh, chính xác; đồng thời làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan THTT, góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ pháp luật, bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Việc định tội danh sai sẽ dẫn đến hậu quả rất lớn, đặc biệt là không đảm bảo được tính có căn cứ của hình phạt được tuyên, xét xử không đúng người đúng tội, không đúng pháp luật, người phạm tội không tâm phục, khẩu phục, từ đó không an tâm để cải tạo tốt. Đây cũng là tình trạng oan sai đang tồn tại. Thực tiễn xét xử tội Lừa đảo CĐTTS cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được thì việc định tội danh đối với tội Lừa đảo CĐTTS cũng cho thấy còn những bất cập, hạn chế.

Thứ nhất, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 174 BLHS 2017 “Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”. Đây là điểm mới của tội Lừa đảo CĐTTS trong BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 so với BLHS năm 1999. Quy định này đã cụ thể hóa một số trường hợp xảy ra trên thực tế khi định giá tài sản bị thiệt hại (*phương tiện kiếm sống chính của người bị hại*) là rất thấp nhưng do BLHS 1999 chưa quy định nên không có căn cứ truy cứu TNHS, BLHS 2017 khắc phục vấn đề này nhằm tránh các trường hợp bỏ lọt tội phạm. Điều 174 BLHS 2017 đã bỏ tình tiết “*tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại*” (quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 174 BLHS 2015) là phù hợp, vì sẽ gây khó khăn cho công tác thẩm định giá trị tài sản dẫn đến khó khăn trong quá trình áp dụng điều luật trong hoạt động điều tra – truy tố - xét xử. Tuy nhiên, hiện nay, do nhận thức khác nhau về việc áp dụng một số tình tiết theo qui định nêu trên của các cơ quan THTT, cũng như hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể và nội hàm của một số tình tiết đó trùng lặp với các tình tiết khác trong điều luật. Điều này cũng đã gây khó khăn rất nhiều cho công tác điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS.

Thứ hai, chưa có các hướng dẫn cụ thể về các căn cứ để phân biệt tội Lừa đảo CĐTTS với tội phạm có hành vi khách quan tương tự như tội Lạm dụng tín nhiệm CĐTTS. Trên thực tế, có rất nhiều vụ án về hành vi kêu gọi đầu tư góp vốn vào các dự án về bất động sản. Nếu ở giai đoạn đầu thì chúng đơn thuần chỉ là các mối quan hệ

dân sự. Sau khi đầu tư thua lỗ, đối tượng lại tiếp tục đưa ra những thông tin sai lệch về dự án, dụ dỗ các nhà đầu tư tiếp tục góp vốn. Mục đích chính của việc này là để lấy số tiền đã kêu gọi được chi trả cho những nhà đầu tư trước. Đến khi không còn khả năng chi trả thì đối tượng bỏ trốn hoặc chây ỳ không chịu trả. Khi xét xử các vụ án này, Tòa án cần xác định các giai đoạn và thời gian cụ thể để phân biệt ở thời điểm nào là tranh chấp dân sự, thời điểm nào là phạm tội Lừa đảo CĐTTS. Nếu không phân định rõ các vấn đề trên sẽ dẫn đến tình trạng hình sự hóa các tranh chấp dân sự hoặc ngược lại, dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Do vậy, trong một số vụ án xác định một tội phạm là tội Lừa đảo CĐTTS hay tội phạm có tính chất chiếm đoạt khác là khó khăn.

Thứ ba, vấn đề áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 139 BLHS năm 1999 (Khoản 5 Điều 174 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017). Việc BLHS quy định hình phạt bổ sung đối với tội Lừa đảo CĐTTS là phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, về hình phạt bổ sung hiện nay tòa án ít áp dụng. Nhận định trong quá trình xét xử về việc hình phạt bổ sung được miễn trong trường hợp cũng không được cụ thể. Vì vậy, hình phạt bổ sung đối với tội phạm này thường được áp dụng không hiệu quả trên thực tiễn.

Thứ tư, vướng mắc trong xác định thời điểm hoàn thành tội phạm

Thời điểm hoàn thành của tội Lừa đảo CĐTTS được xác định kể từ thời điểm người phạm tội đã chiếm giữ được tài sản, sau khi đã dùng thủ đoạn gian dối để làm cho người chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý tài sản tin và giao tài sản cho kẻ phạm tội hoặc không nhận tài sản đúng ra phải được nhận. Như vậy, để xác định có hay không có tội phạm Lừa đảo CĐTTS, thì phải chứng minh được hành vi gian dối và hành vi chiếm đoạt. Hai hành vi này có mối quan hệ nhân quả với nhau. Hành vi gian dối có trước, chiếm đoạt có sau và là hậu quả của hành vi gian dối.

Tuy nhiên, trên thực tế, để chứng minh hành vi dùng thủ đoạn gian dối có trước hay hành vi chiếm đoạt có trước, hay nói một cách khác, để xác định có hay không có tội phạm Lừa đảo CĐTTS, là một hoạt động hết sức khó khăn, đòi hỏi các cơ quan THTT trong quá trình hỏi cung bị can, lấy lời khai những người có liên quan, quan trọng nhất là phải làm rõ ý thức chủ quan thể hiện trên hành vi khách quan của người phạm tội.

Tiểu kết chương

Chương 2 luận văn dựa trên cơ sở khảo sát thực tiễn quá trình tiến hành hoạt

động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN trong thời gian từ năm 2013 -2017, chương 2 của luận văn đã trình bày những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Tình hình, đặc điểm có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng CSĐT Công an Thành phố Đà Nẵng;

Thứ hai: Tổ chức lực lượng CSĐT Công an TPĐN trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Thứ ba: Nghiên cứu hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS của của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng;

Thứ tư: Nhận xét và đánh giá về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua;

Từ thực tế nghiên cứu cho thấy tội phạm Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN trong thời gian qua diễn biến phức tạp, hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT hai cấp đã đạt được những kết quả nhất định. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những hạn chế, thiếu sót trong quá trình điều tra do những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Việc tiến hành các hoạt động điều tra chưa mang lại hiệu quả như mong đợi, có lúc còn thực hiện theo kinh nghiệm lối mòn, lạc hậu, cứng nhắc, sự phối kết hợp giữa các lực lượng chưa thật sự ăn ý, nhuần nhuyễn. Đây là những nội dung cần khắc phục trong thời gian tới để mang lại hiệu quả tốt hơn. Kết quả nghiên cứu tại chương hai là tiền đề làm căn cứ để dự báo tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong thời gian sắp đến, đồng thời đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra loại tội phạm lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN trong thời gian đến.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Dự báo một số tình hình có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới

3.1.1. Dự báo tình hình

3.1.1.1. Cơ sở dự báo

Xuất phát từ vị trí, địa lý thuận lợi, có tiềm năng lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội, trước những cơ hội và thách thức của quá trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới thì tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của TPĐN sẽ có những biến đổi nhất định. Từ những biến đổi đó thì Đà Nẵng là một địa bàn rất thuận lợi cho hoạt động của bọn tội phạm, đặc biệt là tội phạm Lừa đảo CĐTTS ẩn náu và hoạt động. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, đặc biệt là du lịch và thương mại, trong thời gian tới, Đà Nẵng sẽ là nơi thu hút rất nhiều nhà đầu tư, người lao động, lượng khách đến tham quan, du lịch, học tập trao đổi kinh nghiệm đầu tư, kinh doanh... Đây cũng là nguyên nhân tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường về tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn TPĐN.

Bên cạnh đó, các chủ trương, chính sách về kinh tế, về pháp luật còn nhiều hạn chế, sơ hở mà các đối tượng dựa vào đó để thực hiện hành vi phạm tội, đặc biệt là tội Lừa đảo CĐTTS.

Mặt khác, đối tượng đấu tranh của tội phạm Lừa đảo CĐTTS là những người có kinh nghiệm, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, mức độ nguy trang, che giấu tội phạm hết sức kín đáo. Nhiều đối tượng có am hiểu pháp luật, có kinh nghiệm đối phó, có học vấn, các đối tượng khi thực hiện hành vi phạm tội có sự cấu kết với nhau để đối phó với CQĐT. Trong khi đó lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh với tội phạm Lừa đảo CĐTTS còn thiếu, trình độ và kinh nghiệm còn hạn chế, chưa đủ sức để giải quyết tất cả những vụ án Lừa đảo CĐTTS đã và đang xảy ra trên địa bàn thành phố. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các lực lượng tiến hành, sự ủng hộ của quần chúng nhân dân còn chưa tích cực, nên hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN còn nhiều hạn chế.

3.1.1.2. Nội dung dự báo

Căn cứ vào tình hình tội phạm và hoạt động điều tra khám phá tội phạm Lừa

đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN trong giai đoạn 2013 - 2017, tác giả xin đưa ra một số dự báo về tình hình hoạt động của tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong những năm tới như sau:

- Về tình hình tội phạm: Trong thời gian tới, diễn biến của tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN ngày càng phức tạp, có tính chất nguy hiểm và có chiều hướng tăng cả về số lượng vụ án, số người phạm tội và diễn biến tỷ lệ thuận với diễn biến của tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTTS trên cả nước. Có nhiều đồng phạm và tình trạng tái phạm tội cao. Số vụ tăng giảm mỗi năm sẽ không theo quy luật nhất định, nhưng hậu quả của tội phạm sẽ nghiêm trọng hơn, hoạt động phạm tội có tổ chức, cấu kết chặt chẽ với nhau, với công cụ phạm tội ngày càng đa dạng, đặc biệt đối tượng sẽ sử dụng công nghệ cao trong việc thực hiện hành vi phạm tội;

- Về phương thức, thủ đoạn: trong thời gian tới, đối tượng phạm tội sẽ tìm và sử dụng những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hơn để thực hiện hành vi Lừa đảo CĐTTS, như: sử dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào việc thực hiện hành vi phạm tội, sử dụng các phương tiện hiện đại để làm giả các loại giấy tờ, tài liệu, giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản.... để nguy trang cho hành vi phạm tội. Thực tế ở TPĐN, lợi dụng những chính sách về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và các lĩnh vực về du lịch, dịch vụ... đối tượng sẽ đánh vào lòng tham của người dân, rao bán hoặc kêu gọi đầu tư để bị hại tin và tự nguyện giao tài sản cho đối tượng. Sau khi chiếm đoạt được, chúng nhanh chóng tìm cách thay đổi về đặc điểm, hình dáng..., sau đó đem ra trao đổi, mua bán hoặc cầm cố, thế chấp,... Lĩnh vực mà chúng thực hiện nhiều nhất trên địa bàn TPĐN sẽ là lừa đảo thông qua hình thức kêu gọi đầu tư các dự án bất động sản, mua bán bất động sản, xin việc làm..., vì ở những lĩnh vực này cơ quan chức năng khó kiểm soát, phát hiện điều tra. Đặc biệt khi có dấu hiệu bị điều tra, bọn tội phạm sẽ nhanh chóng chuyển quyền sở hữu tài sản cho người thân, nhằm tránh bị kê biên, tịch thu, phong tỏa tài sản;

- Về đối tượng phạm tội: Ngoài đối tượng hiện đang cư trú trên địa bàn TPĐN, khả năng còn có đối tượng từ nhiều địa phương khác, thậm chí ở nước ngoài đến hoạt động, bọn chúng thường là những người có kinh nghiệm sống, từng trải, có thể hoạt động trên một trong những lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội nhất định nào đó, là những người ở độ tuổi đã thành niên, không có nơi ở ổn định, chưa có tiền án, tiền sự sẽ chiếm một tỷ lệ lớn. Động cơ mục đích phạm tội là thỏa mãn nhu cầu vật chất, ăn chơi đua đòi (đánh bạc, nghiện ma túy) và háms lợi... Loại tội phạm này ít hoạt động theo hướng có tổ chức nhưng không loại trừ sẽ có hoạt động theo hướng đồng phạm

giản đơn.

- Về hậu quả: Tội phạm Lừa đảo CĐTTS sẽ nhằm vào những cá nhân có tài sản có giá trị, nhẹ dạ, cả tin. Vì vậy, tài sản thiệt hại sẽ rất lớn, những loại tài sản mà chúng chiếm đoạt đa dạng hơn như: Xe ô tô, tiền, vàng, đặc biệt là chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra không loại trừ các đối tượng này có khả năng mua chuộc người làm chứng, mua chuộc cán bộ trong các cơ quan THTT, không chế, đe dọa người bị hại, người làm chứng khi họ khai báo cho CQĐT... Chính vì vậy sẽ làm cho tình hình tội phạm ngày càng nghiêm trọng và phức tạp hơn, hoạt động điều tra đối với tội phạm này sẽ gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Vì vậy, việc nghiên cứu và đưa ra dự báo về tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN. Tuy dự báo chỉ mang tính khái quát, nhưng nó góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh chống tội phạm nói chung và tội phạm Lừa đảo CĐTTS nói riêng, là hoạt động mang ý nghĩa hết sức cần thiết trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự.

3.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới

Đà Nẵng với vị trí là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của miền Trung và Tây nguyên, là nơi thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, khách đến đầu tư, làm ăn kinh tế với số lượng rất đông và có xu hướng ngày càng tăng về số lượng và phức tạp về thành phần. Đồng thời với việc khách nước ngoài, người lao động đến làm ăn sinh sống thì cũng có rất nhiều đối tượng phạm tội, những phần tử xấu là người nước ngoài, người ngoại tỉnh hay số lười lao động ở địa phương cũng có chiều hướng gia tăng.

Qua nghiên cứu tình hình, cũng như một số tài liệu về điều tra khám phá các vụ án Lừa đảo CĐTTS, tác giả có thể nêu ra những yếu tố sau đây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN

Thứ nhất, Do số lượng dân cư đông đúc, vừa là dân địa phương vừa là dân ở các nơi đến làm ăn sinh sống, công tác quản lý xã hội trên địa bàn TPĐN còn nhiều sơ hở, thiếu sót; tâm lý dân cư e ngại tiếp xúc, cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng; trình độ của một bộ phận người dân còn hạn chế. Đặc biệt, trong xu thế chung của Thế giới, có nhiều loại tội phạm hoạt động manh động, các tổ chức tội phạm hình sự quốc tế tìm cách mở địa bàn hoạt động đã tìm đến Việt Nam để tìm thời cơ hoạt

động, trong đó, Đà Nẵng là đích ngắm của loại tội phạm này.

Thứ hai, Sự bùng nổ của khoa học công nghệ thông tin, đặc biệt là Internet, trong những năm gần đây đã và đang mang lại những thuận lợi cho các hoạt động hợp tác quốc tế trong quan hệ kinh tế, xã hội... là điều kiện thuận lợi cho đối tượng hoạt động phạm tội hình sự nói chung, phạm tội Lừa đảo CĐTTS nói riêng lợi dụng để hoạt động phạm tội.

Thứ ba, tình hình hoạt động phạm tội hình sự nói chung vẫn còn diễn biến phức tạp. Tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong cùng nhóm tội có yếu tố chiếm đoạt như: Lạm dụng tín nhiệm CĐTTS, Tham ô, Lạm dụng chức vụ quyền hạn CĐTTS... và cùng với các tội giả mạo giấy tờ, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức, lừa dối khách hàng, sản xuất hàng giả, buôn bán hàng giả đều là những tội phạm có cùng biểu hiện dùng thủ đoạn gian dối khi thực hiện hành vi phạm tội và đều có động cơ vụ lợi, người phạm tội mang trong mình tư tưởng gian dối, nhằm để đem về lợi ích nhất cho mình. Sở dĩ nhóm tội này có chiều hướng gia tăng, tính chất, mức độ, qui mô, phương thức ngày càng nghiêm trọng và phức tạp bởi tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và thời đại bùng nổ công nghệ thông tin.

Thứ tư, cùng với loại tội phạm có yếu tố chiếm đoạt thì tội Lừa đảo CĐTTS có khả năng sẽ ngày càng diễn ra phức tạp hơn, có sự câu kết với nhau để hình thành tổ chức, ổ nhóm, hoạt động lưu động có tính chuyên nghiệp trên nhiều địa bàn, tỉnh thành khác nhau. Chính bởi sự câu kết với nhau sẽ tạo điều kiện cho chúng có nơi ẩn náu, tránh sự truy bắt của CQĐT. Như vậy, trong tương lai, việc điều tra, khám phá đối với loại tội phạm này sẽ gặp rất nhiều khó khăn, cần phải có sự phối hợp với nhau một cách chặt chẽ giữa các lực lượng nghiệp vụ trên địa bàn thành phố cũng như trên phạm vi cả nước.

Thứ năm, cũng như các loại tội phạm khác cùng nhóm chiếm đoạt, đối tượng bị tác động của tội phạm Lừa đảo CĐTTS là những người có tiền của, tài sản, họ là những người giàu có, có cử chỉ, lời nói thật thà, nhẹ dạ, cả tin và đặc biệt là những người tham lam, háms lợi, mất cảnh giác. Về hậu quả tác hại do tội phạm Lừa đảo CĐTTS gây ra sẽ ngày càng lớn hơn trước và càng nghiêm trọng. Các loại tài sản mà đối tượng sẽ nhằm vào là các loại tài sản có giá trị lớn, giao dịch thuận lợi và dễ tiêu thụ. Lĩnh vực mà bọn tội phạm thường tập trung chủ yếu là lĩnh vực ngân hàng, tín dụng, lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực xây dựng, qui hoạch đất đai, lĩnh vực giới thiệu việc làm...

Thứ sáu, trong khi diễn biến của bọn tội phạm này ngày càng phức tạp thì hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS gặp nhiều khó khăn và hạn chế, đó là:

+ Giữa CQĐT và VKS không thống nhất với nhau trong việc xác định giữa tội phạm và quan hệ dân sự, đặc biệt là việc phân biệt giữa hai tội Lừa đảo CĐTTS và tội Lạm dụng tín nhiệm CĐTTS.

+ Lực lượng làm công tác điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS (điều tra về trật tự xã hội và điều tra tham nhũng, kinh tế, chức vụ) chưa chủ động trong việc phát hiện nguồn tin về tội phạm Lừa đảo CĐTTS mà chủ yếu phụ thuộc vào tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS từ phía công dân. Việc thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm đạt hiệu quả chưa cao, nhiều trường hợp phải gia hạn hoặc tạm dừng, dẫn tới sót lọt tội phạm.

+ Công tác điều tra khám phá án Lừa đảo CĐTTS đạt tỷ lệ chưa cao. Nhiều vụ việc đã được khởi tố vụ án, nhưng do nhận thức của ĐTV, đối tượng lại là người có trình độ, nên dẫn đến nhiều vụ còn kéo dài, thậm chí còn bị câu dằm, bế tắc.

+ Kết quả một số hoạt động điều tra còn hạn chế, hiệu quả thấp. Nhiều ĐTV áp dụng các hình thức gọi hỏi, triệu tập đối tượng đang bị tố giác, thiếu các biện pháp nghiệp vụ, dẫn đến đánh động đối tượng nên đã có hành động đối phó lại Cơ quan điều tra, như: tẩu tán, tiêu hủy vật chứng, xóa dấu vết...

+ Công tác lấy lời khai người bị hại mới chỉ dừng lại ở nội dung làm rõ lai lịch, đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt, đặc điểm nhận dạng của đối tượng bị tố giác chứ chưa tác động tâm lý hoặc động viên tư tưởng người bị hại trước khi lấy lời khai. Vì vậy, dẫn đến tình trạng người bị hại xấu hổ về lòng tham của mình nên không khai báo đúng sự thật hoặc bỏ qua nhiều chi tiết quan trọng liên quan đến vụ án. Cũng có một số trường hợp bị hại nói quá sự thật, như khai tăng số tài sản bị chiếm đoạt hoặc áp đặt ý chủ quan của mình về đối tượng...

+ Công tác phối hợp giữa các lực lượng nghiệp vụ chưa chặt chẽ, cá biệt còn xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, nhận tin nhưng không ghi đầy đủ thông tin. Việc áp dụng các biện pháp điều tra ban đầu như bảo vệ hiện trường, xác minh, xử lý nóng các tình huống nghiệp vụ để đảm bảo yêu cầu điều tra chưa được thực hiện kịp thời.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng

Từ những nghiên cứu về mặt lý luận cũng như qua đánh giá thực trạng hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN, để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS, tác giả nêu ra một số giải pháp sau:

3.2.1. Giải pháp về pháp luật

Một là, hoàn thiện, bổ sung, ban hành các văn bản luật và văn bản hướng dẫn luật liên quan đến đấu tranh phòng chống tội phạm Lừa đảo CĐTTS. BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 ra đời thay thế BLHS năm 1999 là một bước tiến vượt bậc của các nhà làm luật. Những qui định của BLHS năm 2015 góp phần khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, trong đó có tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Tuy nhiên, do mới ra đời, việc áp dụng các nội dung theo điều luật còn hạn chế, vì vậy, cần phải ban hành những văn bản hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các Cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng một cách có hiệu quả. Chẳng hạn như BLHS năm 2015 tại điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 của điều 174 BLHS năm 2015 qui định về “*lợi dụng thiên tai, dịch bệnh*” “*lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp*”. Nếu không có hướng dẫn cụ thể sẽ dẫn đến việc hiểu theo kiểu tùy nghi. Người thực hiện hành vi phạm tội xảy ra lúc có thiên tai dịch bệnh, nhưng không phải do họ lợi dụng hoàn cảnh này, mà đây là sự phạm tội ngẫu nhiên, do vậy phải hướng dẫn như thế nào là “*lợi dụng*”.

Hai là, cần bổ sung sửa đổi Bộ luật TTHS theo hướng được áp dụng việc phong tỏa tài sản, kê biên, phong tỏa tài khoản trong quá trình giải quyết tin báo, tố giác tội phạm (trước khi khởi tố) nhằm hạn chế việc người phạm tội tẩu tán tang vật, tiêu hủy chứng cứ.

Ba là, cần có văn bản giải thích chi tiết cụ thể nội dung được quy định tại khoản 1, Điều 174 BLHS năm 2015. Như thế nào được xem tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.

Việc bổ sung trường hợp này là phù hợp với thực tế. Qua thực tiễn xét xử cho thấy, có những vụ việc tài sản bị chiếm đoạt có giá trị nhỏ như một chiếc xích lô hoặc một chiếc xe đạp, nhưng lại là phương tiện kiếm sống chính của bản thân người bị hại cũng như chính gia đình họ. Khi bị mất tài sản đó, thì họ không còn tài sản nào khác có giá trị cao hơn và không có phương tiện để giúp họ kiếm sống. Đối với những trường hợp này, tài sản định giá thường dưới 2 triệu đồng nên phải xử lý hành chính đối với đối tượng có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không có tác dụng giáo dục, răn đe. Vì thế cần thiết phải bổ sung quy định này.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là cơ sở nào để xác định tài sản bị chiếm đoạt là công cụ phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ. Không thể chỉ dựa trên lời khai của bị hại để kết luận mà cần phải có cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định và cần có các thủ tục pháp lý cần thiết để xác định tính chất tài sản sản. Để tránh xảy ra tình trạng oan sai các cơ quan có thẩm quyền cần phải kịp thời có văn bản

hướng dẫn, để làm rõ tài sản như thế nào thì được coi là phương tiện kiếm sống chính của bị hại.

Theo tác giả, tài sản được coi là phương tiện kiếm sống chính của bị hại thì tài sản đó phải thỏa mãn: Đó là tài sản duy nhất để bị hại sử dụng làm nguồn thu nhập để sinh sống, khi tài sản đó bị mất thì bị hại không còn tài sản nào khác có thể giúp họ kiếm sống hoặc gia đình họ lâm vào tình trạng rất khó khăn về đời sống.

Bốn là, cần sửa đổi khoản 1 điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015 việc hỏi cung bị can cần qui định cụ thể sau: *“hỏi cung bị can tiến hành ngay sau khi quyết định khởi tố bị can được VKS phê chuẩn”* thay cho cụm từ *“hỏi cung bị can tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can”*.

Năm là, cần có thêm hướng dẫn cụ thể với trường hợp *“Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*

Theo tác giả *“Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”* có nghĩa là tạo ra những tác động phức tạp, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, có tác động tiêu cực đến đời sống bình thường của nhân dân. Nhưng cụ thể mức độ thể nào là ảnh hưởng xấu, cơ quan nào là đơn vị xác định mức độ ảnh hưởng xấu, thì cần hướng dẫn cụ thể để tránh xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Sáu là, cần có thêm các hướng dẫn để phân biệt giữa tội Lừa đảo CDTS với tội phạm liên quan, nhất là hành vi có ký kết hợp đồng, nhưng có gian dối từ trước để nhận tài sản, nhưng không chứng minh được việc gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản, sau khi ký hợp đồng mới chiếm đoạt luôn; giữa hành vi lừa đảo trong thương mại điện tử theo điểm d, khoản 1, điều 290 BLHS năm 2015 với hành vi lừa đảo trong Điều 174 BLHS năm 2015.

Bảy là, về hình phạt bổ sung quy định tại Khoản 5 của Điều 174 BLHS năm 2015. Điều khoản này qui định mang tính không bắt buộc, nhằm mục đích Tòa án vận dụng linh hoạt trong quá trình xét xử. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn đã được đề cập trên đây, vì tính chất tùy nghi của điều khoản này lại dẫn đến nhiều trường hợp hình phạt bổ sung không được vận dụng phù hợp, làm giảm tính răn đe, phòng ngừa tội phạm. Để khắc phục tình trạng này, cần có văn bản hướng dẫn rõ ràng việc khi nào cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với tội phạm, theo hướng: *Áp dụng hình phạt bổ sung đối với trường hợp phạm tội Lừa đảo CDTS từ hai lần trở lên. Người phạm tội sẽ được miễn áp dụng hình phạt bổ sung nếu có điều kiện kinh tế khó khăn, thì phải có tài liệu chứng minh việc thi hành hình phạt bổ sung không thể thực hiện được.*

Tám là, cần có qui định hướng dẫn như thế nào được xem là phương thức thủ

đoạn gian dối của tội Lừa đảo CĐTTS, như thế nào thì phương thức thủ đoạn lại xem là cấu thành tội độc lập ngoài tội Lừa đảo CĐTTS.

3.2.2. Giải pháp về tổ chức lực lượng và cơ sở vật chất

Hoạt động điều tra vụ án hình sự nói chung, điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS nói riêng là một hoạt động phải tuân thủ các qui định của Bộ luật TTHS, để đảm bảo hoạt động này đạt hiệu quả, thì nhiệm vụ đặt ra trong thời gian đến đối với Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN là xây dựng, đào tạo đội ngũ ĐTV, Cán bộ điều tra có đầy đủ phẩm chất chính trị, trình độ pháp luật, nghiệp vụ chuyên môn với đầy đủ năng lực, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm, là những yếu tố mang tính chất quyết định.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy

Hiện nay, việc tiến hành điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS đã được chuyên môn hóa tại Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN, cụ thể ở CQĐT cấp quận, huyện Đội điều tra tội phạm về trật tự xã hội điều tra các tin báo, tố giác tội phạm, các vụ án xảy ra giữa cá nhân với cá nhân (người bị hại là cá nhân, hoặc có thể là pháp nhân, người bị tố cáo, người bị buộc tội là cá nhân), Đội điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ điều tra các tin báo, tố giác tội phạm, các vụ án xảy ra do lợi dụng danh nghĩa pháp nhân để thực hiện hành vi phạm tội (người bị hại có thể là cá nhân hoặc pháp nhân, còn người bị tố cáo, người bị buộc tội là pháp nhân). Ở cấp thành phố, Phòng CSĐT tội phạm về Trật tự xã hội điều tra các tin báo, tố giác tội phạm, các vụ án xảy ra giữa cá nhân với cá nhân; Phòng CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ điều tra các tin báo, tố giác tội phạm, các vụ án xảy ra do lợi dụng danh nghĩa pháp nhân để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, do số số lượng ĐTV và Cán bộ điều tra hiện nay còn hạn chế, ngoài tội Lừa đảo CĐTTS, các lực lượng này còn phải điều tra nhiều vụ án liên quan đến nhiều tội danh khác nhau, theo qui định của Bộ trưởng Bộ Công an qui định về chức năng nhiệm vụ của các Cục, Phòng, Đội thuộc CQĐT các cấp, nên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác điều tra xử lý vụ án Lừa đảo CĐTTS. Do đó, cần tiếp tục có sự chuyên môn hóa chức năng, nhiệm vụ cho từng phòng, đội, tránh sự chồng chéo, đùn đẩy, ỷ lại trong công việc dẫn đến hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS không cao. Cần tăng cường hơn nữa việc nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, để mỗi Cán bộ chiến sỹ đều nắm được chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của đơn vị trong công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Bên cạnh đó, cần tăng cường mối quan hệ phối hợp, linh động hơn nữa giữa các lực lượng để phát huy được sức mạnh của toàn lực lượng nhằm giải quyết có hiệu quả trong hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Chẳng hạn như việc phối hợp

chặt chẽ với Phòng Cảnh sát truy nã cung cấp, trao đổi thông tin để truy bắt các đối tượng bị truy nã về tội Lừa đảo CĐTTS.

Liên quan đến việc điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS, phía bị hại và phía người bị buộc tội thường có những tác động đến ĐTV, cán bộ điều tra để muốn có lợi về phía mình, do vậy, việc phải thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho lực lượng làm công tác điều tra là một yêu cầu bức thiết, bằng nhiều phương pháp khác nhau, từ đó giúp cho cán bộ chiến sỹ hiểu được đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, chỉ thị của ngành, giữ vững lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, không bị lung lay trước bất kỳ khó khăn cũng như mọi cám dỗ vật chất, lôi kéo nào của tội phạm, đảm bảo điều tra vụ án một cách khách quan. Phẩm chất đạo đức, tác phong làm việc, lối sống của cán bộ chiến sỹ và đạo đức nghề nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác điều tra vụ án, làm tốt công tác này sẽ hạn chế đáng kể những sai lầm, thiếu sót trong hoạt động điều tra vụ án, hạn chế tỷ lệ oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

- Về công tác xây dựng lực lượng

Ngoài việc bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho Cán bộ chiến sỹ, cần phải tăng cường, bổ sung đội ngũ Cán bộ làm công tác điều tra kế cận trong thời gian tới, đảm bảo cả số lượng và chất lượng. Hiện số lượng ĐTV của toàn Công an TPĐN có 179 đồng chí, vừa phải thực hiện nhiệm vụ của một cán bộ chiến sỹ theo qui định của lực lượng vũ trang, vừa phải tiến hành điều tra các vụ án theo sự phân công của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và phải đảm bảo đúng qui định, trình tự của pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng qua loa, đại khái khi giải quyết công việc, làm ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động điều tra một phần là do sự quá tải trong công việc. Vì vậy, cần tăng cường công tác tuyển chọn, bổ sung thêm đội ngũ cán bộ, đặc biệt là những Cán bộ điều tra có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS, chọn lựa số sinh viên được đào tạo chính qui trong các trường Công an nhân dân, theo đúng chuyên ngành điều tra tội phạm. Ngoài ra cần bổ nhiệm chức danh Cán bộ điều tra cho những cán bộ đủ điều kiện, đây là nguồn để bổ sung cho lực lượng Điều tra viên sau này.

Thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng điều tra cho số cán bộ được phân công làm công tác điều tra được tuyển dụng từ ngành ngoài vào.

- Về cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất và kinh phí phục vụ cho hoạt động điều tra tội phạm của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN trong những năm qua mặc dù đã có sự quan tâm, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác điều tra tội phạm

nói chung và điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS nói riêng. Phương tiện, công cụ chưa được trang bị cho hoạt động điều tra vụ án như thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh tại phòng hỏi cung theo qui định mới của Bộ luật TTHS..., kinh phí chi trả cho việc định giá tài sản, giám định tài liệu. Kiến nghị trong thời gian tới cần đề xuất việc trang bị công cụ, phương tiện và nguồn kinh phí hàng năm để đảm bảo cho hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS ở Thành phố Đà Nẵng được tiến hành nhanh chóng, chính xác và đạt hiệu quả, đảm bảo đúng qui định của pháp luật.

3.2.3. Giải pháp nâng cao chiến thuật điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS

Thứ nhất, tổ chức khẩn trương, hiệu quả công tác tiếp nhận, kiểm tra, xác minh các tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Tiếp nhận các tố giác, tin báo về tội phạm nói chung, tội phạm Lừa đảo CĐTTS nói riêng là khâu quan trọng trong hoạt động điều tra khám phá vụ án Lừa đảo CĐTTS, vì vậy, khi tiếp nhận tố giác, tin báo, cần phải thực hiện theo đúng qui trình qui định tại các Điều 145, 146, 147 Bộ luật tố tụng hình sự và Thông tư 01, qui định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số qui định của Bộ luật TTHS năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Thứ hai, chú trọng hoạt động điều tra theo TTHS trong điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS xảy ra trên địa bàn TPĐN. Bên cạnh những vụ việc có sự chỉ đạo của chính quyền cấp trên thì việc điều tra, khám phá những vụ án Lừa đảo CĐTTS cũng cần phải được tiến hành giải quyết nhanh chóng, thu hồi lại tài sản bị chiếm đoạt, tạo lòng tin cho người dân.

Thứ ba, sử dụng tổng hợp, đồng bộ các hoạt động nghiệp vụ trinh sát, hỗ trợ điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Bên cạnh việc áp dụng đúng pháp luật, các qui định hiện hành thì việc sử dụng các biện pháp nghiệp vụ cũng rất cần thiết, đặc biệt là nắm tình hình, rà soát đối tượng hay nắm di biến động của đối tượng, hỗ trợ cho công tác điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS. Sử dụng biện pháp điều tra đặc biệt theo qui định của Bộ luật TTHS 2015 (từ điều 223 đến 228) khi xét thấy cần thiết và đủ điều kiện để được áp dụng các biện pháp điều tra đặc biệt này, nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất trong quá trình điều tra các vụ án lừa đảo CĐTTS có tổ chức thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ tư, thực hiện có hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa lực lượng ĐTV với các lực lượng khác và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm Lừa đảo CĐTTS. ĐTV là lực lượng chính trong công tác điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS, tuy nhiên, cần phải phối hợp với các lực lượng như: trinh sát, cảnh sát khu vực, dân phòng... Thông qua các quan hệ này, để có thể rà soát, khoanh vùng đối tượng, nắm

tình hình, phương thức thủ đoạn, di biến động, các băng ỏ nhóm... phục vụ cho công tác truy tìm đối tượng. Bên cạnh đó, việc mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế cũng góp phần quan trọng trong công tác truy tìm những đối tượng truy nã đã trốn ra nước ngoài.

Thứ năm, thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra và tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm trong điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Đây là việc làm nhằm đánh giá lại những công tác đã làm được để phát huy, và những công tác chưa làm được để rút kinh nghiệm cho công tác điều tra những vụ án Lừa đảo CĐTTS tiếp theo. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện những sai phạm trong hoạt động tổ tụng để chấn chỉnh.

Tiểu kết chương

Chương 3 luận văn dựa trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPĐN trong thời gian từ năm 2013 - 2017, chương 3 của luận văn đã trình bày những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Dự báo một số tình hình có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS xảy ra trên địa bàn TPĐN trong thời gian tới. Gồm: Dự báo về tình hình và Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

Thứ hai: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an TPĐN. Gồm: Giải pháp về pháp luật; Giải pháp về tổ chức lực lượng, cơ sở vật chất và Giải pháp nâng cao chiến thuật điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Từ thực tế nghiên cứu cho thấy việc điều tra, xử lý tội phạm Lừa đảo CĐTTS vẫn còn gặp phải những khó khăn nhất định do những nguyên nhân chủ quan và những bất cập trong quy định của pháp luật chưa được tháo gỡ. Vì vậy, kết quả nghiên cứu tại chương này đã góp phần đưa ra những giải pháp và kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra loại tội phạm này của Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp ở Công an TPĐN trong thời gian sắp tới.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài "*Điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn TPĐN*". Người viết đã làm rõ được những nội dung cần tập trung nghiên cứu và đạt được một vài kết quả như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề chung về lý luận của tội phạm Lừa đảo CĐTTS, đưa ra khái niệm về tội phạm Lừa đảo CĐTTS, từ đó đi sâu phân tích các dấu hiệu pháp lý của loại tội phạm này. Ngoài ra còn làm rõ được khái niệm về điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS, cơ sở pháp lý của hoạt động điều tra, những vấn đề cần chứng minh trong vụ án Lừa đảo CĐTTS, phương pháp, biện pháp tiến hành các hoạt động điều tra, đồng thời nhận diện được những hành vi khách quan nào thuộc cấu thành của tội Lừa đảo CĐTTS. Từ đó, giúp CQĐT có định hướng để thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình tiến hành điều tra. Đồng thời là cơ sở quan trọng giúp phân biệt giữa tội Lừa đảo CĐTTS với một số tội phạm khác, làm cho ĐTV có cái nhìn khách quan nắm rõ đúng bản chất hành vi phạm tội để từ đó định tội danh được chính xác.

Thứ hai, Luận văn đã nghiên cứu tình hình tội phạm hình sự, tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và đi sâu nghiên cứu tội phạm Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPĐN cùng với kết quả hoạt động điều tra những vụ án Lừa đảo CĐTTS của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an TPĐN trong những năm qua. Trên cơ sở đó, để đánh giá, thấy được những ưu điểm để phát huy và khắc phục những hạn chế còn thiếu sót, tồn tại. Ngoài ra, luận văn còn nêu và phân tích những khó khăn, vướng mắc và bất cập trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS, từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp khắc phục để nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS.

Thứ ba, trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài, người viết đã đưa ra một số kiến nghị để áp dụng Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 trong thời gian đến. Trên cơ sở nghiên cứu đề tài, với mục đích góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn để hiểu sâu sắc và toàn diện hơn về loại tội phạm này, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội Lừa đảo CĐTTS./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 212 Bản án của các Tòa án nhân dân hai cấp Thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn năm 2013 đến năm 2017 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
2. Luật sư Phạm Tuấn Anh (2016), *“Một số dấu hiệu cơ bản của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bộ Công an (2015), *Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41, ngày 20/3/2015, Ban hành Qui trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong Công an nhân dân*.
4. Lê Cẩm (1999), *“Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, một số vấn đề cơ bản của Phần chung”*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2005), *“Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật Hình sự (Phần chung)”*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Công an Thành phố Đà Nẵng (2013), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2013, Chương trình công tác năm 2014 của Công an Thành phố Đà Nẵng”*.
7. Công an Thành phố Đà Nẵng (2014), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2014, Chương trình công tác năm 2015 của Công an Thành phố Đà Nẵng”*.
8. Công an Thành phố Đà Nẵng (2015), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2015, Chương trình công tác năm 2016 của Công an Thành phố Đà Nẵng”*.
9. Công an Thành phố Đà Nẵng (2016), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2016, Chương trình công tác năm 2017 của Công an Thành phố Đà Nẵng”*.
10. Công an Thành phố Đà Nẵng (2017), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2017, Chương trình công tác năm 2018 của Công an Thành phố Đà Nẵng”*.
11. Công ty Luật TNHH Everest (2016), *“Phân tích tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*, hinhsu.luatviet.co, 11/11/2016.
12. Cổng thông tin điện tử Thành phố Đà Nẵng (2016), *“Điện tích, dân số và đơn vị hành chính Thành phố Đà Nẵng năm 2016”*, danang.gov.vn
13. Cổng thông tin điện tử Thành phố Đà Nẵng, *“Vị trí địa lý, tự nhiên Thành phố Đà Nẵng”*, danang.gov.vn
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*, Hà Nội.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"*, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới"*, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới"*, Hà Nội.
18. Ngô Thị Hạnh (2016), *Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam*, thegioiluat.vn
19. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *"Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học"*, Tạp chí luật học,(06), tháng 6.
20. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006, Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
21. Bùi Thị Lan Hương (2017), *Một số nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn miền Đông Nam Bộ*, Khoa học Kiểm sát số 04, 2017.
22. Thượng úy, Th.s Đỗ Thị Mai Hương (2018), *Hoạt động đánh giá chứng cứ của Điều tra viên trong việc đề xuất Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can phạm tội Lừa đảo CĐTS*, Tạp chí CSND.
23. Thượng tướng, GS, TS. Tô Lâm (2017) (chủ biên), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017*, Nxb Thanh niên.
24. Thượng tướng, GS, TS. Tô Lâm (2016) (chủ biên), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Thanh niên.
25. Cao Thị Oanh (chủ biên) (2015), *"Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tài sản"*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
26. Đinh Văn Quế (Số 4/2016), *"Thế nào là bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản?"* Luật sư Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
27. Quốc hội (2010), *Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội (2010), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

29. Quốc hội (2016), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội (2004), *Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội (2015), *Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13*, Công báo số 1263+1264 ngày 31/12/2015
33. Vũ Quốc Thắng (số 21/1997), *Xác định ranh giới giữa các tội lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với giao dịch dân sự*, Tạp chí Kiểm sát.
34. Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV .Các tội xâm phạm sở hữu. Bộ luật hình sự năm 1999.
35. Thông tư liên tịch 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT&VKSNDTC, ngày 02/8/2013, Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
36. Bộ Công an, Thông tư số 28/2014/TT-BCA, ngày 07/7/2014, Quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân.
37. Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT&VKSNDTC, ngày 29/12/2017, Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
38. Thông tư liên tịch 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP về việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
39. Thông tư liên tịch 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và VKS có thẩm quyền kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam
40. Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến bào chữa
41. Thông tư liên tịch 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can;

sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

42. Thông tư 07/2018/TT-BCA về quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận tiền, đồ vật và liên lạc điện thoại với thân nhân
43. Tổng cục Cảnh sát, Cục CSĐT tội phạm về kinh tế và tham nhũng (2017), *Tài liệu tập huấn Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) và các bộ luật, luật có liên quan; công tác nghiệp vụ cơ bản; công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của lực lượng Cảnh sát kinh tế*.
44. Đại tá Nguyễn Thanh Tùng (2018), “*Nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo chức năng của lực lượng CSHS, CATP Hà Nội*”, Hà Nội.
45. Nguyễn Đình Trung (2013), “*Quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra cấp huyện trong điều tra, truy tố các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”, Khóa Luận Tốt nghiệp.
46. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, tập I*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, tập II*, Nxb Công an nhân dân (2015)
48. Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1970), *Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa*, ngày 21/10/1970.
49. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Mai Bộ (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999, (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Viện khoa học pháp lý - Bộ tư pháp (2008), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp.
51. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
52. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình lý luận chung về định tội danh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
53. Võ Khánh Vinh (9/2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
54. Nguyễn Xuân Yêm (2003), *Tội phạm có tổ chức, mafia và toàn cầu hóa tội phạm*", Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: THỐNG KÊ ÁN KHỞI TỐ TỪ NĂM 2013 - 2017

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Năm	Tổng số vụ	Tổng số bị can	Ma túy	Kinh tế, chức vụ	Sở hữu		Trật tự xã hội	Hoạt động Tư Pháp
					Tổng số	LĐCĐTS		
2013	708	1219	98	6	381	54	223	00
2014	739	1198	116	6	409	53	208	00
2015	705	1131	120	9	362	38	214	00
2016	699	1102	144	10	347	29	198	00
2017	779	1172	178	6	364	38	231	00
Tổng cộng	3630	5822	656	37	1863	212	1074	00

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

PHỤ LỤC 2: THỐNG KÊ CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU TỪ NĂM

2013 - 2017 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Năm	Tổng số vụ	Tổng số bị can	Cướp tài sản	Cướp giật tài sản	Trộm cắp tài sản	Lừa đảo CĐTS	Lạm dụng tín nhiệm CĐTS	Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	Cưỡng đoạt tài sản	Chiếm giữ tài sản trái phép	Công nhiên CĐTS	Bắt cóc nhằm CĐTS
2013	381	545	15	25	250	54	18	8	9		2	
2014	409	554	17	20	281	53	21	10	6			1
2015	362	521	7	35	246	38	13	12	7	1	3	
2016	347	452	10	25	240	29	23	10	7		1	2
2017	364	471	10	29	246	38	8	23	10			
Tổng cộng	1863	2543	59	134	1263	212	83	63	39	1	6	3

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng

**PHỤ LỤC 3: THỐNG KÊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN “BẮT” TỪ
NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2017 TRÊN ĐẠI BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, ĐỐI
VỚI NGƯỜI THỰC HIỆN HÀNH VI PHẠM TỘI LỪA ĐẢO CĐT**

Năm	Tổng số đối tượng bị bắt	Bắt tạm giam	Bắt khẩn cấp	Bắt truy nã	Bắt quả tang
2013	36	22	5	6	3
2014	39	25	5	7	2
2015	27	18	4	4	1
2016	21	18	1	0	2
2017	28	19	8	1	0
Tổng cộng	151	102	23	18	8

Nguồn: Công an Thành phố Đà Nẵng